

Số: 15 /BC-CNDD/HĐQT
No: 15 /BC-CNDD/HĐQT

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2026
HCM City, month 26 day 03 Year 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 **ANNUAL REPORT YEAR 2025**

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi the Stock Exchange.*

I. Thông tin chung/ General information:

1. Thông tin khái quát/ General information:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

Company Name: PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt/ *Abbreviation:* **PVC – IC**

- Logo của Công ty/ *Company Logo:*



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và cấp thay đổi lần thứ tám (08) ngày 17/06/2025.

Enterprise Registration Certificate No. 3500832971, initially issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on November 26, 2009, and amended for the eighth (08th) time on June 17, 2025.

- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)

Charter Capital: 300,000,000,000 VND (Three hundred billion VND)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 153.000.000.000 (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng).

Owner's Capital: 153,000,000,000 VND (One hundred fifty-three billion VND)

- Trụ sở chính: Số 35D, Đường 30/4, phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh

Head Office: 35D, 30/4 Street, Ward Tam Thang, Hồ Chí Minh City

- Điện thoại: (0254) 3 834 784 Fax (0254) 3 839 925
Telephone: (0254) 3 834 784 Fax: (0254) 3 839 925
- Email info@pvc-ic.com.vn Website <http://pvc-ic.com.vn>
- Mã cổ phiếu/ Stock Code: PXI
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện
Regarding the implementation of internal audit functions: Not yet implemented
- Quá trình hình thành và phát triển/ Establishment and development process:

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, được thành lập ngày 21/12/2007 theo quyết định số 03/QĐ-HĐQT-TCT của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company
The predecessor of the company was Petroleum Industrial and Civil Construction One-Member Limited Liability Company, established on December 21, 2007, under Decision No. 03/QĐ-HĐQT-TCT issued by Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation.

Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4904000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/12/2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư, xây lắp các công trình chuyên ngành Dầu khí; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng, cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ. Sau gần ba năm hoạt động, Công ty ngày càng phát triển. Sản lượng và lợi nhuận của Công ty không ngừng gia tăng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Công ty trở thành một đơn vị chủ lực về xây dựng công nghiệp và dân dụng của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

The Petroleum Industrial and Civil Construction One-Member Limited Liability Company officially commenced operations under Business Registration Certificate No. 4904000226, initially issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on December 28, 2007, with a charter capital of 50,000,000,000 VND (Fifty billion VND). The company's primary missions included: Construction of civil and industrial projects both within and outside the petroleum sector; Investment and construction of petroleum-specialized projects; Construction of infrastructure, ports, and water supply and drainage systems; Investment in real estate business and auxiliary infrastructure. After nearly three years of operation, the company experienced significant development, with continuous growth in production output and profits, and an increase in employee incomes. The company became a key unit in industrial and civil construction under the Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation.

Nhằm chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã đề xuất phương án và được Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt việc chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH 1 TV sang Công ty Cổ phần vào ngày 16/11/2009 theo quyết định số 964/QĐ-XLDK. Dựa trên quyết định này, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

To enhance autonomy in its business activities, the company proposed and was approved by the Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation to transition

from a one-member limited liability company to a joint-stock company on November 16, 2009, under Decision No. 964/QĐ-XLDK. Based on this decision, the Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company was officially established under a new Business Registration Certificate, initially issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on November 26, 2009, with a charter capital of 300,000,000,000 VND (Three hundred billion VND).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở GDCK TP HCM. Đến nay, cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UPCOM Sở GDCK TP Hà Nội.

On June 21, 2010, the company's shares were officially listed and traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE). Currently, the company's shares are being traded on the UPCOM platform of the Hanoi Stock Exchange (HNX).

- Các sự kiện khác/ Other events: Không có/ None.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/ Business lines:

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ Registered Business Lines
1	4101	<p>Xây dựng nhà ở/ <i>Construction of residential buildings</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Xây dựng công nghiệp dân dụng; - Xây dựng và sửa chữa dân dụng công nghiệp; - Xây dựng nhà phố, biệt thự, nhà xưởng, chung cư, nhà cao tầng/ <i>Industrial and civil construction; civil and industrial construction and repair; construction of townhouses, villas, factories, apartment buildings and high-rise buildings.</i></p>
2	4299	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác/ <i>Construction of other civil engineering works</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị; Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35KV/ <i>Construction of infrastructure works, bridges, ports; real estate and auxiliary infrastructure investment and business; investment in construction of industrial production facilities, energy facilities, and production and trading of construction materials; investment in construction and installation of oil and gas specialized works; investment in construction and business of urban areas; construction of medium-voltage power lines and transformer stations up to 35kV.</i></p> <p>Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường), hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, thủy điện, Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị/ <i>Construction of civil,</i></p>

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ <i>Registered Business Lines</i>
		<p><i>industrial, transport (bridges, roads), technical infrastructure, irrigation and hydropower works; investment in the construction of infrastructure facilities for industrial parks and residential areas; investment in the construction and installation of oil and gas specialized works; investment in the construction and business of urban areas;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia tách đất với cải tạo đất/ <i>Land subdivision and land improvement;</i> - Xây dựng các công trình điện (có điện áp đến 110KV; nhà máy điện; công trình năng lượng tái tạo)/ <i>Construction of power works (with voltage up to 110kV; power plants; renewable energy works);</i> - Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV/ <i>Construction of power lines and transformer stations up to 35kV.</i>
3	4329	<p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác/ <i>Installation of other building systems</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: Báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước; Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng; Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống chống sét/ <i>Construction, trading, installation, repair and maintenance of the following systems: automatic fire alarm systems, fire fighting systems, lightning protection systems, surveillance camera systems, telephone switchboards, elevators, electrical systems, refrigeration systems, lighting systems, water supply and drainage systems; trading in equipment, machinery and materials for the construction, industry and mining sectors; installation of fire prevention and fighting equipment systems and lightning protection systems</i></p>
4	7110	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan/ <i>Architectural activities and related technical consultancy</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Lập dự án đầu tư; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn lập dự án đầu tư và thẩm định các dự án đầu tư xây dựng/ <i>Preparation of investment projects; structural design of civil works; design of technical infrastructure works; consultancy on preparation of investment projects and appraisal of construction investment projects;</i></p> <p>Tư vấn lập quy hoạch xây dựng/ <i>Construction planning consultancy;</i></p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình/ <i>Management of construction investment projects;</i></p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp/ <i>Structural design of civil and industrial works;</i></p>

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ <i>Registered Business Lines</i>
		Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật/ <i>Design of technical infrastructure works.</i>
5	4663	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng/ <i>Wholesale of construction materials and other installation supplies</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng/ <i>Wholesale of construction materials and other installation supplies.</i></p>
6	2592	<p>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại/ <i>Machining; treatment and coating of metals</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Gia công cơ khí (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất gia công tại các phường 1,2,3,4,5,6,7,8 và phường Thắng Tam thuộc TP Vũng Tàu, chỉ được phép hoạt động khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh môi trường)/ <i>Mechanical processing (the enterprise is not permitted to establish processing workshops in Wards 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 and Thang Tam Ward of Vung Tau City, and may only operate upon obtaining a certificate of environmental sanitation compliance from the competent state authority).</i></p>
7	6810	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê/ <i>Real estate business, land use rights of owners, users or lessees</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Quản lý và vận hành Nhà chung cư, Nhà cao tầng, Trung tâm Thương mại. Kinh doanh bất động sản, Trung tâm thương mại, Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp, Mua bán nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác, cho thuê mặt bằng, cho thuê căn hộ, cho thuê kho bãi, cho thuê nhà xưởng, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà nguyên căn/ <i>Investment in creating houses and construction works for sale, lease or lease-purchase; purchase of houses and construction works for sale, lease or lease-purchase; lease of houses and construction works for sublease; investment in land improvement and infrastructure works on leased land</i></p>

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ <i>Registered Business Lines</i>
		<i>for lease of land with infrastructure; receipt of land use right transfers and investment in infrastructure works for transfer or lease; lease of land use rights with existing infrastructure for sublease; purchase and sale of houses and residential land use rights; purchase and sale of houses and non-residential land use rights; lease, operation and management of housing and residential land; management and operation of apartment buildings, high-rise buildings and commercial centers. Real estate business; commercial centers; general commercial service centers; purchase and sale of residential houses such as apartments and other houses; lease of premises, apartments, warehouses, factories, offices and whole houses.</i>
8	6820	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất/ <i>Real estate consultancy, brokerage, auction of real estate, auction of land use rights</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản/ <i>Real estate brokerage; real estate trading floor services.</i></p>
9	2395	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao/ <i>Manufacture of concrete and products from concrete, cement and plaster</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; sản xuất gạch nhẹ/ <i>Manufacture of concrete and products from cement and plaster; manufacture of lightweight bricks.</i></p>
10	2733	<p>Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại/ <i>Manufacture of wiring devices</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại/ <i>Manufacture of cable trays, cable ladders, electrical panels, and control cabinets of all kinds.</i></p>
11	4312	<p>Chuẩn bị mặt bằng/ <i>Site preparation</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Chuẩn bị mặt bằng; San lấp cải tạo mặt bằng/ <i>Site preparation; land filling and site improvement</i></p>
12	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng/ <i>Building completion and finishing</i>
13	4390	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác/ <i>Other specialized construction activities</i></p> <p>Chi tiết/ <i>Details:</i></p> <p>Thi công cọc các công trình xây dựng/ <i>Pile driving/construction for construction works.</i></p>

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ <i>Registered Business Lines</i>
14	7710	Cho thuê xe có động cơ/ <i>Renting and leasing of motor vehicles</i>
15	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển/ <i>Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng/ <i>Rental of construction machinery and equipment.</i>
16	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động/ <i>Supply and management of labor resources</i>
17	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp/ <i>Combined support services</i>
18	8121	Vệ sinh chung nhà cửa/ <i>General cleaning of buildings</i>
19	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt/ <i>Industrial cleaning and cleaning of specialized works</i>
20	8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan/ <i>Landscape care and maintenance service activities</i>
21	8211	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp/ <i>General office administrative services</i>
22	4221	Xây dựng công trình điện / <i>Construction of electrical works</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Xây dựng công trình có điện áp đến 110KV; Nhà máy điện; Công trình năng lượng tái tạo); Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35 KV/ <i>Construction of works with voltage up to 110kV; power plants; renewable energy works; construction of power lines and transformer stations up to 35kV.</i>
23	4212	Xây dựng công trình đường bộ/ <i>Construction of roads and road works</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường)/ <i>Construction of transport works (bridges and roads).</i>
24	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu/ <i>Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Tư vấn chuyển giao công nghệ PCCC/ <i>Consultancy on transfer of fire prevention and fighting technology.</i>
25	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu/ <i>Other education not elsewhere classified</i>

Stt/ No.	Mã ngành nghề/ Business Code	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư kinh doanh/ Registered Business Lines
		Chi tiết/ <i>Details:</i> Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC/ <i>Training and instruction in fire prevention and fighting operations.</i>
26	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu/ <i>Other manufacturing not elsewhere classified</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị PCCC/ <i>Manufacture and assembly of fire prevention and fighting vehicles and equipment</i>
27	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu/ <i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư PCCC/ <i>Trading in fire prevention and fighting vehicles, equipment and materials.</i>
28	4321	Lắp đặt hệ thống điện/ <i>Electrical installation</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hoá công nghiệp/ <i>Installation of technological equipment systems, control systems, and industrial automation systems.</i>
29	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông/ <i>Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy/ <i>Wholesale of fire prevention and fighting equipment.</i>
30	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác/ <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Bán buôn phương tiện phòng cháy chữa cháy/ <i>Wholesale of fire prevention and fighting vehicles.</i>
31	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh/ <i>Retail sale of other new goods in specialized stores</i> Chi tiết/ <i>Details:</i> Bán lẻ thiết bị phòng cháy chữa cháy/ <i>Retail sale of fire prevention and fighting equipment.</i>

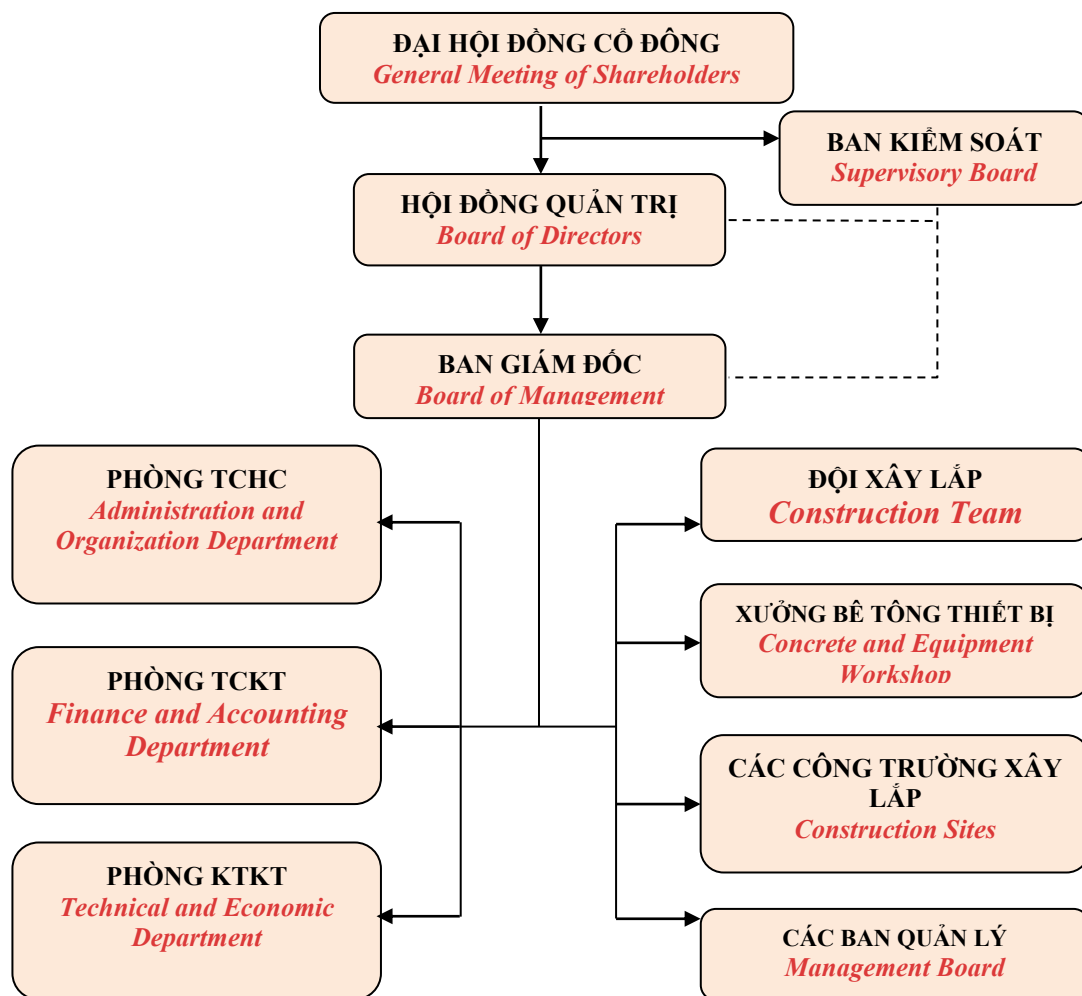
- Địa bàn kinh doanh/ *Location of business:* Các tỉnh thành trên lãnh thổ Việt Nam/
On the territory of Vietnam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

Information about governance model, business organization and managerial apparatus.

- Mô hình quản trị/ *Governance model*: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders; Board of Directors; Supervisory Board; and Director*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*:



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không có/ *None*

4. Định hướng phát triển/ *Development Orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main Objectives of the Company*.

+ Xây dựng và phát triển PVC-IC thành công ty xây lắp có trình độ quản lý và công nghệ thi công đủ năng lực để quản lý, tổ chức thực hiện các dự án công nghiệp, dân dụng và các dự án thuộc ngành Dầu khí theo hình thức tổng thầu EPC/ *To build and develop PVC-IC into a construction and installation company with sufficient management capability and construction technology to manage and execute industrial, civil, and oil and gas sector projects under the EPC general contracting model*.

+ Tiếp tục khai thác và nâng cao tỷ trọng lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp, phấn đấu chiếm khoảng 70% - 80% tổng doanh thu xây lắp của PVC-IC/ *To continue promoting and increasing the proportion of industrial construction works, targeting approximately 70% - 80% of PVC-IC's total construction and installation revenue*.

+ Mở rộng và phát triển các dịch vụ đa ngành/ *To expand and develop multi-sector service activities*.

+ Duy trì và phát triển thế mạnh hiện có của PVC-IC trong lĩnh vực xây dựng công

trình dân dụng, từng bước hướng tới nhận thầu các công trình cao tầng theo hình thức tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chia khóa trao tay/ *To maintain and further develop PVC-IC's existing strengths in civil construction, gradually moving toward undertaking high-rise building projects under the EPC general contracting model or turnkey contract model.*

+ Ngoài các mục tiêu chủ yếu nêu trên, trên cơ sở đánh giá tổng quan thị trường và vị thế của PVC-IC, Hội đồng quản trị xác định các mục tiêu cơ bản cho năm 2025 và các năm tiếp theo như sau/ *In addition to the above main objectives, based on an overall assessment of the market and PVC-IC's position, the Board of Directors has identified the following key objectives for 2025 and the subsequent years:*

+ Đạt các chỉ tiêu kinh tế theo đúng kế hoạch đã đề ra/ *To achieve the economic targets in accordance with the approved plan.*

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì vị thế trong lĩnh vực thi công xây dựng theo hướng nhận thầu các công trình quy mô vừa và lớn, có yêu cầu cao về kỹ thuật và mỹ thuật/ *To enhance competitiveness and maintain a strong position in the construction sector by undertaking medium- and large-scale projects with high technical and aesthetic requirements.*

+ Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn về chất lượng, đổi mới sáng tạo và năng lực lãnh đạo/ *To continue strengthening brand reputation and increasingly meet higher standards in quality, innovation, and leadership capability.*

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh trên tất cả các mặt hoạt động/ *To improve competitiveness across all operational aspects.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Medium- and Long-term Development Strategies:* Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay, PVC-IC tiếp tục quyết tâm phấn đấu tăng trưởng và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2025 - 2030 như sau/ *In the context of ongoing economic challenges, PVC-IC remains committed to achieving growth and maintaining stable production and business operations during the 2025 - 2030 period as follows:*

+ Giá trị sản xuất kinh doanh phấn đấu đạt mức tăng trưởng từ 10% đến 15%/năm/ *To strive for an annual growth rate in production and business value of 10% to 15%.*

+ Tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản (khi đáp ứng đủ điều kiện về vốn và năng lực tài chính), đồng thời từng bước hướng tới vai trò chủ đầu tư nhằm chủ động tạo nguồn việc; ưu tiên nhận thầu các dự án xây lắp có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và có thời gian thi công nhanh/ *To seek cooperation and investment opportunities with partners to implement real estate projects (subject to sufficient capital and financial capacity), while gradually moving toward becoming a project investor in order to proactively generate work; priority will be given to undertaking construction and installation projects valued at VND 50 billion or more, accounting for a major proportion of revenue and having short construction periods.*

+ Phát triển thêm các ngành nghề cung ứng dịch vụ và thương mại/ *To expand business activities into service provision and trading sectors.*

+ Để thực hiện các chiến lược nêu trên, Công ty cần tập trung triển khai các nhiệm vụ cụ thể sau/ *To implement the above strategies, the Company shall focus on the following specific tasks:*

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả các công trình xây dựng ngày càng có quy mô lớn và yêu cầu cao về kỹ thuật, mỹ thuật/ *To continue improving the organizational structure and*

management system in a modern direction so as to effectively manage increasingly large-scale construction projects with high technical and aesthetic requirements.

+ Thực hiện cổ phần hóa phần vốn góp của Nhà nước trong cơ cấu vốn của Công ty/
To implement the equitization of the State-owned capital portion in the Company's capital structure.

+ Kêu gọi vốn góp từ các cổ đông lớn, tập đoàn kinh tế và tổ chức tài chính; đồng thời hợp tác với các doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm và năng lực tài chính mạnh trong các lĩnh vực mà Công ty chưa có nhiều lợi thế nhằm mở rộng thị trường/
To mobilize capital contributions from major shareholders, economic groups, and financial institutions, while cooperating with enterprises having extensive experience and strong financial capacity in fields where the Company has not yet developed significant advantages, in order to expand the market.

+ Ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào công tác quản lý; đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành/
To apply information technology systems in management and promote digitalization and digital transformation in corporate governance and operations.

+ Nâng cao chất lượng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh/
To improve the quality of the management system in production and business activities in accordance with international standards.

+ Từng bước mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước; xây dựng các đội thi công, công ty con và công ty liên kết chuyên nghiệp trong lĩnh vực thi công công trình công nghiệp và hạ tầng/
To gradually expand operational areas to various provinces and cities nationwide, and to establish professional construction teams, subsidiaries, and affiliated companies specializing in industrial and infrastructure works.

+ Áp dụng các kỹ thuật thi công tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty thông qua việc rút ngắn tiến độ, bảo đảm chất lượng cao và tối ưu giá thành/
To apply advanced construction techniques in order to enhance the Company's competitiveness through shortened schedules, high quality, and optimized costs.

+ Tạo dựng niềm tin và uy tín cao đối với khách hàng/
To build strong trust and credibility with customers.

+ Quản trị tốt rủi ro, thu hồi công nợ kịp thời, hạn chế nợ xấu; đồng thời duy trì và nâng cao uy tín của Công ty đối với các tổ chức tín dụng và ngân hàng/
To effectively manage risks, promptly recover receivables, minimize bad debts, and maintain as well as enhance the Company's credibility with credit institutions and banks.

+ Quản lý tốt công tác thi công và tài chính để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi ích cho cổ đông/
To ensure sound construction and financial management so as to fulfill the planned economic targets, thereby delivering business efficiency and benefits to shareholders.

+ Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, hướng tới đáp ứng ở mức cao nhất các tiêu chuẩn của Hội đồng Thương hiệu Quốc gia/
To continue strengthening brand reputation and strive to satisfy the highest standards of the National Brand Council.

+ Phấn đấu đến cuối năm 2030, Công ty nằm trong top 100 doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Việt Nam/
By the end of 2030, the Company aims to rank among the top 100 construction investment enterprises in Vietnam.

+ Xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp quản lý; tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp đặc sắc, giàu tính nhân văn; nâng cao hình ảnh và vị thế của Công ty trên thị

trường đầu tư xây dựng nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao cho phát triển bền vững/ *To create an efficient working environment, promote staff training, improve leadership capacity at all management levels, continue refining the Company's distinctive and humanistic corporate culture, and enhance the Company's image and position in the construction investment market so as to attract high-quality human resources for sustainable development.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate Sustainability Objectives with Regard to Environment, Society and Community, and Related Short- and Medium-term Programs*: Tăng cường năng lực quản trị tài chính, xây dựng các kịch bản ứng phó và phương án ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh để chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi là những yếu tố quan trọng giúp Công ty duy trì hoạt động, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững. Đây cũng là định hướng hoạt động trọng tâm của PVC-IC trong năm 2026 và các năm tiếp theo/ *Enhancing financial governance capacity, developing response scenarios, and formulating business stabilization plans in preparation for the recovery phase are critical factors enabling the Company to sustain its operations and create a foundation and momentum for sustainable growth. These also constitute PVC-IC's key operational orientation for 2026 and the following years.*

5. Các rủi ro/ Risks:

5.1. Rủi ro Kinh tế/ Economic Risks:

- Suy thoái kinh tế toàn cầu: Các biến động kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến đầu tư công và đầu tư tư nhân, qua đó làm giảm số lượng các dự án xây dựng/ *Global Economic Recession: Macroeconomic fluctuations may affect both public and private investment, thereby reducing the number of construction projects.*

- Bất ổn chính trị và xung đột quân sự: Tình hình bất ổn chính trị, xung đột và hoạt động quân sự tại một số khu vực trên thế giới tiếp tục gia tăng, chưa xác định rõ thời điểm kết thúc, từ đó tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu/ *Political Instability and Military Conflicts: Political instability, conflicts, and military activities in certain regions of the world continue to escalate with no clear end in sight, thereby adversely affecting the global economy.*

- Lạm phát và chi phí nguyên vật liệu: Giá các loại vật liệu xây dựng như thép, xi măng và nhiên liệu có thể tăng cao, gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất kinh doanh/ *Inflation and Material Costs: Prices of construction materials such as steel, cement, and fuel may rise significantly, putting substantial pressure on production and business costs.*

- Biến động giá dầu và khí đốt: Giá dầu mỏ và khí đốt có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế nói chung và mặt bằng giá hàng hóa nói riêng; việc giá vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng cao có thể làm giảm hiệu quả và lợi nhuận của Công ty/ *Fluctuations in Oil and Gas Prices: Oil and gas prices have a substantial impact on the economy in general and commodity prices in particular; increases in input material prices may reduce the Company's efficiency and profitability.*

5.2. Rủi ro Chính sách và Pháp lý/ Policy and Legal Risks:

- Thay đổi chính sách đầu tư công: Việc cắt giảm ngân sách hoặc chậm triển khai các dự án hạ tầng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến ngành xây dựng/ *Changes in Public Investment Policies: Budget cuts or delays in infrastructure projects may directly affect the construction industry.*

- Siết chặt quy định về môi trường: Các yêu cầu nghiêm ngặt hơn đối với xây dựng xanh và bảo vệ môi trường có thể làm gia tăng chi phí và kéo dài thời gian thực hiện dự án/ *Tightening of Environmental Regulations: Stricter requirements on green construction*

and environmental protection may increase project costs and extend implementation time.

5.3. Rủi ro Tài chính/ *Financial Risks:*

- Hạn chế nguồn vốn: Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng và nhà đầu tư có thể bị ảnh hưởng trong bối cảnh tín dụng bị siết chặt/ *Limited Capital Access: Access to loans from banks and investors may be adversely affected in a tightened credit environment.*

- Nợ xấu: Việc thu hồi công nợ từ các dự án đã hoàn thành gặp khó khăn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền của Công ty/ *Bad Debts: Difficulties in collecting receivables from completed projects may adversely affect the Company's cash flow.*

- Biến động lãi suất: Mặc dù tình hình nợ xấu của hệ thống ngân hàng trong thời gian qua đã được xử lý một phần đáng kể, song vẫn chưa được giải quyết triệt để. Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng thời gian qua biến động khó lường và có khả năng tiếp tục tăng trong thời gian tới, chi phí tài chính của doanh nghiệp có thể chịu tác động trực tiếp/ *Interest Rate Volatility: Although the bad debt situation in the banking system has been significantly mitigated over the recent period, it has not yet been fully resolved. In the context of unpredictable fluctuations in bank interest rates and the possibility of further increases in the time ahead, the financial costs of enterprises may be directly affected.*

5.4. Rủi ro Thị trường/ *Market Risks:*

- Cạnh tranh khốc liệt: Sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp xây dựng mới làm gia tăng áp lực cạnh tranh về giá và biên lợi nhuận/ *Intense Competition: The entry of many new construction companies increases competitive pressure on prices and profit margins.*

- Thay đổi nhu cầu thị trường: Sự thay đổi trong nhu cầu của khách hàng, chẳng hạn xu hướng ưu tiên các dự án công trình xanh, có thể buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh chiến lược hoạt động và đầu tư/ *Changing Market Demand: Changes in customer demand, such as the growing preference for green building projects, may require enterprises to adjust their operating and investment strategies.*

- Suy giảm đầu tư trong ngành Dầu khí: Trong thời gian tới, nếu đầu tư của ngành Dầu khí sụt giảm, kế hoạch xây dựng cơ bản của Tập đoàn sẽ bị ảnh hưởng đáng kể; trong khi đó, phần lớn các công trình xây lắp của PVC-IC đều thuộc lĩnh vực này, nên hoạt động của Công ty sẽ phụ thuộc đáng kể vào các biến động nêu trên/ *Decline in Investment in the Oil and Gas Sector: If investment in the oil and gas sector declines in the coming period, the Group's capital construction plan will be significantly affected. Meanwhile, most of PVC-IC's construction and installation works are in this sector and will therefore be highly dependent on such developments.*

5.5. Rủi ro Hoạt động/ *Operational Risks:*

- Thiếu hụt nhân lực: Nguồn nhân lực có tay nghề cao trong ngành xây dựng có thể không đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường/ *Labor Shortages: The supply of skilled labor in the construction industry may not be sufficient to meet market demand.*

- Khan hiếm lao động xây dựng: Trong những năm gần đây, lực lượng lao động của ngành xây dựng liên tục suy giảm do phần lớn lao động đã được thu hút vào các khu công nghiệp và các dự án quy mô lớn, trọng điểm quốc gia. Trong khi đó, PVC-IC hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, đòi hỏi lực lượng lao động ổn định, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt lao động và gia tăng mạnh chi phí nhân công/ *Shortage of Construction Labor: In recent years, the construction industry's workforce has continuously declined because much of the available labor force has been attracted to industrial zones and large-scale national key projects. Meanwhile, PVC-IC operates mainly in construction and installation, which requires a stable workforce, thereby giving rise to labor shortages and*

significantly higher labor costs.

- Chậm tiến độ: Các rủi ro liên quan đến công tác quản lý dự án và các vấn đề kỹ thuật có thể dẫn đến chậm tiến độ thực hiện và làm tăng chi phí bồi thường/ *Schedule Delays: Risks related to project management and technical issues may lead to delays in implementation and increased compensation costs.*

5.6. Rủi ro Tự nhiên và Khí hậu/ *Natural and Climate Risks:*

- Thiên tai và biến đổi khí hậu: Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt hoặc hạn hán có thể làm gián đoạn hoạt động thi công xây dựng/ *Natural Disasters and Climate Change: Extreme weather events such as storms, floods, or droughts may disrupt construction activities.*

- Gia tăng chi phí bảo hiểm: Do đặc thù rủi ro của ngành xây dựng, doanh nghiệp có thể phải đối mặt với chi phí bảo hiểm cao hơn để phòng ngừa các rủi ro liên quan đến thiên tai và khí hậu/ *Increased Insurance Costs: Due to the risk profile of the construction industry, enterprises may face higher insurance costs to mitigate risks related to natural disasters and climate conditions.*

5.7. Rủi ro Công nghệ/ *Technological Risks:*

- Chậm áp dụng công nghệ mới: Nếu Công ty không theo kịp các công nghệ xây dựng hiện đại, năng lực cạnh tranh có thể bị suy giảm/ *Delayed Adoption of New Technologies: If the Company fails to keep pace with modern construction technologies, its competitive advantage may be weakened.*

- Rủi ro an ninh mạng: Việc phụ thuộc ngày càng nhiều vào các hệ thống số hóa có thể làm gia tăng nguy cơ bị tấn công mạng, ảnh hưởng đến dữ liệu và hoạt động điều hành/ *Cybersecurity Risks: Increasing dependence on digital systems may heighten exposure to cyberattacks, thereby affecting data security and business operations.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

Stt No.	Chỉ tiêu Indicators.	Đvt Unit.	Thực hiện năm 2025 Implement in 2025.	Ghi chú Note.
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính/ <i>Economic and financial indicators</i>			
1	Vốn điều lệ đầu năm/ <i>Charter capital at the beginning of the year</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	300	
2	Giá trị sản lượng/ <i>Output Value</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	12,54	
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác/ <i>Gross Revenue and Other Income</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	23,213	
4	Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	1,477	

Stt No.	Chỉ tiêu <i>Indicators.</i>	Đvt <i>Unit.</i>	Thực hiện năm 2025 <i>Implement in 2025.</i>	Ghi chú <i>Note.</i>
5	Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	0,504	
II	Đầu tư/ <i>Invest</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	
1	Đầu tư XD/CB/ <i>Construction investment</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	
2	Mua sắm MMTB/ <i>Procurement of machinery and equipment</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	
III	Nộp NSNN/ <i>Contribute to the state budget</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	5,857	
IV	Thu nhập bình quân/ <i>Average income of workers</i>	Tr.đồng/ người/tháng <i>Million VND/person /month</i>	14,75	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

Stt No.	Chỉ tiêu <i>Indicators.</i>	Đvt <i>Unit.</i>	Giá trị/ <i>Value</i>		
			Kế hoạch <i>Plan</i>	Thực hiện <i>Actual</i>	Tỷ lệ% (TH/KH) <i>Percentage (%)</i> (<i>Actual/Planned</i>)
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính/ <i>Economic and financial indicators</i>				
1	Vốn điều lệ đầu năm/ <i>Charter capital at the beginning of the year</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	300	300	100,00%
2	Giá trị sản lượng/ <i>Output Value</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	25,00	12,54	50,16%
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác/ <i>Gross Revenue and Other Income</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	23,00	23,213	100,93%
4	Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	0,45	1,477	328,20%
5	Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	0,45	0,504	111,90%
II	Đầu tư/ <i>Invest</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	-	-
1	Đầu tư XD/CB/ <i>Construction investment</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	-	-
2	Mua sắm MMTB/ <i>Procurement of machinery and equipment</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	-	-	-

Stt No.	Chỉ tiêu <i>Indicators.</i>	Đvt <i>Unit.</i>	Giá trị/ <i>Value</i>		
			Kế hoạch <i>Plan</i>	Thực hiện <i>Actual</i>	Tỷ lệ% (TH/KH) <i>Percentage (%)</i> <i>(Actual/Planned)</i>
III	Nộp NSNN/ <i>Contribute to the state budget</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	9,00	5,857	65,08%
IV	Thu nhập bình quân/ <i>Average income of workers</i>	Tr.đồng/ người/tháng <i>Million VND/person /month</i>	9,80	14,75	150,51%

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

2.1 Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Management:*

2.1.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about members of the Board of Directors (BOD):*

a) Danh sách đến 31/12/2025/ *List as of 31/12/2025*

Stt No.	Họ và tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bầu/Bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional qualification</i>
1	Ông Ngô Bùi Ngọc <i>Mr. Ngo Bui Ngoc</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>BOD Member</i> - Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the BOD</i>	29/11/2022 <i>11/29/2022</i> 29/11/2022 <i>11/29/2022</i>	Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh; Cử nhân tiếng pháp <i>Master of Business Administration (MBA); Bachelor's degree in French</i>
2	Bà Lê Thị Thu Huyền <i>Ms. Le Thi Thu Huyen</i>	- Thành viên HĐQT không chuyên trách/ <i>Non-Executive BOD Member</i>	28/04/2023 <i>04/28/2023</i>	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
3	Ông Trần Sỹ Huân <i>Mr. Tran Sy Huan</i>	- Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>	29/11/2022 <i>11/29/2022</i>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí <i>Master of Business Administration (MBA); Mechanical Engineer</i>

b) Tóm tắt lý lịch/ *Summary of Curriculum Vitae.*

1) Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT - Ngô Bùi Ngọc.

Member of the Board of Directors, Chairman of the Board – Mr. Ngo Bui Ngoc.

- Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth* : 27-10-1976/ 10-27-1976
- Nơi sinh/ *Place of birth*: phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình/ *Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province.*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Xã Yên Cường, Tỉnh Ninh Bình / *Yen Cuong District – Ninh Binh Province.*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12.
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh ; Cử nhân tiếng pháp/ *Master of Business Administration (MBA); Bachelor’s degree in French.*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Cao cấp lý luận chính trị/ *Advanced level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 2000 đến 2001 <i>From 2000 to 2001</i>	Công ty Allianz – AGF (Pháp) <i>Allianz Company– AGF (France)</i>	Chuyên viên tài chính, Marketing <i>Financial Specialist, Marketing</i>
Từ 2001 đến 2002 <i>From 2001 to 2002</i>	Công ty XNK INTIMEX <i>INTIMEX Import-Export Company</i>	Chuyên viên Xuất nhập khẩu <i>Import-Export Specialist</i>
Từ 2002 đến 2003 <i>From 2002 to 2003</i>	Công ty Sông Đà 12 <i>Song Da 12 Company</i>	Chuyên viên <i>Specialist</i>
Từ 2003 đến 2008 <i>From 2003 to 2008</i>	Công ty Cp Thép Việt Ý – Tổng công ty Sông Đà <i>Viet Italy Steel Joint Stock Company – Song Da Corporation</i>	Chuyên viên <i>Specialist</i>
Từ 2008 đến 08/2008 <i>From 2008 to August 2008</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Trợ lý HĐQT – Phó chánh VP <i>Assistant to the Board of Directors – Deputy Chief of Office</i>
Từ 08/2008 đến 03/2009 <i>From August 2008 to March 2009</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó trưởng ban Thương mại <i>Deputy Head of the Trade Division</i>
Từ 03/2009 đến 05/2009 <i>From March 2009</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó trưởng ban Kỹ thuật An toàn <i>Deputy Head of the</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>to May 2009</i>		<i>Safety Engineering Division</i>
Từ 05/2009 đến 08/2009 <i>From May 2009 to August 2009</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó trưởng ban Thiết bị cơ giới <i>Deputy Head of the Mechanical Equipment Division</i>
Từ 08/2009 đến 09/2009 <i>From August 2009 to September 2009</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó phòng Kinh tế Chi nhánh TCCG Dầu khí <i>Deputy Head of the Economics Department, Petroleum Transport Branch</i>
Từ 10/2009 đến 03/2010 <i>From October 2009 to March 2010</i>	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó giám đốc Ban điều hành các dự án của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>Deputy Director of the Project Management Board of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>
Từ 03/2010 đến 08/2010 <i>From March 2010 to August 2010</i>	Ban quản lý dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí <i>Project Management Unit of the PetroVietnam University Urban Area</i>	Phó giám đốc ban QLDA Khu đô thị Đại học Dầu khí <i>Deputy Director of the Project Management Unit of the PetroVietnam University Urban Area</i>
Từ 08/2010 đến 11/2011 <i>From August 2010 to November 2011</i>	BDH các dự án của PVC tại Hà Nội <i>PVC Project Management Board in Hanoi</i>	Phó giám đốc Ban điều hành <i>Deputy Director of the Executive Board</i>
Từ 11/2011 đến 01/2014	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock</i>	Trưởng ban tổ chức nhân sự

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>From November 2011 to January 2014</i>	<i>Corporation (PetroCons)</i>	<i>Head of Organization and Human Resources Division</i>
Từ 01/2014 đến 07/2015 <i>From January 2014 to July 2015</i>	Công ty CP Đầu tư Vinaconex – PVC <i>Vinaconex-PVC Investment Joint Stock Company</i>	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>
Từ 07/2015 đến 06/2018 <i>From July 2015 to June 2018</i>	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang <i>Nha Trang Petroleum Investment Joint Stock Company</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>
Từ 06/2018 đến 11/2019 <i>From June 2018 to November 2019</i>	Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) <i>Petroleum Infrastructure and Urban Investment Joint Stock Company (Petroland)</i>	Phó giám đốc <i>Deputy Director</i>
Từ 11/2019 đến 06/2020 <i>From November 2019 to June 2020</i>	- Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)/ <i>Petroleum Infrastructure and Urban Investment Joint Stock Company (Petroland)</i> - Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú/ <i>My Phu Investment Joint Stock Company</i>	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú <i>Deputy Director of Petroland – Chairman of the Board of Directors/Director of My Phu Investment Joint Stock Company</i>
Từ 06/2020 đến 11/2022 <i>From June 2020 to November 2022</i>	- Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)/ <i>Petroleum Infrastructure and Urban Investment Joint Stock Company (Petroland)</i> - Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú/ <i>My Phu Investment Joint Stock Company</i> - Công ty cổ phần Tập đoàn T.N/ <i>T.N Group Joint Stock Company;</i> - Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát/ <i>Gia An Phat Investment Joint Stock Company;</i> - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)/ <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó giám đốc; <i>Deputy Director</i> Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; Tổng giám đốc <i>Chairman of the Board of Directors/Director of My Phu Investment Joint Stock Company</i> Tổng giám đốc TV độc lập HĐQT

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
		<i>General Director Independent Member of the Board of Directors</i>
Từ 11/2022 đến nay <i>From November 2022 to present</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)/ <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT <i>Member of the Board of Directors, Chairman of the Board of Directors</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations:*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations:* Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits:* Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties:*
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership:* 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership:* 8.000.000 cổ phần/ *8,000,000 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership:* 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company:* Không/ *None*

2) Thành viên HĐQT - **Lê Thị Thu Huyền**

Member of the Board of Directors – Ms. Le Thi Thu Huyen

- Giới tính/ *Sex:* Nữ/ *Female*
- Sinh ngày/ *Date of birth:* 14-08-1976/ *08-14-1976*
- Nơi sinh/ *Place of birth:* Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình/ *Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province*
- Quốc tịch/ *Nationality:* Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity:* Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin:* Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình / *Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province.*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level:* 12/12.
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications:* Cử nhân Kinh tế/ *Bachelor of Economics*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory:* Sơ cấp/ *Basic level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process:*

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ tháng 01/2000 – T11/ 2003 <i>From January 2000 to November 2003</i>	Công ty Dệt Vải Công nghiệp Hà Nội <i>Hanoi Industrial Fabric Textile Company</i>	Tổ trưởng Tổ Marketing – Phòng SXXD <i>Team Leader of Marketing Team – Production and Business Department</i>
Tháng 5/2004 – Tháng 6/2019 <i>From May 2004 to June 2019</i>	Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí <i>Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation – Petroleum Service Port Company</i>	Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Phòng KHĐT <i>Team Leader of Planning Team – Planning and Investment Department</i>
Tháng 7/2019 – Tháng 5/2020 <i>From July 2019 to May 2020</i>	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không (Taseco Air) <i>Taseco Air Joint Stock Company (Aviation Services Company)</i>	Phó phòng Kinh doanh <i>Deputy Head of Business Department</i>
Tháng 6/2020 – Tháng 5/2021 <i>From June 2020 to May 2021</i>	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Linh <i>Phuc Linh Trading Investment Co., Ltd.</i>	Phó giám đốc điều hành <i>Deputy Executive Director</i>
Từ tháng 07/2021 - tháng 04/2022 <i>From July 2021 to April 2022</i>	Công ty TNHH Inaka Việt Nam <i>Inaka Vietnam Co., Ltd.</i>	Giám đốc <i>Director</i>
Từ tháng 04/2022 đến nay <i>From April 2022 to present</i>	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Chuyên viên Ban Kinh tế Thương mại <i>Specialist in the Economic and Trade Department</i>
Từ ngày 28/4/2023 đến nay <i>From April 28, 2023, to present</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Kiểm nhiệm UV HĐQT <i>Concurrently Member of the Board of Directors (BOD)</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations*: Chuyên viên Ban Kinh tế Thương mại - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam/ *Specialist in the Economic and Trade Department of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ Conflicts of interest with company benefits: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 7.300.000 cổ phần/ *7,300,000 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

3) Thành viên HĐQT độc lập - **Trần Sỹ Huấn**

Independent BOD Member – Mr. Tran Sy Huan.

- Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 18-08-1976/ *08-18-1976*
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Gia Lai/ *Gia Lai Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Gia Lai/ *Gia Lai Province.*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12.
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Cơ khí/ *Master of Business Administration (MBA); Mechanical Engineer.*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*:
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 08/1999 đến 09/2020 <i>From August 1999 to September 2020</i>	Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí <i>PetroVietnam Metal Structure and Erection Joint Stock Company</i>	Nhân viên kỹ thuật; Phó Giám đốc <i>Technical Staff; Deputy Director</i>
Từ 09/2020 đến 11/2022 <i>From September 2020 to November 2022</i>	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam <i>POSCO E&C – A2 Package of the Southern Petrochemical Complex</i>	Trưởng phòng quản lý giao diện <i>Head of Interface Management Department</i>
Từ 11/2022 đến nay <i>From November 2022 to present</i>	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam; <i>POSCO E&C – A2 Package of the Southern Petrochemical Complex</i> Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí; <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Trưởng phòng quản lý giao diện <i>Head of Interface Management Department</i> Ủy viên HĐQT độc lập <i>Independent Member of the Board of Directors</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
		(BOD)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations*: Trưởng phòng quản lý giao diện Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam/ *Head of Interface Management Department of POSCO E&C – A2 Package of the Southern Petrochemical Complex*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits*: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

2.1.2 Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)/ *Information about members of the Board of Supervisors (BOS)*.

a) Danh sách đến 31/12/2025/ *List as of 31/12/2025*

Stt <i>No.</i>	Họ và tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bầu/Bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional qualification</i>
1	Bà Ngô Thị Thu Hoài <i>Ms. Ngo Thi Thu Hoai</i>	Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách <i>Head of the Supervisory Board (Non-Executive)</i>	24/04/2025 04/24/2025	Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh <i>Bachelor of Economics (Accounting), Master of Business Administration</i>
2	Ông Phan Văn Hùng <i>Mr. Phan Van Hung</i>	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách <i>Member of the Supervisory Board (Executive)</i>	28/04/2023 04/28/2023	Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng <i>Engineer in Industrial and Civil Electrical Engineering</i>
3	Bà Ngô Trúc Vy <i>Ms. Ngo Truc Vy</i>	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm <i>Member of the Supervisory Board (Concurrently serving)</i>	24/04/2025 04/24/2025	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>

b) Tóm tắt lý lịch/ *Summary of Curriculum Vitae*

1) Trưởng ban Ban kiểm soát - **Ngô Thị Thu Hoài**

Head of the Supervisory Board - Ms. Ngo Thi Thu Hoai

- Giới tính/ *Sex*: Nữ/ *Female*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 29-04-1975/ 04-29-1975
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình/ *Hai Thinh District, Ninh Binh Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình/ *Hai Thinh District, Ninh Binh Province*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ *Bachelor of Economics (Accounting), Master of Business Administration*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Cao cấp lý luận chính trị/ *Advanced level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 4/1997 đến 5/1997 <i>From April 1997 to May 1997</i>	Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng <i>319 Construction Company, Ministry of Defense</i>	Nhân viên kế toán <i>Accountant</i>
Từ 6/1997 đến 12/2007 <i>From June 1997 to December 2007</i>	Xí nghiệp 9 - Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng <i>Enterprise 9 - 319 Construction Company, Ministry of Defense</i>	Nhân viên kế toán <i>Accountant</i>
Từ 01/2008 đến 11/2008 <i>From January 2008 to November 2008</i>	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. <i>Finance and Accounting Department - PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Nhân viên kế toán <i>Accountant</i>
Từ 11/2008 đến 8/2009 <i>From November 2008 to August 2009</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 9/2009 đến 12/2009 <i>From September 2009 to December 2009</i>	Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội <i>Hanoi Construction Branch - PetroVietnam Construction</i>	Phụ trách Phòng Tài chính kế toán <i>In charge of Finance and Accounting Department</i>
Từ 01/2010 đến 10/2010 <i>From January</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. <i>PetroVietnam Construction Joint Stock</i>	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán <i>Deputy Head of</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>2010 to October 2010</i>	<i>Corporation (PetroCons)</i>	<i>Finance and Accounting Department</i>
Từ 3/2010 đến 10/2010 <i>From March 2010 to October 2010</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i> Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i> Thành viên BKS kiêm nhiệm <i>Member of the Supervisory Board (Concurrently serving)</i>
Từ 10/2010 đến 6/2013 <i>From October 2010 to June 2013</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i> Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ <i>Head of Internal Audit Department</i> Thành viên BKS kiêm nhiệm <i>Member of the Supervisory Board (Concurrently serving)</i>
Từ 7/2010 đến 03/2023 <i>From July 2010 to March 2023</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i> Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó trưởng Ban TCKT- Kiểm toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting - Audit Department</i> Thành viên BKS không chuyên trách <i>Member of the Supervisory Board (Concurrently serving)</i>
Từ 04/2023 đến nay <i>From April 2023 to present</i>	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i> Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó trưởng Ban TCKT- Kiểm toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting - Audit Department</i> Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách <i>Head of the Supervisory Board (Non-Executive)</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations*: Phó trưởng Ban TCKT- Kiểm toán Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam/ *Deputy Head of Finance and Accounting - Audit Department of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits*: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

2) Thành viên Ban kiểm soát – **Phan Văn Hùng**

Member of the Supervisory Board – Mr. Phan Van Hung

- Giới tính/ *Sex* : Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 04-05-1970/ *05-04-1970*
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Tĩnh/ *Ha Tinh Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Xã Mai Phú, tỉnh Hà Tĩnh/ *Mai Phu District – Ha Tinh Province*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng/ *Engineer in Industrial and Civil Electrical Engineering*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Sơ cấp/ *Basic level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 2003 đến 2008 <i>From 2003 to 2008</i>	Xí nghiệp khảo sát kiểm định và dịch vụ công trình thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí., <i>Survey, Inspection, and Service Enterprise under PetroVietnam Consultancy and Design Joint Stock Company</i>	Nhân viên <i>Staff</i>
Từ 2009 đến 2010 <i>From 2009 to 2010</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	CBKT phụ trách thi công phần M&E Khách sạn Dầu khí <i>Technical Officer in charge of M&E construction for the PetroVietnam Hotel</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 2010 đến 2011 <i>From 2010 to 2011</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	CBKT phụ trách thi công phần M&E xưởng Panel PV Shipyard, Nhà sơn tổng đoạn PV Shipyard <i>Technical Officer in charge of M&E construction for the PV Shipyard Panel Workshop and PV Shipyard Block Painting Facility</i>
Từ 2011 đến 2012 <i>From 2011 to 2012</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	CBKT phụ trách thi công phần M&E Nhà điều hành Vietsovpetro 105 Lê Lợi; CBKT phụ trách thi công phần M&E Tòa nhà chung cư và văn phòng số 2 Nguyễn Hữu Cảnh <i>Technical Officer in charge of M&E construction for the Vietsovpetro Office Building at 105 Le Loi; Technical Officer in charge of M&E construction for the Apartment and Office Building at 2 Nguyen Huu Canh</i>
Từ 2012 đến 2013 <i>From 2012 to 2013</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	CBKT phụ trách thi công phần M&E Tòa nhà chung cư HH1 <i>Technical Officer in charge of M&E construction for the HHI Apartment Building</i>
Từ 2014 đến 2019 <i>From 2014 to 2019</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	CBKT phụ trách thi công phần M&E Khu phức hợp TMDV văn phòng và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu <i>Technical Officer in charge of M&E construction for the 33A Commercial-Service-Office-Residential Complex on 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City</i>
Từ 2019 đến 2022 <i>From 2019 to 2022</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Tổ phó tổ quản lý chung cư Khu phức hợp và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu <i>Deputy Team Leader for Apartment Management at the 33A Commercial-Service-</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
		<i>Office-Residential Complex on 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City</i>
Từ 2022 đến 27/4/2023 <i>From 2022 to April 27, 2023</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Chuyên viên phòng Kinh tế kỹ thuật, Phó ban quản trị Chung cư Khu phức hợp và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu <i>Specialist in the Economic and Technical Department, Deputy Manager of the Apartment Complex at 33A 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City</i>
Từ 28/4/2023 đến nay <i>From April 28, 2023, to present</i>	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách <i>Full-time Member of the Supervisory Board</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations: Không/ None*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations: Không/ None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits: Không/ None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company: Không/ None*

3) Thành viên Ban Kiểm soát – Ngô Trúc Vy

Member of the Supervisory Board – Ms. Ngo Truc Vy

- Giới tính/ *Sex: Nữ/ Female*
- Sinh ngày/ *Date of birth: 03-08-1985/ 08-03-1985*
- Nơi sinh/ *Place of birth: Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City*
- Quốc tịch/ *Nationality: Việt Nam/ Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity: Kinh/ Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin: Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level: 12/12.*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications: Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory: Sơ cấp/ Basic level of political theory*

– Quá trình công tác/ *Work process:*

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ tháng 6/2005 đến tháng 09/2009 <i>From June 2005 to September 2009</i>	Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí (PVE) <i>PetroVietnam Consultancy and Design Joint Stock Company (PVE)</i>	Nhân viên <i>Staff</i>
Từ tháng 07/2011 đến tháng 06/2012 <i>From July 2011 to June 2012</i>	Đội xây lắp Điện nước - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí <i>Electrical and Water Installation Team - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Chuyên viên <i>Specialist</i>
Từ tháng 07/2012 đến 07/2017 <i>From July 2012 to July 2017</i>	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí <i>Electromechanical Department - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Chuyên viên <i>Specialist</i>
Từ 08/2017 đến 02/2023 <i>From August 2017 to February 2023</i>	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí <i>Electromechanical Department - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Chuyên viên, Thành viên BKS không chuyên trách <i>Specialist, Non-specialized Member of the Supervisory Board</i>
Từ 03/2023 đến nay <i>From March 2023 to present</i>	Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí <i>Organization and Administration Department - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Chuyên viên, Thành viên BKS không chuyên trách <i>Specialist, Non-specialized Member of the Supervisory Board</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations:* Không/ *None*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations:* Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits:* Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties:*
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership:* 0 cổ phần/ *0 shares*

- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ 0 shares
- Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ 0 shares
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

2.1.3 Thông tin về Ban giám đốc (BGĐ)/ *Information about the Board of Management*:

a) Danh sách đến 31/12/2025/ *List as of 31/12/2025*

Stt No.	Họ và tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bầu/Bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional qualification</i>
1	Ông Lê Minh Hải <i>Mr. Le Minh Hai</i>	Giám đốc <i>Director</i>	07/12/2022 12/07/2024	Kỹ sư Xây dựng; Thạc sỹ Xây dựng công trình ngầm <i>Construction Engineer; Master of Underground Construction</i>
2	Ông Nguyễn Văn Hoành <i>Mr. Nguyen Van Hoanh</i>	Phó Giám đốc <i>Deputy Director</i>	01/06/2016 06/01/2016	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản <i>Bachelor of Economics - Major in Basic Construction Accounting</i>
3	Ông Phạm Mạnh Cường <i>Mr. Pham Manh Cuong</i>	Phó Giám đốc <i>Deputy Director</i>	04/12/2025 12/04/2025	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo <i>Mechanical Technology Engineer - Specializing in Manufacturing</i>

b) Tóm tắt lý lịch/ *Summary of Curriculum Vitae*

1) Giám đốc Công ty - **Lê Minh Hải**

Director - Mr. Le Minh Hai

- Giới tính/ *Sex* : Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 10-12-1976/ 12-10-1976
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình / *Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province.*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình / *Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province.*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12.
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Kỹ sư xây dựng - Thạc sỹ KT XD công trình ngầm/ *Construction Engineer; Master of Underground Construction.*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Cao cấp lý luận chính trị/

Advanced level of political theory

– *Quá trình công tác/ Work process:*

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ T11/2001 đến T3/2006. <i>From November 2001 to March 2006</i>	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí. <i>Construction Enterprise No. 1 under PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Cán bộ kỹ thuật đội <i>Technical Team Officer</i>
Từ T4/2006 đến T12/2007. <i>From April 2006 to December 2007</i>	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí <i>Construction Enterprise No. 1 under PetroVietnam Construction Joint Stock Company</i>	Cán bộ Kỹ thuật công trường <i>Site Technical Officer</i>
Từ T1/2008 đến T3/2009. <i>From January 2008 to March 2009</i>	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction One Member Company Limited</i>	Đội trưởng Đội công trình số 1 <i>Team Leader of Construction Team No. 1</i>
Từ T4/2009 đến T10/2009. <i>From April 2009 to October 2009</i>	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction One Member Company Limited</i>	Đảng viên, Phó Tổng Giám đốc <i>Party Member, Deputy General Director</i>
Từ T11/2009 đến T5/2011. <i>From November 2009 to May 2011</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc <i>Member of the Party Executive Committee, Deputy General Director</i>
Từ T6/2011 đến T4/2014 <i>From June 2011 to April 2014</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Giám đốc <i>Member of the Party Executive Committee, Deputy Director</i>
Từ T5/2014 đến T6/2018 <i>From May 2014 to June 2018</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT <i>Party Secretary, Chairman of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ T6/2018 đến T2/2021 <i>From June 2018 to February 2021</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Bí thư Đảng bộ, Ủy viên HĐQT <i>Party Secretary, Member of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ T2/2021 đến T4/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Chuyên viên <i>Specialist</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>From February 2021 to April 2022</i>	<i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	
<i>Từ T4/2022 đến T2/2022</i> <i>From April 2022 to February 2022</i>	<i>Công ty TNHH Thiện Long</i> <i>Thien Long Company Limited</i>	<i>Chuyên gia</i> <i>Expert</i>
<i>Từ T12/2022 đến nay</i> <i>From December 2022 to present</i>	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí</i> <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Giám đốc</i> <i>Director</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations: Không/ None*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations: Không/ None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits: Không/ None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties:*
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership: 0 cổ phần/ 0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company: Không/ None*

2) Phó Giám đốc - **Nguyễn Văn Hoàn**

Deputy Director - Mr. Nguyen Van Hoanh

- Giới tính/ *Sex* : Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 10-09-1965/ *09/10/1965*
- Nơi sinh/ *Place of birth*: xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình/ *Yen Dong Commune, Ninh BINH Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình/ *Yen Dong Commune, Ninh BINH Province.*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 10/10.
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản/ *Bachelor of Economics - Major in Basic Construction Accounting*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Cao cấp lý luận chính trị/ *Advanced level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 09/1993 đến 03/1999 <i>From September 1993 to March 1999</i>	Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu <i>Ba Ria - Vung Tau Provincial Tax Department</i>	Kiểm soát viên thuế <i>Tax Controller</i>
Từ 04/1999 đến 07/2002 <i>From April 1999 to July 2002</i>	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí <i>PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Kế toán tổng hợp <i>Chief Accountant</i>
Từ 08/2002 đến 06/2005 <i>From August 2002 to June 2005</i>	Xí nghiệp Xây dựng số 1 – thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí <i>Construction Enterprise No. 1 – under PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Trưởng phòng Tài chính kế toán <i>Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 07/2005 đến 11/2005 <i>From July 2005 to November 2005</i>	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí <i>PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 12/2005 đến 11/2006 <i>From December 2005 to November 2006</i>	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng <i>Investment and Construction Development Company – Ministry of Construction</i>	Phụ trách Ban Kiểm soát <i>In Charge of the Supervisory Board</i>
Từ 12/2006 đến 03/2008 <i>From December 2006 to March 2008</i>	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng <i>Investment and Construction Development Company – Ministry of Construction</i>	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>
Từ 03/2008 đến 07/2012 <i>From March 2008 to July 2012</i>	-Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. <i>DIC Corp (Development Investment Construction Corporation) – Ministry of Construction</i> -Công ty CP cấu kiện bê tông DIC Tín Nghĩa. <i>DIC Tin Nghia Concrete Component Joint Stock Company</i> -Công ty CP DIC Long Hương. <i>DIC Long Huong Joint Stock Company</i> -Công ty CP DIC Minh Hưng. <i>DIC Minh Hung Joint Stock Company</i> -Công ty CP DIC Vật liệu <i>DIC Materials Joint Stock Company</i>	Trưởng Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT <i>Head of the Supervisory Board Concurrent: Head of the Supervisory Board Member of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ 08/2012 đến	-Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát	Giám đốc Ban Đầu tư

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
06/2013 <i>From August 2012 to June 2013</i>	triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. <i>DIC Corp (Development Investment Construction Corporation) – Ministry of Construction</i> -Công ty CP DIC Phương Nam. <i>DIC Phuong Nam Joint Stock Company</i> -Công ty CP DIC Đồng Tiên. <i>DIC Dong Tien Joint Stock Company</i> -Công ty CP DIC Hội An. <i>DIC Hoi An Joint Stock Company</i> - Công ty CP Gạch men Anh Em DIC. <i>DIC Anh Em Ceramic Tiles Joint Stock Company</i>	& Quản lý vốn. Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT <i>Director of the Investment and Capital Management Department</i> <i>Concurrent: Head of the Supervisory Board</i> <i>Member of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ 07/2013 đến 03/2016 <i>From July 2013 to March 2016</i>	Công ty CP Du lịch & Thương mại DIC – thuộc Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng <i>DIC Tourism & Trade Joint Stock Company – under DIC Corp</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ 04/2016 đến 05/2016 <i>From April 2016 to May 2016</i>	Nghỉ làm thủ tục chuyển công tác <i>Leave for transfer procedures</i>	
Từ 06/2016 đến 10/9/2018 <i>From June 2016 to September 10, 2018</i>	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí – thuộc Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC) – under PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors (BOD)</i>
Từ 09/2018 đến 12/2021 <i>From September 2018 to December 2021</i>	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc <i>Member of the Board of Directors (BOD), concurrently Deputy Director</i>
Từ 12/2021 đến 13/02/2023 <i>From December 2021 to February 13, 2023</i>	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó Giám đốc <i>Deputy Director</i>
Từ 14/02/2023 nay <i>From February 14, 2023, to present</i>	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính <i>Deputy Director, concurrently Head of the Organization and</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
		<i>Administration Department</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations*: Không/ *None*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits*: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

3) Phó Giám đốc – **Phạm Mạnh Cường**

Deputy Director - Mr. Pham Manh Cuong

- Giới tính/ *Sex* : Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 11-07-1970/ *07-11-1970*
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Lạng Sơn/ *Lang Son Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Bắc Ninh/ *Bac Ninh Province*
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 12/12
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo/ *Mechanical Technology Engineer - Specializing in Manufacturing*
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Cao cấp lý luận chính trị/ *Advanced level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 7/1998 đến 12/2003 <i>From July 1998 to December 2003</i>	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí <i>Construction Enterprise No. 3 - PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Kỹ sư <i>Engineer</i>
Từ 01/2004 đến 3/2006 <i>From January 2004 to March 2006</i>	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí <i>Construction Enterprise No. 3 - PetroVietnam Design and Construction Company</i>	Phó Trưởng phòng <i>Deputy Head of Department</i>
Từ 4/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Trưởng phòng <i>Deputy Head of</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>From April 2006 to July 2007</i>	<i>Construction Enterprise No. 3 - PetroVietnam Design and Construction Company</i>	<i>Department</i>
<i>Từ 8/2007 đến 11/2007</i> <i>From August 2007 to November 2007</i>	<i>Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Construction Enterprise No. 3 - PetroVietnam Design and Construction Company</i>	<i>Trưởng phòng</i> <i>Head of Department</i>
<i>Từ 12/2007 đến 11/2009</i> <i>From December 2007 to November 2009</i>	<i>Phòng Vật tư thiết bị - Công ty TNHH 1TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Materials and Equipment Department - Petroleum Industrial and Civil Construction One Member Company Limited</i>	<i>Trưởng phòng</i> <i>Head of Department</i>
<i>Từ 12/2009 đến 02/2010</i> <i>From December 2009 to February 2010</i>	<i>Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Materials and Equipment Department - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Trưởng phòng</i> <i>Head of Department</i>
<i>Từ 3/2010 đến 3/2010</i> <i>From March 2010 to March 2010</i>	<i>Công trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Nhơn Trạch 2 Power Plant Construction Site - Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Giám đốc Dự án</i> <i>Project Director</i>
<i>Từ 4/2010 đến 26/4/2017</i> <i>From April 2010 to April 26, 2017</i>	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Phó Giám đốc</i> <i>Deputy Director</i>
<i>Từ 27/4/2017 đến 20/7/2018</i> <i>From April 27, 2017, to July 20, 2018</i>	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc</i> <i>Member of the Board of Directors (BOD) and concurrently Deputy Director</i>
<i>Từ 21/7/2018 đến nay</i> <i>From July 21, 2018, to present</i>	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Phó Giám đốc</i> <i>Deputy Director</i>

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations: Không/ None*

- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits*: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

2.1.4 Thông tin về Kế toán trưởng (KTT)/ *Information about the Chief Accountant*:

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Lê Ngọc Hoàng/ *Chief Accountant and Head of Finance and Accounting Department – Mr. Le Ngoc Hoang*.

- Giới tính/ *Sex* : Nam/ *Man*
- Sinh ngày/ *Date of birth*: 14-05-1967/ *05-14-1967*
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Xã Mai Phú, Tỉnh Hà Tĩnh/ *Mai Phu Commune, Ha Tinh Province*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnam*
- Dân tộc/ *Ethnicity*: Kinh/ *Kinh*
- Quê quán/ *Place of origin*: Xã Mai Phú, Tỉnh Hà Tĩnh/ *Mai Phu Commune, Ha Tinh Province*.
- Trình độ văn hóa/ *Educational level*: 10/10
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Cử nhân Quản lý công nghiệp/ *Bachelor of Industrial Management*.
- Trình độ lý luận chính trị/ *Level of political theory*: Sơ cấp/ *Basic level of political theory*
- Quá trình công tác/ *Work process*:

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
Từ 02/1985 đến 06/1987 <i>From February 1985 to June 1987</i>	Trung đoàn 414 - Quân khu 4 <i>Regiment 414 - Military Zone 4</i>	Bộ đội <i>Soldier</i>
Từ 8/1988 đến 7/1991 <i>From August 1988 to July 1991</i>	Trường Trung cấp Thống kê II <i>Secondary Statistics School II</i>	Sinh viên <i>Student</i>
Từ 12/1991 đến 12/1994 <i>From December 1991 to December 1994</i>	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí <i>Mechanical Construction Enterprise – PetroVietnam Construction and Installation Enterprise</i>	Kế toán Vật tư, kế toán Ngân hàng <i>Material Accountant, Banking Accountant</i>
Từ 01/1995 đến 10/2006 <i>From January</i>	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí <i>Mechanical Construction Enterprise –</i>	Kế toán Tổng hợp, kế toán công nợ <i>General Accountant,</i>

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
1995 to October 2006	<i>PetroVietnam Design and Construction Company</i>	<i>Debt Accountant</i>
Từ 11/2006 đến 7/2007 <i>From November 2006 to July 2007</i>	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí <i>Installation and Mechanical Construction Enterprise – PetroVietnam Construction Joint Stock Company</i>	Phó phòng Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 8/2007 đến 12/2007 <i>From August 2007 to December 2007</i>	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí <i>Installation and Mechanical Construction Enterprise – PetroVietnam Construction Joint Stock Company</i>	Trưởng phòng Tài chính kế toán <i>Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 01/2008 đến 4/2008 <i>From January 2008 to April 2008</i>	Xí nghiệp Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí <i>Mechanical Construction Enterprise – Petroleum Industrial and Civil Construction One Member Company Limited</i>	Trưởng phòng Tài chính kế toán <i>Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 5/2008 đến 11/2009 <i>From May 2008 to November 2009</i>	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction One Member Company Limited</i>	Phó phòng Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i>
Từ 12/2009 đến 19/02/2013 <i>From December 2009 to February 19, 2013</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Phó phòng Tài chính kế toán <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department</i>
Ngày 20/02/2013 đến 04/09/2018 <i>On February 20, 2013, to September 4, 2018</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Kế toán <i>Chief Accountant cum Head of Finance and Accounting Department</i>
Ngày 05/09/2018 đến 13/02/2023 <i>On September 5, 2018, to February 13, 2023</i>	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Tổng hợp <i>Chief Accountant cum Head of Finance and General Department</i>
Từ 14/02/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Phòng

Thời gian <i>Time</i>	Đơn vị công tác <i>Workplace</i>	Chức vụ <i>Position</i>
<i>From February 14, 2023, to present</i>	<i>Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	<i>Tài chính Kế toán Chief Accountant cum Head of Finance and Accounting Department</i>

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác/ *Current positions held in other organizations*: Không/ *None*
- Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of legal violations*: Không/ *None*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty/ *Conflicts of interest with company benefits*: Không/ *None*
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan/ *Ownership ratio of securities by oneself and related parties*:
 - Sở hữu cá nhân/ *Personal ownership*: 100 cổ phần/ *100 shares*
 - Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
 - Những người có liên quan/ *Related parties' ownership*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Các khoản nợ khác đối với Công ty/ *Other debts to the Company*: Không/ *None*

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành/ *changes in the Board of Management*:

2.2.1 Thông tin Hội đồng quản trị/ *Information about the Board of Directors (BOD)*: Không có thay đổi trong năm 2025/ *No changes in 2025*.

2.2.2 Thông tin Ban giám đốc/ *Information about the Board of Management*: Không có thay đổi trong năm 2025/ *No changes in 2025*.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of employees. Summary of policies and changes in policies for employees*.

- Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 18 người/ *As of December 31, 2025, the total number of employees in the Company is 18*.

- Cơ cấu lao động của công ty/ *The company's workforce structure*:

Stt <i>No.</i>	Nội dung <i>Content</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Ghi chú <i>Note</i>
I	Phân theo giới tính (đvt: người) <i>Classified by gender (unit: people)</i>		
1	Nam/ <i>Male</i>	13	
2	Nữ/ <i>Female</i>	5	
	Tổng/ <i>Total</i>	18	
II	Phân theo trình độ chuyên môn (đvt: người) <i>Classified by professional qualifications (unit: people)</i>		
1	Thạc sĩ/ <i>Master's Degree</i>	03	
2	Đại học/ <i>Bachelor's Degree</i>	13	
3	Cao đẳng/ <i>College</i>	-	
4	Trung cấp/ <i>Intermediate Level</i>	-	
5	Cán sự và nhân viên khác/	-	

Stt No.	Nội dung Content	Số lượng Quantity	Ghi chú Note
	<i>Assistants and Other Staff</i>		
6	Dạy nghề và lao động phổ thông/ <i>Vocational and General Labor</i>	02	
	Tổng/ Total	18	
III	Lương bình quân/người (cả năm 2025)/ Average salary per person (for the year 2025)	14.750.000 đồng/ 14,750,000 VND	

- Chính sách đào tạo: Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì nguồn nhân lực có chất lượng cao là một nhân tố then chốt dẫn đến thành công của các công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề để đạt hiệu quả cao trong công việc.

Training Policy: In today's fiercely competitive market economy, a high-quality workforce is a key factor for the success of companies. Recognizing this, the Company prioritizes training efforts to facilitate employees in enhancing their skills, professional qualifications, and expertise to achieve high efficiency in their work

- Chính sách lương: Công ty xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng và hệ thống thang bảng lương theo đúng quy định mới nhất được Chính phủ ban hành và Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, và đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt ban hành. Việc trả lương của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, gắn liền với năng suất, chất lượng đồng thời khuyến khích Người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành công việc được giao.

Salary Policy: The Company has developed a salary and bonus payment regulation, along with a salary scale and table system, in accordance with the latest government regulations and the guidance of the Ministry of Labor, Invalids, and Social Affairs. These policies have been approved and issued by the Company's Board of Directors. The Company's salary payments strictly comply with state regulations, are linked to productivity and quality, and encourage employees to be proactive and creative in completing their assigned tasks.

- Các chính sách đãi ngộ khác/ *Other Welfare Policies.*

✓ Người lao động làm việc tại PVC-IC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.

Employees working at PVC-IC enjoy full social insurance, health insurance, unemployment insurance, sick leave benefits, maternity leave, health recovery benefits, and severance allowances in compliance with the law.

✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.

The Company promotes corporate culture across all staff members

✓ Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVC-IC.

It provides a safe, friendly, and modern working environment that encourages and supports employees in learning and improving their skills for long-term commitment to PVC-IC.

✓ Có kế hoạch phát động phong trào thi đua tại Công ty hàng quý, năm.

The Company plans to launch quarterly and annual emulation campaigns to promote productivity and morale

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ investment activities, project implementation:

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:*

Theo chủ trương chung, việc thoái vốn các dự án bất động sản đã được triển khai, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì công tác đầu tư, thoái vốn các Dự án Bất động sản cũng đang gặp những khó khăn vướng mắc nhất định. Cụ thể đó là:

According to the general policy, the divestment of real estate projects has been implemented. Despite some positive progress, the investment and divestment of real estate projects are currently facing certain difficulties and obstacles. Specifically:

✓ Dự án 242 Nguyễn Hữu Cảnh, đã hoàn thành bàn giao cho khách mua và hoàn thành dự án. Trong năm 2026 sẽ hoàn thành quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

Project at 242 Nguyen Huu Canh Street: The project has been completed and handed over to buyers. It is also considered finished. By 2026, the finalization of investment capital and the project's completion settlement will be concluded.

✓ Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát với giá trị đầu tư còn lại là 12,9 tỷ đồng đã có kế hoạch thoái vốn, Công ty đã kiến nghị được rút phần vốn góp này tuy nhiên các chủ thể của Hợp doanh chưa triển khai các thủ tục thoái vốn;

Huynh Tan Phat Apartment Project: With a remaining investment value of VND 12.9 billion, a divestment plan has been established. However, the company's proposal to withdraw this investment has not progressed as the partners in the joint venture have yet to initiate divestment procedures.

✓ Dự án Khu phức hợp Thương mại – Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30 tháng 4, phường 9 thành phố Vũng Tàu với Tổng mức đầu tư là 798.955.000.000 đồng. Đến 31/12/2021 đã hoàn thành đưa dự án vào sử dụng, bàn giao toàn bộ 486 căn hộ cho khách hàng, chuyển nhượng toàn bộ 05 sàn thương mại. Đối với diện tích bãi đậu xe tại tầng hầm dự án thuộc sở hữu Công ty, nếu đủ điều kiện Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng để thu hồi vốn đầu tư bổ sung dòng tiền phục vụ SXKD. Trong năm 2026 sẽ hoàn thành quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

Commercial-Office-Residential Complex Project at 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City: With a total investment of VND 798,955,000,000, the project was completed and put into use as of December 31, 2021. The entire 486 apartments have been handed over to customers, and all 5 commercial floors have been transferred. Regarding the parking area in the basement, which is owned by the company, the company will transfer usage rights to recover investment capital and supplement working capital for business operations, provided conditions are met. By 2026, the finalization of investment capital and the project's completion settlement will also be finalized.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* Không có/ *None*

4. Tình hình tài chính/ Financial situation.

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Đơn vị tính: đồng/ *Unit: VND*

Chỉ tiêu <i>Financial Indicators</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2025 <i>Year 2025</i>	% tăng giảm <i>Increase/Decrease</i>
1. Tổng giá trị tài sản <i>Total Assets</i>	315.324.638.768	291.936.755.071	-7,42%
2. Doanh thu thuần <i>Net Revenue</i>	4.608.022.401	14.512.340.983	214,94%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from Business Operations</i>	(5.186.005.037)	(3.955.703.368)	23,72%
4. Lợi nhuận khác <i>Other Profit</i>	6.905.759.512	5.432.619.650	-21,33%
5. Lợi nhuận trước thuế <i>Profit Before Tax</i>	1.719.754.475	1.476.916.282	-14,12%
6. Lợi nhuận sau thuế <i>Profit After Tax</i>	369.754.475	503.533.473	36,18%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức <i>Dividend Payout Ratio</i>	-	-	-

Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: Không/ *None*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu <i>Financial Indicators</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2025 <i>Year 2025</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Indicators of Solvency</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current Ratio:</i> <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> <i>Short-term Assets / Short-term Liabilities</i>	1,73	1,79	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick Ratio:</i> <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/</i> <i>Nợ ngắn hạn</i> <i>(Short-term Assets - Inventory)/</i> <i>Short-term Liabilities</i>	0,77	0,78	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Indicators of Capital Structure</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản/ <i>Debt to Total Assets Ratio</i> <i>(Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn)/</i> <i>Tổng tài sản</i> <i>(Short-term Debt + Long-term Debt) / Total Assets</i>	0,57	0,53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu/ <i>Debt to Equity Ratio</i> <i>(Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu)</i>	1,31	1,13	

Chỉ tiêu <i>Financial Indicators</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2025 <i>Year 2025</i>	Ghi chú <i>Note</i>
<i>(Total Debt / Equity)</i>			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Indicators of Operational Efficiency</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory Turnover Ratio:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân <i>Cost of Goods Sold / Average Inventory</i>	0,02	0,09	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total Asset Turnover Ratio:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân <i>Net Revenue / Average Total Assets</i>	0,01	0,05	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Indicators of Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần/ <i>Net Profit Margin</i> <i>(Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu) x 100%</i> <i>(Net Profit After Tax / Net Revenue) x 100%</i>	0,08	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Net Profit After Tax / Equity</i>	0,003	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>Net Profit After Tax / Total Assets</i>	0,001	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Operating Profit/Net Revenue</i>	(1,13)	(0,27)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares:

- Tổng số cổ phần PXI đang lưu hành là: 30.000.000 cổ phần.

The total number of outstanding PXI shares is: 30,000,000 shares.

- Số cổ phần phổ thông là: 30.000.000 cổ phần.

The number of common shares is: 30,000,000 shares.

b) Cơ cấu cổ đông/ Shareholders structure: Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 21/03/2025/ Shareholder structure as per the finalized list on March 21, 2025

Stt <i>No.</i>	Danh mục <i>Category</i>	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ % <i>Percentage</i>	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông <i>Shareholder Structure</i>
--------------------------	------------------------------------	------------------------------------	-------------------------------------	-----------------------------------	---

		<i>Number of Shares</i>	<i>(%)</i>	<i>Number of Shareholders</i>	Tổ chức <i>Organization</i>	Cá nhân <i>Individual</i>
Tổng số lượng cổ phiếu/ Total Number of Shares		30.000.000	100,00%	2.415	12	2.403
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)/ <i>Major Shareholders (Owning 5% or more of the shares)</i>	15.300.000	51,00%	1	1	0
2	Cổ đông khác (Sở hữu dưới 5% cổ phiếu)/ Other Shareholders (Owning less than 5% of the shares)	14.700.000	49,00%	2.414	11	2.403
	- Trong nước/ <i>Domestic:</i>	14.636.640	48,79%	2.399	4	2.395
	- Nước ngoài/ <i>Foreign:</i>	63.360	0,21%	15	7	8
3	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury Shares</i>	0	0,00%	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Không có/ *None*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Không có/ *None*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có/ *None*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường/ Impact on the environment:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emission*: Không tính toán, tuy nhiên được đánh giá ở mức thấp nhất/ *Not calculated, but evaluated at the lowest level*.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission*: Hạn chế tối đa và tiết kiệm trong sử dụng năng lượng phục vụ sản xuất kinh doanh/ *Minimize and economize energy usage in production and business*

activities.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: Thấp hơn 1.000 tấn/ Less than 1,000 tons..*

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Do loại hình ngành nghề kinh doanh nên vật liệu Công ty sử dụng không thể tái chế/ Due to the nature of the business, the materials used by the company are non-recyclable.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly: Trong năm 2025, Công ty đã sử dụng điện sản xuất của các Công ty điện lực của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 411.309.098 đồng/ In 2025, the Company incurred electricity expenses for production provided by provincial/city power companies totaling VND 411,309,098.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy: Không/ None*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: Không có/ None.*

6.4. Tiêu thụ nước/ Water consumption:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used: Trong năm 2025, Công ty đã sử dụng nước sản xuất của các Công ty cấp nước của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 87.623.112 đồng/ In 2025, the Company incurred water expenses for production provided by provincial/city water supply companies totaling VND 87,623,112.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: Không có/ None.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không/ None.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không/ None.*

Công ty chưa bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường.

The company has not been penalized for any violations because PVC-IC is a specialized construction unit. Most of the materials used are readily available on the market, having been recycled and processed. Therefore, it does not violate environmental regulations.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers*: Số lượng người lao động: Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2025: 18 người, trong đó: Bộ phận gián tiếp các phòng ban: 18 người, Các đội, CB kỹ thuật, CN: 01 người. Mức lương bình quân năm 2025 là 14,75 triệu đồng/người/tháng (bình quân người lao động)/ *Workforce Details: Total Number of Employees as of 31/12/2025: 18 employees. Indirect Staff (Departments): 117 employees. Teams, Technical Staff, and Workers: 1 employees. Average Monthly Salary in 2025: 14.75 million VND per person.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*:

Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó khăn. Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với tất cả người lao động. Chi trả trợ cấp thôi việc chưa đầy đủ cho lao động nghỉ chế độ.

The company consistently implements policies to care for employees' well-being: providing full health insurance cards, offering support to those in difficult circumstances, and conducting annual health check-ups for all employees. However, severance allowances for employees retiring under specific conditions have not been fully paid.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

– Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*: Không/ *None*.

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development*: Không/ *None*.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community*: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*: Không có/ *None*.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on green capital market activities under the guidance of the SSC*:

Không có/ *None*.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là về tài chính. Các khoản nợ thuế, tiền chậm nộp và các khoản phạt thuế từ các năm trước vẫn chưa được xử lý dứt điểm, dẫn đến việc Công ty tiếp tục bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định như phong tỏa hóa đơn, tài khoản ngân hàng và tài sản bởi cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Bên cạnh đó, một số dự án, hợp đồng đang thực hiện dở dang vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, tiếp tục ảnh hưởng đến dòng tiền, khả năng cân đối tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *In 2025, the Company's production and business activities continued to face numerous difficulties and challenges, particularly in financial matters. Outstanding tax liabilities, late payment interest, and tax penalties from previous years had not yet been fully resolved, resulting in the continued enforcement of measures in accordance with regulations, including the freezing of invoices, bank accounts, and assets by the tax authorities and relevant state management agencies. In addition, a number of ongoing projects and contracts remained unresolved, which continued to adversely affect the Company's cash flow, financial balancing capability, and overall operating efficiency.*

- Đối với hoạt động xây lắp trong năm 2025, giá trị sản lượng thực hiện ở mức rất thấp do Công ty chưa có thêm công trình, dự án mới để triển khai. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty đã định hướng tiếp thị, tìm kiếm và triển khai một số công việc, công trình như sau/ *With respect to construction operations in 2025, the value of construction output remained very limited as the Company did not secure additional new works or projects for implementation. Under the 2025 business plan, the Company oriented its marketing and business development efforts toward the following potential works and projects:*

Stt No.	Tên công trình/Dự án <i>Project/Construction Names</i>	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng) <i>Estimated Value (Billion VND)</i>	Tình trạng đến nay <i>Current Status</i>
1	Dịch vụ quản lý toà nhà chung cư cao tầng/ <i>High-rise apartment building management services</i>	5,00	Không tiếp thị được trong năm/ <i>No marketing results were achieved during the year.</i>
2	Dịch vụ bảo trì hệ thống cơ điện/ <i>Mechanical and electrical system maintenance services</i>	5,00	Không tiếp thị được trong năm/ <i>No marketing results were achieved during the year.</i>

Stt No.	Tên công trình/Dự án <i>Project/Construction Names</i>	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng) <i>Estimated Value (Billion VND)</i>	Tình trạng đến nay <i>Current Status</i>
3	Cụm cảng PTSC tại TP Vũng Tàu (Làm nhà thầu phụ)/ <i>PTSC Port Complex in Vung Tau City (as a subcontractor)</i>	10,00	Công trình dừng triển khai theo kế hoạch/ <i>The project was halted as planned.</i>

Tuy nhiên, trong năm 2025, các công trình, công việc nêu trên chưa thể triển khai thực hiện. Đối với các dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư cao tầng và bảo trì hệ thống cơ điện, Công ty chưa tiếp thị, tìm kiếm được nguồn việc phù hợp trong năm. Đối với công việc tại Cụm cảng PTSC tại thành phố Vũng Tàu, dự án đã dừng triển khai theo kế hoạch của chủ đầu tư, nên Công ty không có cơ sở để tiếp tục thực hiện/ *However, in 2025, the above-mentioned works and services could not be implemented. For the high-rise apartment building management services and the mechanical and electrical system maintenance services, the Company was unable to secure suitable business opportunities during the year. With respect to the PTSC Port Complex project in Vung Tau City, the project was suspended in accordance with the investor's implementation plan; therefore, the Company had no basis to continue with the work.*

Do đó, kế hoạch sản lượng xây lắp và một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 chưa đạt như dự kiến. Trong bối cảnh nguồn việc hạn chế, các dự án mới chưa phát sinh, trong khi các tồn tại tài chính và công nợ từ các năm trước vẫn chưa được xử lý dứt điểm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu áp lực lớn và chưa tạo được sự bứt phá rõ nét trong năm 2025/ *As a result, the planned construction output and certain business targets for 2025 were not achieved as expected. In the context of limited business opportunities, the absence of new projects, and unresolved financial and receivable issues carried over from previous years, the Company's production and business activities continued to face significant pressure and did not achieve a clear breakthrough in 2025.*

1.1 Giá trị sản lượng/ Production Value:

Trong năm 2025, Công ty chưa trúng thầu thêm công trình, dự án mới do vẫn bị hạn chế năng lực tham gia đấu thầu theo quy định của pháp luật, chủ yếu liên quan đến tình trạng nợ thuế. Giá trị sản lượng thực hiện trong năm chủ yếu tập trung ở phần công việc triển khai thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 theo hình thức nhà thầu phụ từ đầu tháng 12/2025 và một số hoạt động kinh doanh, dịch vụ hiện hữu của Công ty. Giá trị sản lượng năm 2025 thực hiện đạt 12,54 tỷ đồng, tương đương 50,16% kế hoạch năm 2025/ *In 2025, the Company did not win any additional new construction works or projects, as it remained subject to restrictions on bidding eligibility under applicable laws and regulations, mainly due to outstanding tax liabilities. The production value achieved during the year was mainly derived from the work items performed under the Long Phu 1 Thermal Power Plant Project on a subcontracting basis from early December 2025, together with certain existing business and service activities of the Company. The production value in 2025 reached VND 12.54 billion, equivalent to 50.16% of the 2025 annual plan.*

1.2 Doanh thu/ Revenue:

Tổng doanh thu năm 2025 của Công ty đạt 23.212.961.914 đồng, tương đương 100,91% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động xây lắp đạt 14.512.340.983 đồng, chiếm 62,52% tổng doanh thu năm; doanh thu từ hoạt động dịch vụ đạt 8.700.620.931 đồng, chiếm 37,48% tổng doanh thu năm. Nguồn doanh thu trong năm chủ yếu đến từ hoạt động xây lắp, các hoạt động dịch vụ hiện hữu, cho thuê tài sản, khai thác chỗ đậu xe và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty/ *The Company's total revenue in 2025 reached VND 23,212,961,914, equivalent to 100.91% of the annual plan. Of this amount, revenue from construction and installation activities reached VND 14,512,340,983, accounting for 62.52% of total annual revenue; revenue from service activities reached VND 8,700,620,931, accounting for 37.48% of total annual revenue. Revenue during the year was mainly generated from construction activities, existing service operations, asset leasing, parking space operations, and other business activities of the Company.*

1.3 Lợi nhuận trước thuế/ Pre-Tax Profit:

Trong năm 2025, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 1.475.989.931 đồng. Kết quả này cho thấy mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, áp lực tài chính và công nợ chưa được xử lý dứt điểm, Công ty vẫn duy trì được hiệu quả tài chính dương. Lợi nhuận trước thuế đạt được chủ yếu nhờ nỗ lực duy trì doanh thu, kiểm soát chi phí, khai thác các nguồn thu hiện hữu và tiếp tục thực hiện các biện pháp xử lý, thu hồi công nợ, cân đối nguồn lực tài chính trong năm/ *In 2025, the Company recorded a pre-tax profit of VND 1,475,989,931. This result shows that although the Company continued to face many difficulties in its production and business activities, together with financial pressure and unresolved receivable issues, it was still able to maintain a positive financial result. The pre-tax profit was mainly attributable to efforts to maintain revenue, control costs, optimize existing income sources, and continue implementing measures for debt recovery and financial resource balancing during the year.*

2. **Tình hình tài chính/ Financial Situation**

a) Tình hình tài sản/ *Assets:* Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 291.936.755.071 đồng, giảm 23.387.683.697 đồng so với ngày 01/01/2025 là 315.324.438.768 đồng, tương ứng giảm 7,42%. Nguyên nhân chủ yếu do một số khoản mục tài sản suy giảm trong năm; đồng thời, các khoản phải thu quá hạn, chậm thu hồi tiếp tục ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ phải trả của Công ty/ *As at 31 December 2025, the Company's total assets amounted to VND 291,936,755,071, a decrease of VND 23,387,683,697 compared to 1 January 2025, when total assets were VND 315,324,438,768, equivalent to a decline of 7.42%. This was mainly attributable to decreases in certain asset items during the year; at the same time, overdue receivables and slow debt recovery continued to adversely affect the Company's ability to settle its payables.*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts:* Tại ngày 31/12/2025, nợ phải trả của Công ty là 154.968.461.752 đồng, giảm 23.891.417.170 đồng so với ngày 01/01/2025 là 178.859.878.922 đồng, tương ứng giảm 13,36%. Mức giảm này chủ yếu do giảm một số khoản nợ ngắn hạn, gồm phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả ngắn hạn khác; đồng thời, tại thời điểm 31/12/2025 Công ty không còn ghi nhận nợ dài hạn. Tuy nhiên, cơ cấu nợ phải trả vẫn chủ yếu là nợ ngắn hạn, tiếp tục tạo áp lực nhất định đối với khả năng thanh toán của Công ty/ *As at 31 December 2025, the Company's liabilities amounted to VND*

154,968,461,752, a decrease of VND 23,891,417,170 compared to 1 January 2025, when liabilities stood at VND 178,859,878,922, equivalent to a 13.36% decline. This decrease was mainly attributable to reductions in certain short-term liabilities, including trade payables, taxes and other payables to the State, and other short-term payables; additionally, as at 31 December 2025, the Company no longer recorded any long-term liabilities. However, the liability structure remained primarily composed of short-term liabilities, which continued to place certain pressure on the Company's liquidity and debt repayment capacity.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes*: Nợ phải trả của Công ty tuy giảm so với đầu năm nhưng áp lực thanh toán vẫn lớn do toàn bộ là nợ ngắn hạn; tại ngày 31/12/2025, Công ty còn nợ quá hạn chưa thanh toán 53,90 tỷ đồng và nợ thuế quá hạn 29,93 tỷ đồng. Trong khi đó, ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 là không đáng kể; chi phí tài chính chỉ ở mức 7,64 triệu đồng, và trong năm không phát sinh khoản tiền lãi vay đã trả/ *Although the Company's liabilities decreased compared to the beginning of the year, payment pressure remained significant as all liabilities were short-term in nature. As at 31 December 2025, the Company still had overdue unpaid liabilities of VND 53.90 billion and overdue tax liabilities of VND 29.93 billion. Meanwhile, the impact of foreign exchange differences and borrowing costs on the Company's 2025 business performance was insignificant; financial expenses amounted to only VND 7.64 million, and no loan interest payments were made during the year.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management.

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã triển khai công tác kiện toàn nhân sự nhằm củng cố và ổn định tổ chức bộ máy. Trong các năm 2024 và 2025, Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhân sự tại các phòng ban, đơn vị theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị và cơ chế sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã tổ chức rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý; từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức từ khối quản lý đến các bộ phận trực tiếp sản xuất; đồng thời thực hiện bố trí, phân công cán bộ trên cơ sở phù hợp với chuyên môn đào tạo, năng lực và sở trường của từng cá nhân. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc đã báo cáo, trình Hội đồng quản trị xem xét phương án thay đổi, tái cấu trúc và định biên đối với các phòng nghiệp vụ có liên quan/ *Following the 2023 Annual General Meeting of Shareholders, the Company undertook personnel consolidation to strengthen and stabilize its organizational structure. In 2024 and 2025, the Board of Directors and the Company's Management continued to focus on implementing measures to reorganize and streamline the staffing structure of departments and units in a lean, efficient manner, aligned with the Company's governance requirements and operating model. The Company reviewed and reassessed its managerial staff, gradually refined its organizational structure from the management level to the direct operating units, and assigned personnel on the basis of each individual's academic background, professional capacity, and strengths. On that basis, the Board of Management reported to and submitted for the Board of Directors' consideration proposals for changes, restructuring, and staffing plans for the relevant functional departments.*

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc tổ chức kiểm tra, rà soát toàn bộ hệ thống quy chế nội bộ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty; đồng thời tập trung triển khai các giải pháp tái cơ cấu công nợ, xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ nhằm thu hồi vốn, cải thiện dòng tiền và bảo đảm nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo/ *In addition, the Board of Directors instructed the Board of Management to review the entire system of internal regulations in order to make timely amendments, supplements, and improvements in line with the Company's actual operating conditions; at the same time, to focus on implementing debt restructuring measures and developing debt recovery plans so as to recover capital, improve cash flow, and secure resources for the Company's business and production activities in the following financial year.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future.

Trong thời gian tới, Ban Giám đốc tiếp tục phát huy vai trò điều hành, cùng với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý tại các phòng ban chuyên môn và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, nhằm từng bước củng cố, nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường; đồng thời tăng cường năng lực kiểm soát, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các định hướng trọng tâm như sau/ *In the coming period, the Board of Management will continue to uphold its executive role, together with the capabilities of the management team across functional departments and the efforts of all employees, in order to gradually strengthen and enhance the Company's position in the market, while improving control, governance, and the overall efficiency of its business and production activities. The key development orientations are as follows:*

4.1. Công tác tổ chức quản lý/ Organizational Management

- Tiếp tục xây dựng, cập nhật và triển khai chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030, phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện thực tế của Công ty/ *Continue to develop, update, and implement the Company's development strategy through 2030 in line with its development orientation and actual operating conditions.*

- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch định kỳ và kế hoạch năm, bảo đảm tính khả thi, sát với yêu cầu điều hành và mục tiêu sản xuất kinh doanh/ *Improve the quality of periodic and annual planning to ensure practicality, feasibility, and alignment with management requirements and business objectives.*

- Đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, máy móc và thiết bị hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Promote research and investment in the application of scientific and technological advances, new technologies, and modern machinery and equipment to business and production activities.*

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng nhân sự nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành và chất lượng nguồn nhân lực/ *Strengthen training, capacity building, and recruitment in order to enhance management capability, executive effectiveness, and workforce quality.*

- Tiếp tục phát huy các giá trị cốt lõi của Công ty gồm Sáng tạo – Tốc độ – Tin cậy, tạo động lực cho sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động/ *Continue to uphold the Company's core values of Creativity – Speed – Reliability as a foundation for sustainable development and improved operational efficiency.*

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo, quản lý; sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chuyên môn đào tạo, năng lực và sở trường của từng cá nhân/ *Further consolidate the leadership and management structure, and arrange personnel in*

line with job functions, academic background, professional capacity, and individual strengths.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đồng thời nghiên cứu mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực và định hướng phát triển của Công ty/ *Continue reviewing and restructuring the organizational model toward a leaner and more efficient structure, while studying the expansion of business lines consistent with the Company's capabilities and development orientation.*

- Thực hiện công tác rà soát, đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều động các chức danh quản lý tại các phòng, ban theo yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn/ *Conduct reviews and propose the appointment, dismissal, and reassignment of managerial positions within departments and divisions in accordance with operational requirements in each period.*

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý điều hành/ *Continue to review, amend, supplement, and promulgate internal regulations and policies in order to improve the governance system and enhance management effectiveness and efficiency.*

4.2. Đảm bảo việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động/ Ensuring Employment, Income, and Policies for Employees

- Song song với việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, môi trường làm việc và các yếu tố bảo đảm an toàn, ổn định cho người lao động/ *Alongside business development, the Company will continue to improve working conditions, the working environment, and factors that ensure safety and stability for employees.*

- Phấn đấu bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động, duy trì thu nhập hợp lý và từng bước cải thiện thu nhập trong các năm tiếp theo/ *Strive to secure stable employment for employees, maintain reasonable income levels, and gradually improve income in the coming years.*

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ tiền lương, bảo hiểm và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng lao động/ *Ensure the full and timely implementation of salary, insurance, and other employee benefits in accordance with applicable laws and commitments under labor contracts.*

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và điều chỉnh các chế độ, chính sách đối với người lao động phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành/ *Regularly review, update, and adjust employee policies and benefits in line with actual conditions and prevailing regulations.*

4.3. Công tác kế hoạch, thị trường/ Planning and Market Development

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng sát thực tế, linh hoạt và hiệu quả/ *Continue improving the quality of the preparation and implementation of business and production plans in a practical, flexible, and efficient manner.*

- Tăng cường chất lượng hệ thống báo cáo, phân tích và dự báo, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Enhance the quality of reporting, analysis, and forecasting systems to ensure timely and accurate information for management and control of business operations.*

- Chuyên nghiệp hóa công tác kế hoạch, thường xuyên cập nhật, rà soát và điều chỉnh phù hợp với tình hình triển khai thực tế, bảo đảm bám sát mục tiêu và nhiệm vụ từng thời kỳ/ *Professionalize planning work through regular review, updating, and adjustment in line with actual implementation, ensuring close alignment with the objectives and tasks of each period.*

- Tăng cường công tác kiểm soát, quản lý thực hiện hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư, khách hàng; đồng thời đẩy mạnh công tác lập hồ sơ thanh toán, quyết toán, thu hồi công nợ và kiểm soát dòng tiền/ *Strengthen the control and management of contract performance with investors and customers, while promoting payment documentation, final account settlement, debt recovery, and cash flow control.*

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy trình thanh toán, quyết toán nội bộ đối với các nhà thầu phụ theo hướng kịp thời, chặt chẽ, phù hợp với công tác hạch toán kế toán và kế hoạch tài chính từng kỳ/ *Review, revise, and improve internal payment and settlement procedures for subcontractors in a timely and rigorous manner, consistent with accounting practices and periodic financial planning.*

- Bảo đảm công tác thanh toán, quyết toán nội bộ và với nhà thầu phụ được thực hiện kịp thời, phản ánh đúng, đủ chi phí thực tế phát sinh, phục vụ công tác quản trị và hạch toán kế toán/ *Ensure that internal settlements and settlements with subcontractors are conducted promptly and accurately, fully reflecting actual costs incurred for management and accounting purposes.*

- Tiếp tục định hướng tập trung vào các công trình, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động và năng lực cốt lõi của Công ty; đồng thời mở rộng thị trường trong khu vực và trên phạm vi cả nước nhằm tạo thêm cơ hội việc làm và nguồn doanh thu cho Công ty/ *Continue focusing on projects and works that are aligned with the Company's business lines and core capabilities, while expanding the market within the region and nationwide in order to create additional business opportunities and revenue sources for the Company.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán/ *Management's explanation regarding the basis for the auditor's disclaimer of opinion:*

Tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán ngày 16/03/2026, kiểm toán viên độc lập đã đưa ra ý kiến từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính của Công ty. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến được nêu tại Báo cáo kiểm toán độc lập, liên quan đến một số vấn đề trọng yếu còn tồn tại, ảnh hưởng đến việc xác định, đánh giá và ghi nhận một số khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty/ *In the audited financial statements for 2025 dated 16 March 2026, the independent auditor issued a disclaimer of opinion on the Company's financial statements. The basis for the disclaimer of opinion, as stated in the Independent Auditor's Report, relates to a number of material outstanding matters affecting the determination, assessment, and recognition of certain items in the Company's financial statements.*

Cụ thể, các vấn đề chính bao gồm/ *Specifically, the main matters include:* giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4 chưa được phê duyệt quyết toán; Công ty chưa xác định đầy đủ giá trị có thể thu hồi đối với các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; tồn tại vướng mắc liên quan đến khu đất tại số 35D đường 30/4 và tài sản trên đất; Công ty chưa đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn tại Dự án Long Sơn Riverside; đồng thời một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác

nhận đầy đủ tại thời điểm lập báo cáo tài chính/ *The work-in-progress balance relating to the Mixed-use Commercial, Service, Office and Apartment Complex Project at 33A 30/4 Street has not yet been finalized and approved; the Company has not fully determined the recoverable value of work-in-progress balances relating to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project; there remain outstanding issues concerning the land plot at 35D 30/4 Street and the assets attached thereto; the Company has not fully assessed the recoverability of the long-term receivable related to the Long Son Riverside Project; and certain receivable and payable balances had not been fully confirmed as at the date of preparation of the financial statements.*

Đối với Dự án 33A đường 30/4, Ban Giám đốc đang tiếp tục chỉ đạo các bộ phận liên quan phối hợp với các bên có liên quan để hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ quyết toán và các thủ tục cần thiết, làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quyết toán dự án theo quy định/ *With respect to the 33A 30/4 Street Project, the Board of Management is continuing to direct the relevant departments to coordinate with the related parties in order to complete the legal documents, final settlement documents, and other necessary procedures as a basis for submission to the competent authorities for review and approval of the project final settlement in accordance with regulations.*

Đối với các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Công ty đang tiếp tục rà soát hồ sơ, đối chiếu khối lượng, làm việc với các chủ thể liên quan để xác định giá trị có thể thu hồi, qua đó làm cơ sở xem xét, đánh giá lại giá trị ghi sổ của các khoản mục này theo quy định hiện hành/ *For the work-in-progress balances relating to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project, the Company is continuing to review supporting documents, reconcile work volumes, and work with the relevant parties to determine the recoverable value, thereby providing a basis for reviewing and reassessing the carrying amounts of these items in accordance with prevailing regulations.*

Đối với khu đất tại số 35D đường 30/4, Công ty đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vướng mắc liên quan đến việc bàn giao đất và xử lý tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật, nhằm từng bước hoàn tất các thủ tục có liên quan/ *With respect to the land plot at 35D 30/4 Street, the Company is continuing to coordinate with the competent authorities to address the outstanding issues relating to land handover and the treatment of assets on the land in accordance with applicable laws, with a view to gradually completing the relevant procedures.*

Đối với khoản phải thu dài hạn tại Dự án Long Son Riverside, Ban Giám đốc đang tiếp tục rà soát hồ sơ pháp lý, tình trạng thực hiện dự án và khả năng thu hồi thực tế của khoản công nợ để có cơ sở đánh giá đầy đủ, đồng thời xem xét thực hiện các biện pháp xử lý tài chính phù hợp theo quy định/ *Regarding the long-term receivable related to the Long Son Riverside Project, the Board of Management is continuing to review the legal documentation, the implementation status of the project, and the actual recoverability of the receivable in order to form a full assessment, while also considering appropriate financial treatment measures in accordance with regulations.*

Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận đầy đủ tại thời điểm kiểm toán, Công ty đang tiếp tục thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ, bổ sung hồ sơ và làm việc với các bên liên quan nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập và trình bày báo cáo tài chính/ *For those receivable and payable balances that had not been fully confirmed at the time of audit, the Company is continuing to reconcile and confirm balances, supplement supporting documents, and work with the relevant parties in order*

to complete the underlying data for the preparation and presentation of the financial statements.

Ban Giám đốc xác định đây là các tồn tại trọng yếu cần tiếp tục tập trung xử lý trong thời gian tới. Công ty sẽ tiếp tục chỉ đạo các bộ phận chuyên môn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, làm việc với các cơ quan, tổ chức và đối tác có liên quan, đồng thời triển khai các biện pháp cần thiết nhằm từng bước khắc phục các tồn tại nêu trên, nâng cao chất lượng thông tin tài chính và bảo đảm báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý hơn trong các kỳ báo cáo tiếp theo/ *The Board of Management recognizes these as material outstanding matters that require continued and focused resolution in the coming period. The Company will continue to direct the relevant departments to promptly complete the necessary documentation, work with the relevant authorities, organizations, and counterparties, and implement the required measures in order to gradually address the above matters, improve the quality of financial information, and ensure that the Company's financial statements present a more true and fair view in subsequent reporting periods.*

Giải trình của Ban Giám đốc/ Management's explanation: Xem nội dung giải trình tại văn bản số 89/CNDD-TCKT ngày 16/03/2026 đính kèm/ *See details in the attached document No. 89/CNDD-TCKT dated March 16, 2026.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*

Việc đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của Công ty được dựa theo 04 tiêu chí sau đây/ *The evaluation of the company's performance in achieving environmental protection goals is based on the following four criteria:*

- Bảo vệ chất lượng môi trường sống: Thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường; khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, Công ty đạt mức trung bình khá.

Protecting the Quality of the Living Environment: Measures include controlling pollution sources, managing hazardous and general solid waste, mitigating pollution, improving environmental quality, and providing clean water and sanitation. The company achieves an average-to-good rating in this area.

- Bảo vệ sức sống hệ sinh thái: Thực hiện bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển rừng, Công ty đạt mức trung bình.

Protecting Ecosystem Vitality: Efforts focus on nature conservation, biodiversity protection, and forest preservation and development. The company achieves an average rating in this area.

- Bảo vệ hệ thống khí hậu: Thực hiện sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế tối đa sử dụng nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất, Công ty đạt mức trung bình.

Protecting the Climate System: Initiatives include utilizing renewable energy and minimizing the use of fuels and energy in production activities. The company achieves an average rating in this area.

- Năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ

bảo vệ môi trường; đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí bộ phận, nhân lực quản lý về bảo vệ môi trường; thường xuyên làm việc với cơ quan quản lý địa phương về môi trường để phối hợp thực hiện các yêu cầu.

State Management Capacity for Environmental Protection: Investments in environmental protection infrastructure, allocation of resources and personnel for environmental management, and regular collaboration with local environmental authorities are emphasized. The company has actively invested in these areas to meet environmental requirements.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment concerning the labor issues:*

- Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.

The company consistently implements effective policies to ensure employee welfare, including providing full health insurance coverage and offering financial support to those in difficult circumstances.

- Bên cạnh việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, Công ty đã xây dựng quy chế về bảo hộ lao động, hướng dẫn và áp dụng thống nhất quy chế này trong toàn bộ đơn vị.

In addition to complying with labor safety and occupational hygiene standards, the company has established regulations on labor protection. These regulations are thoroughly communicated and uniformly applied across all units within the organization.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Assessment concerning the corporate responsibility for the local community:* Ban Giám đốc Công ty luôn làm đúng trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng địa phương/ *The Company's Executive Board consistently fulfills its corporate responsibilities toward the local community during its production and business activities.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities:*

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty hoạt động trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là áp lực về thị trường, dòng tiền, công nợ phải thu, nghĩa vụ nợ đến hạn và việc xử lý các tồn tại kéo dài từ các năm trước. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Giám đốc và nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước ổn định tổ chức, kiểm soát hoạt động và tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn/ *In 2025, the Board of Directors assessed that the Company operated in the context of many difficulties and challenges, particularly pressure relating to the market, cash flow, receivables, due liabilities, and the handling of outstanding matters carried forward from previous years. However, under the regular direction and supervision of the Board of Directors, the management of the Board of Management, and the efforts of all employees, the Company maintained its business operations, gradually stabilized its organization, strengthened operational control, and continued implementing measures to*

overcome difficulties.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung vào việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, rà soát bộ máy tổ chức, kiện toàn nhân sự quản lý, kiểm soát chi phí, tái cơ cấu công nợ, thu hồi vốn và xử lý các tồn tại liên quan đến hồ sơ pháp lý, quyết toán, thanh toán và công nợ. Công tác quản trị nội bộ, công tác báo cáo và việc rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định nội bộ cũng đã được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành doanh nghiệp/ *The Board of Directors assessed that the Board of Management made considerable efforts in executive management by closely following key tasks and focusing on maintaining business operations, reviewing the organizational structure, consolidating management personnel, controlling costs, restructuring liabilities, recovering capital, and addressing outstanding issues relating to legal documentation, final settlements, payments, and receivables. Internal governance, reporting, and the review and amendment of internal regulations and policies were also given due attention, thereby contributing to improved management and operational efficiency.*

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị nhận thấy Công ty đã có nỗ lực trong công tác kế hoạch, điều hành, tiếp thị, tìm kiếm việc làm và duy trì hoạt động tại các lĩnh vực, dự án phù hợp với năng lực cốt lõi. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động nhìn chung vẫn chịu ảnh hưởng bởi tiến độ thu hồi công nợ chậm, một số dự án còn tồn tại vướng mắc trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, xác định giá trị thu hồi và xử lý hồ sơ liên quan. Đây là những vấn đề cần tiếp tục tập trung giải quyết trong thời gian tới để cải thiện chất lượng tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

With respect to business operations, the Board of Directors noted that the Company made efforts in planning, management, marketing, work development, and maintaining activities in sectors and projects aligned with its core capabilities. Nevertheless, overall operating efficiency continued to be affected by slow debt recovery, as well as outstanding issues in certain projects relating to acceptance, final settlement, determination of recoverable values, and the handling of relevant documentation. These are matters that require continued focus in the coming period in order to improve financial quality and enhance the Company's operating efficiency.

Về công tác tổ chức và nguồn nhân lực, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã tiếp tục triển khai các giải pháp kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo hướng phù hợp với quy mô và yêu cầu hoạt động thực tế. Việc rà soát, bố trí, phân công cán bộ từng bước được thực hiện theo hướng phù hợp hơn với năng lực, chuyên môn và yêu cầu công việc, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm, kỷ luật và hiệu quả thực thi nhiệm vụ trong toàn Công ty/ *In terms of organization and human resources, the Board of Directors assessed that the Company continued implementing measures to consolidate, reorganize, and streamline its structure in a manner appropriate to its scale and actual operational requirements. The review, arrangement, and assignment of personnel were gradually carried out in a way more consistent with capability, professional expertise, and job requirements, thereby contributing to improved accountability, discipline, and performance across the Company.*

Về trách nhiệm môi trường, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã quan tâm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng cháy chữa cháy trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý công trình và vận hành tại đơn vị. Công ty định hướng tiếp tục nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, vật tư, nhiên liệu, đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn cho người lao động và tài sản trong quá trình hoạt động/ *With respect to environmental responsibility, the Board of Directors assessed that*

the Company paid attention to fulfilling requirements relating to environmental protection, occupational safety, industrial hygiene, and fire prevention and fighting in the course of its business operations, project management, and unit operations. The Company will continue to strengthen compliance awareness regarding environmental laws, promote the efficient use of resources, materials, and fuel, and enhance risk control measures to ensure the safety of employees and assets during operations.

Về trách nhiệm xã hội, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty luôn quan tâm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, bảo hiểm, điều kiện làm việc và các quyền lợi khác theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục chú trọng xây dựng môi trường làm việc ổn định, kỷ cương, từng bước cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và gắn bó của người lao động với doanh nghiệp/ *Regarding social responsibility, the Board of Directors assessed that the Company consistently paid attention to safeguarding the lawful rights and interests of employees, and implementing policies on salaries, insurance, working conditions, and other benefits in accordance with regulations. In addition, the Company continued to focus on building a stable and disciplined working environment, gradually improving the quality of its human resources, and encouraging a sense of responsibility, solidarity, and long-term commitment among employees.*

Tổng thể, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì hoạt động, củng cố bộ máy, kiểm soát rủi ro và xử lý các tồn tại. Tuy nhiên, trước yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện tình hình tài chính và tăng cường năng lực cạnh tranh, Công ty cần tiếp tục quyết liệt hơn trong công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ, hoàn thiện quản trị nội bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường, xã hội trong quá trình phát triển bền vững/ *Overall, the Board of Directors assessed that the Company made significant efforts to maintain operations, strengthen its organizational structure, control risks, and address outstanding matters. However, in order to improve operating efficiency, strengthen its financial position, and enhance competitiveness, the Company needs to be more resolute in restructuring, debt recovery, internal governance improvement, human resource quality enhancement, and the full discharge of its environmental and social responsibilities in the course of sustainable development.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance.*

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã nỗ lực triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, áp lực về dòng tiền, công nợ, thị trường và việc xử lý các tồn tại kéo dài từ các năm trước/ *In 2025, the Board of Directors assessed that the Board of Management made efforts to implement the resolutions and directions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, while closely following the Company's key tasks in the context of continued difficulties in business operations, including pressure on cash flow, receivables, market conditions, and the handling of outstanding matters carried forward from previous years.*

Ban Giám đốc đã tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động của Công ty, chỉ đạo rà soát tình hình thực hiện các dự án, hợp đồng, công tác thanh toán, quyết toán, thu hồi công nợ và kiểm soát chi phí. Đồng thời, Ban Giám đốc đã chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc báo cáo, đề xuất các giải pháp điều hành, xử lý khó khăn, tái cơ cấu công nợ và củng cố nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh

doanh/ *The Board of Management focused on directing business operations, maintaining the Company's activities, and reviewing the implementation status of projects, contracts, payments, final settlements, debt recovery, and cost control. At the same time, the Board of Management proactively coordinated with the Board of Directors in reporting and proposing management solutions, resolving difficulties, restructuring liabilities, and strengthening resources for business operations.*

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã có sự quan tâm đối với công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, rà soát nhân sự, sắp xếp và bố trí cán bộ phù hợp hơn với yêu cầu nhiệm vụ, năng lực và chuyên môn. Công tác rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định nội bộ và tăng cường kỷ luật, trách nhiệm trong điều hành từng bước được thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát hoạt động trong Công ty/ *The Board of Directors assessed that the Board of Management paid attention to consolidating the organizational structure, reviewing personnel, and arranging and assigning staff in a manner more suitable to operational requirements, capabilities, and professional qualifications. The review and amendment of internal regulations, together with the strengthening of discipline and accountability in management, were gradually implemented, thereby contributing to improved management efficiency and operational control within the Company.*

Bên cạnh các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị nhận thấy hoạt động điều hành của Ban Giám đốc vẫn còn những mặt cần tiếp tục khắc phục, đặc biệt là trong công tác xử lý công nợ, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán, xử lý các tồn tại pháp lý, nâng cao chất lượng công tác dự báo, kế hoạch và hiệu quả triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm. Đây là những nội dung cần tiếp tục được tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn trong thời gian tới/ *In addition to the results achieved, the Board of Directors noted that there remain areas in the Board of Management's executive performance that require further improvement, particularly in debt recovery, accelerating the completion of payment and final settlement documentation, addressing legal outstanding issues, improving the quality of forecasting and planning, and enhancing the effectiveness of implementing certain key tasks. These are matters that require stronger and more decisive direction in the coming period.*

Tổng thể, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã có tinh thần trách nhiệm, có nhiều cố gắng trong công tác điều hành và cơ bản thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Giám đốc tiếp tục nâng cao tính chủ động, quyết liệt và hiệu quả trong công tác điều hành; tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại, cải thiện tình hình tài chính, tăng cường thu hồi công nợ, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *Overall, the Board of Directors assessed that the Board of Management demonstrated a sense of responsibility, made considerable efforts in executive management, and generally fulfilled its assigned functions and duties. In the coming period, the Board of Directors requires the Board of Management to further enhance its proactiveness, decisiveness, and effectiveness in management; focus on resolving outstanding issues, improving the financial position, strengthening debt recovery, controlling risks, and enhancing the Company's overall operating efficiency.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans and orientations of the Board of Directors.

Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục củng cố hoạt động quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện tình hình tài chính và từng bước xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc kéo dài của Công ty. Trên cơ sở đó, Hội

đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai đồng bộ các giải pháp về tổ chức, tài chính, thị trường, công nợ và quản trị nội bộ nhằm tạo nền tảng ổn định cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo/ *In the coming period, the Board of Directors identifies its key tasks as continuing to strengthen corporate governance, improve business performance, enhance the Company's financial position, and gradually resolve long-standing outstanding issues and difficulties. On that basis, the Board of Directors will focus on directing the Board of Management to implement synchronised solutions in relation to organization, finance, market development, receivables, and internal governance in order to create a stable foundation for the next stage of development.*

Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động và yêu cầu thực tiễn của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản trị, điều hành; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý doanh nghiệp/ *The Board of Directors intends to continue reviewing and consolidating the organizational structure, and streamlining the management apparatus in a lean and efficient manner that is appropriate to the Company's scale, operational characteristics, and practical requirements. At the same time, the Board of Directors will direct efforts to strengthen discipline and governance standards, enhance the accountability of the management team, and continue reviewing, amending, supplementing, and improving the internal rules and regulations system in order to increase management effectiveness and efficiency.*

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị định hướng tập trung vào các lĩnh vực, công trình và dự án phù hợp với ngành nghề kinh doanh, năng lực cốt lõi và kinh nghiệm của Công ty; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường, lựa chọn dự án có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn tốt hơn. Công tác kế hoạch, báo cáo, phân tích và dự báo sẽ tiếp tục được tăng cường nhằm nâng cao chất lượng điều hành, kiểm soát tiến độ thực hiện và kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó với biến động của thị trường/ *With respect to business operations, the Board of Directors will focus on sectors, works, and projects that are consistent with the Company's business lines, core capabilities, and experience, while continuing to strengthen marketing efforts, business development, market expansion, and the selection of projects with better efficiency and stronger capital recovery potential. Planning, reporting, analysis, and forecasting will continue to be enhanced in order to improve management quality, monitor implementation progress, and provide timely responses to market fluctuations.*

Về tài chính, Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trọng tâm là tăng cường kiểm soát dòng tiền, tái cơ cấu công nợ, đẩy mạnh thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khoản tồn đọng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc tập trung giải quyết các nội dung còn tồn tại liên quan đến hồ sơ quyết toán, thanh toán, xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản mục tài sản, xử lý các vấn đề pháp lý và từng bước khắc phục các hạn chế đã được kiểm toán nêu ra, qua đó cải thiện chất lượng thông tin tài chính và năng lực tài chính của Công ty/ *In terms of finance, the Board of Directors identifies key priorities as strengthening cash flow control, restructuring liabilities, accelerating the recovery of receivables, dealing with outstanding balances, and improving capital efficiency. At the same time, the Board of Directors will continue directing the Board of Management to focus on resolving outstanding matters relating to final settlement documentation, payments, determination of recoverable values of asset items, handling legal issues, and gradually remedying the limitations raised by the*

auditor, thereby improving the quality of financial information and the Company's financial capacity.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị tiếp tục quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách đối với người lao động; đồng thời gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động, Công ty sẽ từng bước vượt qua khó khăn, củng cố nền tảng hoạt động và tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới/ *In addition, the Board of Directors will continue to pay attention to human resource development, employment security, income, and employee welfare policies, while linking business operations with the requirements of occupational safety, environmental protection, and corporate social responsibility. The Board of Directors believes that, through close coordination among the Board of Directors, the Board of Management, and all employees, the Company will gradually overcome difficulties, strengthen its operational foundation, and create the basis for stable and sustainable development in the coming period.*

V. Quản trị công ty/ *Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors Members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Voting Rights Shareholding Ratio</i>	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác <i>Titles Held in Other Companies</i>
1	Ông Ngô Bùi Ngọc <i>Mr. Ngo Bui Ngoc</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>BOD Member</i> - Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the BOD</i>	8.000.000 cổ phần (26,67%) 8,000,000 <i>Shares (26.67%)</i>	
2	Bà Lê Thị Thu Huyền <i>Ms. Le Thi Thu Huyen</i>	Thành viên HĐQT không chuyên trách/ <i>Non- Executive BOD Member</i>	7.300.000 cổ phần (24,33%) 7,300,000 <i>Shares (24.33%)</i>	Chuyên viên Ban Kinh tế Thương mại TCT PetroCons <i>Specialist in the Economic and Commercial Department of PetroCons Corporation</i>
3	Ông Trần Sỹ Huân <i>Mr. Tran Sy Huan</i>	Thành viên HĐQT độc lập/	0% 0%	Trưởng phòng quản lý giao diện Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors Members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Voting Rights Shareholding Ratio</i>	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác <i>Titles Held in Other Companies</i>
		<i>Independent BOD Member</i>		miền nam <i>Head of Interface Management Department at POSCO E&C – A2 Bid, Southern Petrochemical Complex</i>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *The committees of the Board of Directors:*
Không có/ *None*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors*

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Oversight Activities of the Board of Directors Over the Executive Board.*

+ Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban giám đốc để triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chỉ đạo đã đề ra;

The Board of Directors monitors and supervises the Executive Board to ensure the effective implementation of Resolutions, Decisions, and Directives issued.

+ Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp mở rộng có Ban giám đốc tham gia;

The Board of Directors participates in extended meetings involving the Executive Board, providing input and guidance on relevant matters.

+ Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản báo cáo của Ban giám đốc gửi Hội đồng quản trị;

The Board tracks and evaluates production and business operations through reports submitted by the Executive Board.

+ Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát với hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của Công ty.

The Board of Directors collaborates with the Supervisory Board to conduct inspections and oversight of the company's business operations and management practices.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2025/ *Meetings of the Board of Directors in 2025:*

Stt No.	Nội dung cuộc họp <i>Meeting Agenda</i>	Thời gian tổ chức <i>Date Held</i>	Kết quả <i>Outcome</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1	Thông qua kế hoạch, chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 Công ty CP Xây dựng Công	21/02/2025	Thông qua <i>Approved</i>	

Stt No.	Nội dung cuộc họp Meeting Agenda	Thời gian tổ chức Date Held	Kết quả Outcome	Ghi chú Notes
	<p>ngiệp và Dân dụng Dầu khí. <i>Approval of the organization plan and agenda for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Industrial and Civil Engineering Joint Stock Compa</i></p>			
2	<p>Thông qua nội dung: Kế hoạch SXKD năm 2025, Thành lập các tiểu ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Xem xét nội dung dự thảo hồ sơ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. <i>Approval of the following matters: the 2025 business and production plan; the establishment of subcommittees to serve the 2025 Annual General Meeting of Shareholders; and the review of and comments on the draft dossiers and documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i></p>	11/03/2025	Thông qua <i>Approved</i>	
3	<p>Họp liên tịch giữa Chi ủy - HĐQT - BKS - Ban điều hành <i>Joint Meeting between the Party Cell Committee, the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Board of Management.</i></p>	24/04/2025	Thông qua <i>Approved</i>	
4	<p>Kiểm điểm công tác SXKD và triển khai nhiệm vụ các tháng cuối năm. <i>Review of the implementation of business and production activities and deployment of tasks for the remaining months of the year</i></p>	12/11/2025	Thông qua <i>Approved</i>	

- Các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị trong năm 2025/ *Resolutions and Decisions of the Board of Directors in 2025:*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
I	NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTIONS			
1	03/NQ- CNDD/HĐQT	17/01/2025	Về việc trích quỹ lương năm 2025 chi hỗ trợ cho CBCNV	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			nhân dịp Tết Ất Ty 2025 <i>Regarding the allocation of the 2025 salary fund to provide support for employees on the occasion of the Lunar New Year (Tet) – Year of the Snake 2025</i>	
2	12/NQ- CNDD/HĐQT	24/02/2025	Thông qua kế hoạch, chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Approval of the agenda and program for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	100%
3	18/NQ- CNDD/HĐQT	14/03/2025	Giao kế hoạch SXKD năm 2025 cho Ban điều hành Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Assignment of the 2025 business plan to the Executive Board of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company</i>	100%
4	23/NQ- CNDD/HĐQT	26/03/2025	Chấp thuận gia hạn, sửa đổi BLTU Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC-PVIC ngày 15/04/2014 <i>Approval of extension and amendment of Appendix to Contract No. 21/2014/HĐKT/PVC-PVIC dated April 15, 2014</i>	100%
5	28/NQ- CNDD/HĐQT	31/03/2025	Nghị quyết thông qua chương trình và dự thảo hồ sơ ĐHCĐ năm 2025 Công ty PVC-IC <i>Resolution approving the agenda and draft documents for the 2025 General Meeting of Shareholders of PVC-IC</i>	100%
6	47/NQ- CNDD/HĐQT	23/05/2025	Đồng ý chủ trương thanh lý Container văn phòng 40 feet	100%

Stt <i>No.</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Approval in principle of liquidation of a 40-foot office container</i>	
7	52/NQ- CNDD/HĐQT	17/06/2025	Chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Hợp đồng xây dựng số XD02/2016/SH1-PVC-PVC-IC ngày 25/4/2016 <i>Approval of extension for the performance guarantee of Contract No. XD02/2016/SH1-PVC-PVC-IC dated April 25, 2016</i>	100%
8	54/NQ- CNDD/HĐQT	19/06/2025	Chấp thuận gia hạn, sửa đổi bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC-PVC-IC ngày 15/04/2014 <i>Approval of extension and amendment of advance payment guarantee for Contract No. 21/2014/HĐKT/PVC-PVC-IC dated April 15, 2014</i>	100%
9	56/NQ- CNDD/HĐQT	24/06/2025	Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Approval of the selection of the auditing firm for the 2025 Financial Statements of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company</i>	100%
10	71/NQ- CNDD/HĐQT	08/08/2025	V/v SXKD năm 2025 Công ty PVC-IC <i>Regarding the business and operational activities of PVC-IC in 2025</i>	100%
11	75/NQ- CNDD/HĐQT	28/08/2025	V/v Nghị quyết về việc trích quỹ lương năm 2025 chi cho CBCNV nhân ngày Quốc khánh 02/09/2025 <i>Regarding the Resolution on the allocation of the 2025 salary fund to provide payments to employees on the occasion of</i>	100%

Stt <i>No.</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>National Day (September 2, 2025)</i>	
12	79/NQ- CNDD/HĐQT	20/10/2025	V/v Nghị quyết về việc trích quỹ lương năm 2025 chi hỗ trợ cho CBCNV nhân dịp Kỷ niệm 42 năm Ngày thành lập Công ty PVC-IC 24/10/2025 <i>Regarding the Resolution on the allocation of the 2025 salary fund to provide support to employees on the occasion of the 42nd Anniversary of the establishment of PVC-IC (October 24, 2025)</i>	100%
13	85/NQ- CNDD/HĐQT	24/11/2025	V/v Chấp thuận phê duyệt giao dịch ký kết hợp đồng thi công với Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) <i>Regarding the approval of the transaction for entering into a construction contract with Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation (PetroCons)</i>	100%
14	88/NQ- CNDD/HĐQT	04/12/2025	V/v Chấp thuận bổ nhiệm lại Ông Phạm Mạnh Cường làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí <i>Regarding the approval of the re-appointment of Mr. Pham Manh Cuong as Deputy Director of PetroVietnam Construction Industrial and Civil Engineering Joint Stock Company</i>	100%
15	90/NQ- CNDD/HĐQT	05/12/2025	V/v Chấp thuận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy chế chi tiêu nội bộ <i>Regarding the approval of amendments and supplements to certain provisions of the Internal Expenditure Regulations</i>	100%
16	94/NQ-	25/12/2025	V/v Nghị quyết về việc trích quỹ	100%

Stt <i>No.</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
	CNDD/HĐQT		lương năm 2025 chi hỗ trợ cho CBCNV Công ty nhân ngày Tết Dương lịch năm 2026 <i>Regarding the Resolution on the allocation of the 2025 salary fund to provide support to employees of the Company on the occasion of the 2026 New Year</i>	
II	QUYẾT ĐỊNH/ DECISIONS			
1	05/QĐ- CNDD/HĐQT	05/02/2025	Sáp nhập Phòng Cơ điện Dự án vào Phòng Kinh tế Kỹ thuật trực thuộc Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí <i>Merger of the Project Electromechanical Department into the Technical and Economic Department under Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)</i>	100%
2	19/QĐ- CNDD/HĐQT	14/03/2025	Thành lập ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty PVC-IC <i>Establishment of the Credentials Verification Committee for delegates attending the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of PVC-IC</i>	100%
3	20/QĐ- CNDD/HĐQT	14/03/2025	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty PVC-IC <i>Establishment of the Organizing Committee for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of PVC-IC</i>	100%
4	89/QĐ- CNDD/HĐQT	04/12/2025	V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí <i>Regarding the appointment of a Deputy Director of PetroVietnam Construction</i>	100%

Stt <i>No.</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Industrial and Civil Engineering Joint Stock Company</i>	
5	91/QĐ- CNDD/HĐQT	05/12/2025	V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí <i>Regarding the approval and issuance of the Internal Expenditure Regulations of PetroVietnam Construction Industrial and Civil Engineering Joint Stock Company</i>	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors independent members. Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến và trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu từ HĐQT.

Independent members of the Board of Directors actively participated in all board meetings through various formats, including in-person attendance, online participation, and written responses to requests from the Board.

- Hoạt động của các tiểu ban/ *Activities of Subcommittees:* Công ty chưa có các tiểu ban/ *The company currently does not have any subcommittees in operation.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year:*

Stt <i>No.</i>	Thành viên HĐQT/ Board Member	Chức vụ/ Position	Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty/ Corporate Governance Training Certificate	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ Participation in Corporate Governance Programs During the Year
1	Ông Ngô Bùi Ngọc <i>Mr. Ngo Bui Ngoc</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>BOD Member</i> - Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the BOD</i>	Có/ <i>Yes</i>	Có/ <i>Yes</i>
2	Bà Lê Thị Thu Huyền	- Thành viên HĐQT không chuyên trách/	Có/ <i>Yes</i>	Có/ <i>Yes</i>

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board Member	Chức vụ/ Position	Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty/ Corporate Governance Training Certificate	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ Participation in Corporate Governance Programs During the Year
	<i>Ms. Le Thi Thu Huyen</i>	<i>Non-Executive BOD Member</i>		
3	Ông Trần Sỹ Huân <i>Mr. Tran Sy Huan</i>	- Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>	Có/ <i>Yes</i>	-

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*

Stt No.	Họ và tên Name	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/ Percentage of voting shares owned	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác/ Positions held at other companies
1	Bà Ngô Thị Thu Hoài <i>Ms. Ngo Thi Thu Hoai</i>	Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách <i>Head of the Supervisory Board (Non-Executive)</i>	0	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán TCT PetroCons <i>Deputy Head of Finance and Accounting, Audit Department - PetroCons Corporation</i>
2	Ông Phan Văn Hùng <i>Mr. Phan Van Hung</i>	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách <i>Member of the Supervisory Board (Executive)</i>	0	
3	Bà Ngô Trúc Vy <i>Ms. Ngo Truc Vy</i>	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm <i>Member of the Supervisory Board (Concurrently serving)</i>	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát theo quy định

tại Điều lệ tổ chức hoạt động của PVC-IC, cũng như tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, cụ thể/ *In 2025, The Board of Supervisors has carried out supervisory activities in accordance with the Organizational Charter of PVC-IC, as well as complying with relevant legal regulations, specifically as follows:*

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ có liên quan; đồng thời bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty để triển khai các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với công tác quản trị, điều hành và tình hình tài chính của Công ty/ *In 2025, the Supervisory Board performed its supervisory functions in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and relevant internal regulations, while closely following the Company's actual operating conditions to carry out inspection and supervision over corporate governance, management, and financial matters.*

- Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc. Công tác giám sát được thực hiện đối với các nội dung chủ yếu như tình hình tài chính, quản lý công nợ, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí, hồ sơ thanh quyết toán, cũng như việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty/ *The Supervisory Board supervised the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, as well as compliance with applicable laws and the Company's Charter in the course of the Board of Management's operation of business activities. Its supervision focused mainly on financial matters, receivables and payables management, implementation of business plans, cost control, payment and final settlement documentation, and compliance with the Company's internal rules and regulations.*

- Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát đã xem xét các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị, báo cáo của Ban Giám đốc và các tài liệu liên quan khác để đánh giá tình hình hoạt động, mức độ tuân thủ và các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm soát rủi ro, xử lý các tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động/ *In addition, the Supervisory Board reviewed periodic financial statements, governance reports, reports of the Board of Management, and other relevant documents in order to assess the Company's operating situation, compliance level, and material risks that might affect its operations. On that basis, the Supervisory Board provided comments and recommendations to the Board of Directors and the Board of Management to strengthen management, risk control, the handling of outstanding issues, and overall operating efficiency.*

- Đối với công tác tài chính và kế toán, Ban Kiểm soát đã theo dõi, giám sát việc lập và công bố báo cáo tài chính, việc phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, cũng như việc rà soát các nội dung tồn tại, vướng mắc được nêu trong báo cáo kiểm toán. Đồng thời, Ban Kiểm soát đã quan tâm giám sát các khoản công nợ phải thu, phải trả, tình hình cân đối dòng tiền, khả năng thanh toán và việc thực hiện các biện pháp khắc phục các tồn tại về tài chính của Công ty/ *With respect to financial and accounting matters, the Supervisory Board monitored and supervised the preparation and disclosure of financial statements, coordination with the independent auditor, and the review of outstanding issues and matters raised in the auditor's report. At the same time, the Supervisory Board paid attention to the supervision of receivables and payables, cash flow balancing, liquidity, and the implementation of measures to address the Company's financial shortcomings.*

- Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan trong việc trao đổi thông tin, rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Các ý kiến giám sát và kiến nghị của Ban Kiểm soát cơ bản tập trung vào việc tăng cường kỷ luật tài chính, đẩy mạnh thu hồi công nợ, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ thanh quyết toán và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ/ *Furthermore, the Supervisory Board coordinated with the Board of Directors, the Board of Management, and relevant departments in exchanging information and reviewing the implementation of key tasks, thereby contributing to greater transparency, accountability, and corporate governance effectiveness. Its supervisory comments and recommendations mainly focused on strengthening financial discipline, accelerating debt recovery, completing legal and final settlement documentation, and improving the effectiveness of the internal control system.*

Nhìn chung, trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có những đóng góp tích cực trong công tác giám sát hoạt động quản trị, điều hành và tài chính của Công ty. Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng giám sát, tăng cường theo dõi việc khắc phục các tồn tại, cảnh báo rủi ro kịp thời và kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm góp phần bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, minh bạch và hiệu quả hơn/ *Overall, in 2025, the Supervisory Board performed its functions and duties in accordance with regulations and made positive contributions to the supervision of the Company's governance, management, and financial activities. In the coming period, the Supervisory Board will continue to improve the quality of its supervision, strengthen the monitoring of remedial actions, provide timely risk warnings, and recommend appropriate solutions in order to contribute to safer, more transparent, and more effective operations of the Company.*

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát/ *Summary of the Board of Supervisors' Meetings.*

Trong năm 2025 Ban kiểm soát đã tiến hành 5 cuộc họp, lấy ý kiến và thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát bằng các hình thức online và trực tiếp/ *In 2025, the Board of Supervisors held five meetings, gathering opinions and reaching consensus on reports related to matters within its authority. These meetings were conducted in both online and in-person formats.*

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện công việc, trao đổi, đóng góp các ý kiến về công tác hoạt động của Ban kiểm soát bằng các hình thức như gọi điện, và trao đổi qua tin nhắn group Zalo, gửi email để thống nhất, làm rõ các nội dung công việc trong năm 2025/ *In addition to formal meetings, members of the Supervisory Board also carried out their work, exchanged views, and provided comments on the Supervisory Board's activities through various means such as phone calls, Zalo group messages, and emails, in order to reach consensus on and clarify work-related matters during 2025.*

Các cuộc họp với sự có mặt đầy đủ của các thành viên, và kết quả của các cuộc họp đều được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%. Cụ thể/ *All meetings were attended by all members, and the decisions made during these sessions were unanimously approved with a 100% agreement rate. The details of these meetings are as follows:*

TT No.	Số hiệu biên bản/ Meeting No.	Thời gian/ Date	Nội dung chính/ Main Agenda	Ghi chú/ Notes
1	01/BB-CNDD-	26/03/2025	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban	

TT No.	Số hiệu biên bản/ Meeting No.	Thời gian/ Date	Nội dung chính/ Main Agenda	Ghi chú/ Notes
	BKS		Kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025/ <i>Report on the Supervisory Board's performance in 2024 submitted to the 2025 General Meeting of Shareholders.</i>	
2	02/BB-CNDD-BKS	28/03/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025/ <i>Selection of the audit firm for 2025 for submission to the 2025 General Meeting of Shareholders.</i>	
3	03/BB-CNDD-BKS	24/04/2025	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát/ <i>Election of the Head of the Supervisory Board.</i>	
4	04/BB-CNDD-BKS	22/7/2025	Báo cáo công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025/ <i>Report on the supervision of business and production activities for the first six months of 2025.</i>	
5	05/BB-CNDD-BKS	30/10/2025	Báo cáo công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025/ <i>Report on the supervision of business and production activities for the first nine months of 2025.</i>	

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và theo Điều lệ của Công ty; quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua/ *Perform other duties in accordance with the authority and functions of the Board of Supervisors, as well as the Company's Charter and the Board of Supervisors' operational regulations approved by the Annual General Meeting of Shareholders in 2021.*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ Ủy ban kiểm toán/ *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee.*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits:*

a1) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của HĐQT/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors:*

Tổng chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 là 352.990.909 đồng; Khoản hỗ trợ các ngày lễ, tết trong năm theo chính sách của Công ty là 48.000.000 đồng. Cụ thể như sau/ *The total amount paid by the Company to the Board of Directors from 1 January 2025 to 31 December 2025, including remuneration and salary, was VND 352,990,909; in addition, allowances and support for public holidays and festive occasions during the year in accordance with the Company's policy amounted to VND 48,000,000. Details are as follows:*

(1) Ông/ *Mr.* Ngô Bùi Ngọc – Chủ tịch Hội đồng quản trị/ *Chairman of the Board of*

Directors

+ Lương/ *Salary*: 268.990.909 đồng / *VND 268,990,909*

+ Thu nhập khác/*Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

(2) Bà/ *Ms. Lê Thị Thu Huyền* – Ủy viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors*

+ Thù lao/ *Remuneration*: 42.000.000 đồng / *VND 42,000,000*

+ Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

(3) Ông/ *Mr. Trần Sỹ Huân* – Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Independent Member of the Board of Directors*

+ Thù lao/ *Remuneration*: 42.000.000 đồng / *VND 42,000,000*

+ Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

Chi phí và lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT/ *Costs and Other Benefits of the Board of Directors and Individual Members*: Năm 2025 Công ty đã chi cho Hội đồng quản trị với số tiền chi trong năm là: 37.153.529 đồng. Cụ thể như sau/ *In 2025, the Company made total payments to the Board of Directors in the amount of VND 37,153,529. Details are as follows:*

Stt No.	Họ và tên Name	Chi phí (đồng) Costs (VND)		Ghi chú Notes
		Công tác phí Travel Expenses	Chi phí khác Other Expenses	
1	Ông Ngô Bùi Ngọc -Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Ngo Bui Ngoc - Board Member, Chairman of the Board of Directors</i>	29.737.755	0	
2	Bà Lê Thị Thu Huyền – TV HĐQT kiêm nhiệm <i>Ms. Le Thi Thu Huyen - Concurrent Board Member</i>	3.707.887	0	
3	Ông Trần Sỹ Huân - Thành viên HĐQT độc lập <i>Mr. Tran Sy Huan - Independent Board Member</i>	3.707.887	0	

a2) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Supervisors/ Audit Committee:*

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2024 với tổng chi phí là 192.632.727 đồng; Khoản hỗ trợ các ngày lễ, tết trong năm theo chính sách của Công ty là 48.000.000 đồng. Cụ thể như sau/ *The total amount of salary and remuneration paid by the Company to the Supervisory Board in 2024 was VND 192,632,727; in addition, allowances and support for public holidays and festive occasions during the year in accordance with the Company's policy amounted to VND 48,000,000. Details are as follows:*

(1) Bà/ *Ms. Ngô Thị Thu Hoài* – Trưởng ban/ *Head of the Supervisory Board*

+ Thù lao/ *Remuneration*: 36.000.000 đồng / *VND 36,000,000*

+ Thu nhập khác/*Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

- (2) Ông/ *Mr.* Phan Văn Hùng – Thành viên/ *Member*
 + Tiền lương/ *Remuneration*: 132.632.727 đồng / *VND 132,632,727*
 + Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*
- (3) Bà/ *Ms.* Ngô Trúc Vy – Thành viên/ *Member*
 + Thù lao/ *Remuneration*: 24.000.000 đồng / *VND 24,000,000*
 + Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

Chi phí và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát/ *Other expenses and benefits of the Board of Supervisors and its members*: là 3.707.888 đồng chi tiết gồm/ *VND 3,707,888 with*:

Stt No.	Họ và tên <i>Name</i>	Chi phí (đồng) <i>Costs (VND)</i>		Ghi chú <i>Notes</i>
		Công tác phí <i>Travel Expenses</i>	Chi phí khác <i>Other Expenses</i>	
1	Bà Ngô Thị Thu Hoài <i>Ms. Ngo Thi Thu Hoai</i>	3.707.888	0	
2	Ông Phan Văn Hùng <i>Mr. Phan Van Hung</i>	0	0	
3	Bà Ngô Trúc Vy <i>Ms. Ngo Truc Vy</i>	0	0	

Ngoài tiền lương và thù lao; công tác phí; các khoản chi lương bổ sung nhân ngày lễ tết theo quy chế của Công ty nêu trên, Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát không có chi phí và lợi ích nào khác/ *Aside from salaries, remuneration, travel expenses, and holiday allowances as outlined above, the Board of Supervisors and its members did not receive any other expenses or benefits.*

a3) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của Ban Giám đốc/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of Director and General Director and managers*:

Tiền lương của Ban giám đốc năm 2025 với tổng chi phí là 991.172.982 đồng; Khoản hỗ trợ các ngày lễ, tết trong năm theo chính sách của Công ty là 64.000.000 đồng. Cụ thể như sau/ *The total amount of salary paid by the Company to the Board of Management in 2025 was VND 991,172,982; in addition, allowances and support for public holidays and festive occasions during the year in accordance with the Company's policy amounted to VND 64,000,000. Details are as follows*:

- (1) Ông Lê Minh Hải – Giám đốc/ *Mr. Le Minh Hai – Director*:
 + Lương/ *Salary*: 287.014.909 đồng / *VND 287,014,909*
 + Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*
- (2) Ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Giám đốc/ *Mr. Nguyen Van Hoanh – Deputy Director*.
 + Lương/ *Salary*: 237.049.490 đồng / *VND 237,049,490*
 + Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*
- (3) Ông Phạm Mạnh Cường – Phó Giám đốc/ *Mr. Pham Manh Cuong – Deputy Director*.
 + Lương/ *Salary*: 251.281.818 đồng / *VND 251,281,818*
 + Thu nhập khác/ *Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

- (4) Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng/ *Mr. Le Ngoc Hoang – Chief Accountant*
 + Lương/ *Salary*: 215.826.764 đồng / *VND 215,826,764*
 + Thu nhập khác/*Other income*: 16.000.000 đồng / *VND 16,000,000*

Chi phí và lợi ích khác của Ban giám đốc và từng thành viên Ban giám đốc/ *Costs and Other Benefits of the Executive Board and Its Members*: Năm 2025 Công ty đã chi cho Ban giám đốc với số tiền chi trong năm là: 238.050.659 đồng. Cụ thể như sau/ *The Company spent a total of 238,050,659 VND on the Executive Board in 2024. Details are as follows*:

Stt No.	Họ và tên Name	Chi phí (đồng) Costs (VND)		Ghi chú Notes
		Công tác phí Travel Expenses	Chi phí khác Other Expenses	
1	Ông Lê Minh Hải – Giám đốc <i>Mr. Le Minh Hai – Director</i>	29.737.755	136.323.274	
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Giám đốc <i>Nguyen Van Hoanh – Deputy Director</i>	0	12.512.433	
3	Ông Phạm Mạnh Cường – Phó Giám đốc <i>Pham Manh Cuong – Deputy Director</i>	45.552.756	0	
4	Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng <i>Mr. Le Ngoc Hoang – Chief Accountant</i>	0	13.924.441	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*): Không/ *None*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*:

- Các giao dịch phát sinh trong năm 2025 với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty) có tổng giá trị là 10.886.682.485 đồng/ *Transactions arising in 2025 with PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (the parent company holding 51% of the Company's charter capital) had a total value of VND 10,886,682,485.*

- Các giao dịch trong năm 2025 với người có liên quan đến người nội bộ/ *Transactions in 2025 with related parties of internal personnel*: Không có/ *None*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty, HĐQT Công ty đã

bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác điều hành/ *The Company has fully complied with corporate governance regulations, and the Board of Directors has appointed the position of Corporate Governance Officer cum Company Secretary to assist the Board in management tasks.*

- Công ty chưa thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ do quy mô và cơ cấu hoạt động. Thời gian tới nếu Công ty phát triển thêm ngành nghề, mở rộng kinh doanh sẽ cơ cấu tổ chức thêm các tiểu ban, trong đó có tiểu ban kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ *The Company has not implemented the internal audit function due to its scale and organizational structure. In the future, if the Company expands its business sectors or operations, it will establish additional committees, including an Internal Audit Committee, to enhance the efficiency of corporate governance activities.*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. *Ý kiến kiểm toán/ Auditor's opinions: (Ghi tại trang 5 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)/ (Recorded on page 5 of the audited Financial Statements).*

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Because of the significance of the matters described in the paragraph "Basis for Disclaimer of Opinion," we were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for an audit opinion. Accordingly, we do not express an opinion on the accompanying Financial Statements.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited financial statements:*

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC ngày 16/03/2026 và văn bản giải trình số 89/CNDD-TCKT ngày 16/03/2026 về giải trình của Ban Giám đốc đối với đối với cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán của kiểm toán.

Attached are the Financial Statements for 2025 audited by AASC Auditing Firm Co., Ltd. dated March 16, 2026, and the explanatory document No. 89/CNDD-TCKT dated March 16, 2026, issued by the Board of Directors, addressing the basis for the auditor's disclaimer of opinion.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As mentioned above;*
- TV HĐQT, BKS/ *BOD Members, SB Members (e-copy)*
- Ban Giám đốc/ *EB (e-copy)*
- Phòng TCKT/ *FAD (e-copy)*
- Lưu VT; HĐQT; Người PTQT/ *Document Filing, BOD, CGO.*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CERTIFICATION OF THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

CHỦ TỊCH HĐQT/ CHAIRMAN OF THE BOD



NGÔ BUI NGỌC

Mr. NGO BUI NGOC

Số: 89 /CNDD-TCKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

V/v: Giải trình một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước hết Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, chênh lệch về LNST trên 10% so với năm 2024. Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) xin có một số ý kiến giải trình như sau:

I. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

1. Trong số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số 33A, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 09). Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025, số dư chi phí SXKD dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số 33A đường 30/4, phường Tam Thắng, TP.Hồ Chí Minh), với giá trị 32,99 tỷ VND. Đây là chi phí xây dựng của 123 chỗ đậu xe ô tô tại tầng hầm B2 thuộc sở hữu của chủ đầu tư. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

2. Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND (Thuyết minh số 09).

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND. Do tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025, một số khối lượng thực hiện vẫn chưa được chủ đầu tư đồng ý thanh toán. Vì vậy, công ty chưa xác định được chính xác giá trị khối lượng quyết toán của 2 dự án này và chờ quyết toán dự án thì công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang này.

3. Khu đất tại địa chỉ số 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là số 35D, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ - UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, Công ty chưa bàn giao lại lô đất cho địa phương và chưa xử lý đối với giá trị các tài sản trên đất.



[Handwritten signature]

Giải trình của Công ty: Sau khi có quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã làm các thủ tục để bàn giao khu đất tại số 35 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng do vướng mắc một số tài sản trên đất chưa được tháo dỡ, nên hiện nay vẫn chưa bàn giao được. Vì vậy, chúng tôi vẫn đang sử dụng diện tích của khu đất này để làm trụ sở văn phòng Công ty và đóng tiền thuê đất hằng năm.

4. Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 07) đã hoàn thành từ năm 2019.

Giải trình của Công ty: Hiện nay Dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của Dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

5. Ngoài ra, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các thông tin thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ chưa được xác nhận này.

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ số công nợ này.

II. Giải trình chênh lệch về LNST trên 10%:

* Tổng doanh thu và thu nhập năm 2025 so với năm 2024 tăng 7.944.366.638 đồng, tương ứng tăng 52,03%, cụ thể như sau:

- Doanh thu xây lắp và cho thuê tài sản tăng 9.904.318.582 đồng, tương ứng tăng 214,94%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 405.476.041 đồng, tương ứng tăng 26,00%.
- Thu nhập khác giảm 2.365.427.985 đồng, tương ứng giảm 25,99%.

* Tổng chi phí năm 2025 so với năm 2024 tăng 8.187.204.831 đồng, tương ứng tăng 60,43%, cụ thể như sau:

- Giá vốn tăng 10.106.761.400 đồng, tương ứng tăng 270,40%.
- Chi phí QLDN giảm 1.027.268.446 đồng, tương ứng giảm 13,50%.
- Chi phí khác giảm 892.288.123 đồng, tương ứng giảm 40,64%.

* LNST sau thuế năm 2025 so với năm 2024 chênh lệch nhiều hơn 10%: Nguyên nhân chính là do tổng doanh thu và thu nhập tăng, chi phí QLDN và chi phí khác giảm mạnh như đã nêu ở trên, nên LNST sau thuế TNDN của năm 2025 so với năm 2024 tăng 133.778.998 đồng, tương ứng tăng 36,18%.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; Ban KS (e-copy);
- Lưu VT; TCKT (Inh 6).



Lê Minh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DẪN DỰNG DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 08 ngày 17 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất là tại: số 35D, đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: Số 35D, đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Huyền	Thành viên
Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Lê Minh Hải - Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Trúc Vy	Thành viên
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;


- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Lê Minh Hải

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Trong số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số 33A, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 09). Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.

Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị số sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND (Thuyết minh số 09).

Khu đất tại địa chỉ số 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là số 35D, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ - UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, Công ty chưa bàn giao lại lô đất cho địa phương và chưa xử lý đối với giá trị các tài sản trên đất.

Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 07) đã hoàn thành từ năm 2019.

Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính kèm theo.

Ngoài ra, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các thông tin thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ chưa được xác nhận này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại Thuyết minh số 26 của Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty đang trình bày đang trình bày một số vụ kiện đang trong quá trình thi hành án.

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh:

- Tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2025 (mã số 421) là 177,55 tỷ VND, tương đương 59% vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411),
- Nợ quá hạn chưa thanh toán là 53,90 tỷ VND; nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 29,93 tỷ VND;
- Công ty bị cưỡng chế thuế đến ngày 25 tháng 12 năm 2026.

Những sự kiện này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026


Tạ Minh Châu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 6033-2023-002-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		277.249.233.265	300.454.540.059
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.796.870.075	257.882.027
111	1. Tiền		1.296.870.075	257.882.027
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	45.316.000.000	45.316.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.316.000.000	45.316.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		70.496.742.942	85.484.166.110
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	109.432.745.228	125.682.089.591
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.113.809.917	2.117.086.965
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	29.854.932.534	29.265.158.497
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.904.744.737)	(71.580.168.943)
140	IV. Hàng tồn kho	9	156.925.570.520	167.022.607.429
141	1. Hàng tồn kho		157.207.055.950	167.304.092.859
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(281.485.430)	(281.485.430)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.714.049.728	2.373.884.493
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.714.049.728	2.373.884.493
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.687.521.806	14.870.098.709
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.897.200.000	12.897.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	12.897.200.000	12.897.200.000
220	II. Tài sản cố định		22.620.000	205.196.903
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	22.620.000	205.196.903
222	- Nguyên giá		49.829.876.885	56.248.486.430
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.807.256.885)	(56.043.289.527)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.767.701.806	1.767.701.806
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.940.000.000	2.940.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.172.298.194)	(1.172.298.194)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		291.936.755.071	315.324.638.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		154.968.461.752	178.859.878.922
310	I. Nợ ngắn hạn		154.968.461.752	173.992.964.878
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	64.700.310.830	70.047.680.996
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	20.869.020.165	18.874.297.405
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	32.017.228.520	44.993.258.416
314	4. Phải trả người lao động		241.576.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	22.034.509.642	21.873.132.369
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.102.968.601	18.201.747.698
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.847.994	2.847.994
330	II. Nợ dài hạn		-	4.866.914.044
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		-	4.866.914.044
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.968.293.319	136.464.759.846
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	136.968.293.319	136.464.759.846
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		14.519.193.263	14.519.193.263
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(177.550.899.944)	(178.054.433.417)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(178.054.433.417)	(178.424.187.892)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		503.533.473	369.754.475
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		291.936.755.071	315.324.638.768


Nguyễn Thị Nga
 Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
 Giám đốc
 Thành phố Hồ Chí Minh,
 ngày 16 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	14.512.340.983	4.608.022.401
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.512.340.983	4.608.022.401
11	3. Giá vốn hàng bán	18	13.844.453.503	3.737.692.103
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		667.887.480	870.330.298
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.964.876.236	1.559.400.195
22	6. Chi phí tài chính		7.636.363	7.636.363
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.580.830.721	7.608.099.167
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.955.703.368)	(5.186.005.037)
31	9. Thu nhập khác	21	6.735.837.712	9.101.265.697
32	10. Chi phí khác	22	1.303.218.062	2.195.506.185
40	11. Lợi nhuận khác		5.432.619.650	6.905.759.512
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.476.916.282	1.719.754.475
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	973.382.809	1.350.000.000
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		503.533.473	369.754.475
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	17	12

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Nga
 Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng




Lê Minh Hải
 Giám đốc
 Thành phố Hồ Chí Minh,
 ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.476.916.282	1.719.754.475
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		182.576.903	598.762.781
03	- Các khoản dự phòng		(5.542.338.250)	(8.079.874.847)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.812.176.690)	(2.101.530.361)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.695.021.755)	(7.862.887.952)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		15.289.911.157	10.439.194.509
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		10.097.036.909	(2.369.169.808)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(19.997.885.935)	(7.673.317.133)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(53.953.131)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(497.536.232)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.305.959.624)	(8.021.869.747)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		847.300.454	1.110.954.681
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.997.647.218	2.378.400.040
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.844.947.672	3.489.354.721
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(217.079.697)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(217.079.697)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.538.988.048	(4.749.594.723)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		257.882.027	5.007.476.750
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.796.870.075	257.882.027


Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 16 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 08 ngày 17 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất là tại: số 35D, đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: Số 35D, đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn) tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 21 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 20 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng và công nghiệp dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Doanh thu trong năm 2025 tăng mạnh so với năm trước nguyên nhân chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động xây dựng bao gồm quyết toán thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành đợt 45,46 và 47 theo Hợp đồng số 21/2014/HĐKT PVC-PVCIC ngày 15/04/2014 của Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 tổng giá trị 10.886.682.485 VND. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản ổn định so với năm trước.

Áp dụng giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kể đến 31/12/2025 là 177,55 tỷ VND, tương ứng 59% vốn góp của chủ sở hữu; Nợ phải thu khách hàng 113,49 tỷ VND (xem thuyết minh số 5) lớn gấp 7,5 lần doanh thu thuần năm nay; Nợ quá hạn chưa thanh toán là 53,90 tỷ VND (xem thuyết minh số 11, 12 và 15); nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 29,93 tỷ VND (xem thuyết minh số 13); Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện một số hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty (đang trong giai đoạn quyết toán cuối cùng) và các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng kiot, máy móc thiết bị và tài sản khác. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán để gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn.

Với các giải pháp đang triển khai, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có nguồn tiền để thanh toán các nợ đến hạn trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Vào ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC sẽ được Công ty áp dụng kể từ thời điểm văn bản có hiệu lực, tức là từ ngày 01/01/2026 và dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo đối như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí trích trước giá vốn công trình tạm tính, trích trước tiền chậm nộp thuế... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.16 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho thuê và xây lắp, chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	38.034.403	36.854.751
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.258.835.672	221.027.276
Các khoản tương đương tiền (i)	500.000.000	-
	<u><u>1.796.870.075</u></u>	<u><u>257.882.027</u></u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 4,55%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	45.316.000.000	-	45.316.000.000	-
	45.316.000.000	-	45.316.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 45.316.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) - nay đã được chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất 4,12%/năm. Công ty không thể sử dụng được số tiền nêu trên với nguyên nhân "Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) đang trong thời gian bị kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.172.298.194)	2.890.000.000	(1.172.298.194)
	2.940.000.000	(1.172.298.194)	2.940.000.000	(1.172.298.194)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác					
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang (nay là Đồng Tháp)	0,003%	0,003%	Đang hoạt động	Sản xuất công nghiệp
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Đồng Nai	1,43%	1,00%	Đang hoạt động	Đóng tàu và cầu kiện nổi

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	65.024.793.508	(28.235.959.033)	80.502.864.193	(28.235.959.033)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	71.488.482	(71.488.482)	71.488.482	(71.488.482)
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	34.419.871.078	-	49.792.947.309	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	(26.096.125.925)	26.096.125.925	(26.096.125.925)
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.368.963.397	-	2.473.957.851	-
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	(2.068.344.626)	2.068.344.626	(2.068.344.626)
Bên khác	44.407.951.720	(32.012.945.369)	45.179.225.398	(32.688.369.575)
Công ty CP Thái Sơn E&C	21.519.494.013	(21.519.494.013)	21.759.494.013	(21.759.494.013)
Công ty CP Đầu tư Huy Thanh	9.700.000.000	-	9.700.000.000	-
Các khách hàng khác	13.188.457.707	(10.493.451.356)	13.719.731.385	(10.928.875.562)
	109.432.745.228	(60.248.904.402)	125.682.089.591	(60.924.328.608)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	9.040.000	-	-	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.040.000	-	-	-
Bên khác	2.104.769.917	(1.403.404.965)	2.117.086.965	(1.403.404.965)
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	(675.218.967)	675.218.967	(675.218.967)
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc xanh	240.000.000	-	260.000.000	-
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
Các đối tượng khác	939.550.950	(478.185.998)	931.867.998	(478.185.998)
	2.113.809.917	(1.403.404.965)	2.117.086.965	(1.403.404.965)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	32,770,982	-
Phải thu BHXH	88,667,168	-	-	-
Phải thu về tạm ứng Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	1,793,798,632	(868,569,802)	1,554,442,235	(868,569,802)
Phải thu khác Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3,268,873,511	(3,268,873,511)	3,268,873,511	(3,268,873,511)
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	379,178,000	-	379,178,000	-
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1,422,592,030	-	1,183,629,345	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	21,447,520,000	(3,716,247,633)	21,447,520,000	(3,716,247,633)
Phải thu khác	1,454,303,193	(1,398,744,424)	1,398,744,424	(1,398,744,424)
	29,854,932,534	(9,252,435,370)	29,265,158,497	(9,252,435,370)
b) Dài hạn				
Hợp tác: Dự án chung cư Long Sơn Riverside (ii)	12,897,200,000	-	12,897,200,000	-
	12,897,200,000	-	12,897,200,000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	379,178,000	-	379,178,000	-
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1,422,592,030	-	1,183,629,345	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	21,447,520,000	(3,716,247,633)	21,447,520,000	(3,716,247,633)
	23,249,290,030	(3,716,247,633)	23,010,327,345	(3,716,247,633)

(i) Khoản phải thu khác của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (gọi tắt là PVC-SG) số tiền là 21.447.520.000 VND theo Biên bản đàm phán phụ lục hợp đồng số 17 ngày 26 tháng 06 năm 2023 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là PetroCons) và Công ty về việc thương thảo, đàm phán điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng chia khóa trao tay Thuộc dự án Đầu tư Xây dựng Công trình "Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh" số 101/HĐXD/PVC-PVC IC/2013 ngày 30/05/2013. Theo đó, khoản tiền tạm ứng phải thu của PVC-SG tương ứng với số tiền nêu trên sẽ được Công ty tiếp nhận lại từ PetroCons. Đồng thời, Công ty sẽ có trách nhiệm quyết toán giá trị khối lượng mà PVC-SG đã thực hiện tại dự án này số tiền 17.731.272.367 VND (thuyết minh số 14) trên cơ sở Biên bản chuyển giao công nợ số 1240/BB-VĐKVN ngày 22/05/2013 giữa Viện Dầu khí Việt Nam, PetroCons và PVC-SG. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của PVC-SG với số tiền 3.716.247.633 VND tương ứng với phần chênh lệch phải thu và phải trả phần quyết toán giá trị khối lượng mà PVC-SG đã thực hiện tại dự án này.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%.
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án.
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.
- Tại ngày 31/12/2025: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sàn trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên Công ty chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

8 NỢ XUẤT

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	60.248.904.402	-	60.924.328.608	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.519.494.013	-	21.759.494.013	-
Các đối tượng khác	12.633.284.464	-	13.068.708.670	-
b) Trả trước cho người bán	1.403.404.965	-	1.403.404.965	-
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	-	675.218.967	-
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	-	250.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí - TM Thái Long	160.650.000	-	160.650.000	-
Các đối tượng khác	317.535.998	-	317.535.998	-
c) Phải thu khác	9.252.435.370	-	9.252.435.370	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	3.716.247.633	-	3.716.247.633	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn	3.268.873.511	-	3.268.873.511	-
Các đối tượng khác	2.267.314.226	-	2.267.314.226	-
	70.904.744.737	-	71.580.168.943	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.485.430	(281.485.430)	281.485.430	(281.485.430)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	156.925.570.520	-	167.022.607.429	-
	157.207.055.950	(281.485.430)	167.304.092.859	(281.485.430)

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công trình chung cư số 33A, Đường 30/4 (1)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 (2)	40.854.373.555	40.802.565.226
Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (3)	81.451.172.409	91.342.828.483
Công trình Viện dầu khí - giai đoạn 2	-	1.890.619.220
Công trình nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	1.633.430.056	-
	156.925.570.520	167.022.607.429

(1) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số 33A, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(2) Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện sông Hậu 1 do Công ty thực hiện thi công xây dựng các hạng mục thuộc nhà máy chính, bãi thải xỉ, hệ thống cảng và một phần kho than từ trục 01 đến 14 nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu. Tuy nhiên do thực hiện theo dạng hợp đồng EPC, ký với công ty mẹ là PETROCONS nên chưa thống nhất được đơn giá và tới thời điểm hiện tại chưa được quyết toán.

(3) Công ty đang trong quá trình thực hiện thi công xây dựng các hạng mục khu nhà máy chính Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo hợp đồng số 26/8/2014-21/2014/HĐKT/PVC-PVCIC ngày 26/08/2014.



10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.094.843.621	31.637.931.530	6.245.428.000	270.283.279	56.248.486.430
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	-	(39.706.000)	(6.418.609.545)
Số dư cuối năm	18.094.843.621	25.259.027.985	6.245.428.000	230.577.279	49.829.876.885
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.094.843.621	31.432.734.627	6.245.428.000	270.283.279	56.043.289.527
Khấu hao trong năm	-	182.576.903	-	-	182.576.903
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	-	(39.706.000)	(6.418.609.545)
Số dư cuối năm	18.094.843.621	25.236.407.985	6.245.428.000	230.577.279	49.807.256.885
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	205.196.903	-	-	205.196.903
Tại ngày cuối năm	-	22.620.000	-	-	22.620.000

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 46.006.740.199 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 52.425.349.744 VND).

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	19.081.910.390	19.081.910.390	20.174.090.758	20.174.090.758
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.421.062.839	2.421.062.839	2.793.084.781	2.793.084.781
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	5.653.184.859	5.653.184.859	6.273.343.285	6.273.343.285
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.675.388.658	2.675.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.719.125.171	5.719.125.171	5.719.125.171	5.719.125.171
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	247.321.233	247.321.233	247.321.233	247.321.233
<i>Bên khác</i>	45.618.400.440	45.618.400.440	49.873.590.238	49.873.590.238
Công ty CP Bê tông Thành Nam	6.650.312.248	6.650.312.248	6.650.312.248	6.650.312.248
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hoàng Đạt	4.200.393.762	4.200.393.762	4.230.393.762	4.230.393.762
Các người bán khác	34.767.694.430	34.767.694.430	38.992.884.228	38.992.884.228
	64.700.310.830	64.700.310.830	70.047.680.996	70.047.680.996
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	5.653.184.859	5.653.184.859	6.273.343.285	6.273.343.285
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.675.388.658	2.675.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.719.125.171	5.719.125.171	5.719.125.171	5.719.125.171
Các người bán khác	16.065.454.847	16.065.454.847	19.004.466.695	19.004.466.695
	32.219.203.057	32.219.203.057	35.878.373.331	35.878.373.331

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.849.430.030	-
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (i)	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
Bên khác	561.549.730	416.257.000
Các khách hàng khác	561.549.730	416.257.000
	<u>20.869.020.165</u>	<u>18.874.297.405</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (i)	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
	<u>18.458.040.405</u>	<u>18.458.040.405</u>

(i) Khoản người mua ứng trước của Ban quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là phần tiền ứng trước theo hợp đồng số 39/2014/HĐ-DADH ngày 29 tháng 12 năm 2014 với nội dung thi công dự án Văn phòng và phòng học, nhà công vụ cho giáo viên và Ký túc xá cho sinh viên - Trường cao đẳng nghề Dầu khí.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.895.606.078	1.294.415.169	3.459.166.670	730.854.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.350.000.000	973.382.809	-	2.323.382.809
Thuế thu nhập cá nhân	290.956.611	69.767.644	70.144.553	290.579.702
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	15.629.890.104	2.575.903.908	12.272.430.627	5.933.363.385
Các loại thuế khác	24.826.805.623	940.729.021	3.028.486.597	22.739.048.047
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<u>44.993.258.416</u>	<u>5.857.198.551</u>	<u>18.833.228.447</u>	<u>32.017.228.520</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tại thời điểm 31/12/2025, số tiền thuế và các khoản phải nộp khác đã quá thời hạn nộp là: 29.934.762.527 VND và Công ty đang bị cưỡng chế thuế theo Quyết định số 7496/QĐ-HCM-KDT ngày 25/12/2025 của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình Viện Dầu khí giai đoạn 1	21.292.646.006	21.509.496.006
Chi phí phải trả khác	741.863.636	363.636.363
	22.034.509.642	21.873.132.369
Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	17.731.272.367	17.731.272.367
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.466.673.639	3.361.373.639
	21.197.946.006	21.092.646.006

(i) Đây là khoản chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình "Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh" (chi tiết tại thuyết minh số 07).

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	477.104.955	455.911.215
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	44.286.402
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	1.246.252.165
Phí bảo trì chung cư 33A (i)	9.305.914.075	9.671.814.075
Phải trả khác	4.073.697.406	6.783.483.841
	15.102.968.601	18.201.747.698
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	1.246.252.165
Các khoản khác	1.986.271.865	2.108.341.139
	3.232.524.030	3.354.593.304

(i) Đây là Kinh phí bảo trì toà nhà tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số 33A, Đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh) phải bàn giao trả cho Ban quản trị nhà chung cư PVC-IC Diamond. Số dư giảm trong năm do Công ty thực hiện bù trừ giữa công nợ phải thu tiền giữ xe ô tô với công nợ phải trả tiền phí bảo trì chung cư. Hiện tại, Công ty đang bàn giao hồ sơ sửa chữa và giá trị khối lượng đã bảo trì để hoàn trả lại tiền quỹ này.

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(178.424.187.892)	136.095.005.371
Lãi trong năm trước	-	-	369.754.475	369.754.475
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(178.054.433.417)	136.464.759.846
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(178.054.433.417)	136.464.759.846
Lãi trong năm nay	-	-	503.533.473	503.533.473
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(177.550.899.944)	136.968.293.319

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51	153.000.000.000	51
Các cổ đồng khác	147.000.000.000	49	147.000.000.000	49
	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.519.193.263	14.519.193.263
	14.519.193.263	14.519.193.263

17 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.625.658.498	3.193.171.950
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.886.682.485	1.414.850.451
	14.512.340.983	4.608.022.401

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

	10.886.682.485	930.646.327
--	----------------	-------------

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	708.634.682	583.974.946
Giá vốn hợp đồng xây dựng	13.135.818.821	3.153.717.157
	13.844.453.503	3.737.692.103

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
 Tổng giá trị mua vào:
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

	-	903.845.978
--	---	-------------

19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.964.876.236	1.559.400.195
	1.964.876.236	1.559.400.195

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.311.582.421	3.274.296.445
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	84.655.695	43.017.267
Thuế, phí và lệ phí	2.304.106.622	2.945.051.066
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(675.424.206)	(341.085.331)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.250.926	654.755.751
Chi phí khác bằng tiền	945.659.263	1.032.063.969
	6.580.830.721	7.608.099.167

21 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	847.300.454	542.130.166
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây dựng	4.866.914.044	6.750.000.000
Thu nhập khác	1.021.623.214	1.809.135.531
	6.735.837.712	9.101.265.697

22 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chậm nộp thuế và bảo hiểm xã hội	645.873.674	2.176.318.752
Các khoản khác	657.344.388	19.187.433
	1.303.218.062	2.195.506.185

23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(3.389.997.762)	(5.030.245.525)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.303.218.062	2.195.506.185
- Chi phí không được trừ	1.303.218.062	2.195.506.185
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.086.779.700)	(2.834.739.340)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	497.536.232
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(497.536.232)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	4.866.914.044	6.750.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.866.914.044	6.750.000.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	973.382.809	1.350.000.000
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	1.350.000.000	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	2.323.382.809	1.350.000.000
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.323.382.809	1.350.000.000

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	503.533.473	369.754.475
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	503.533.473	369.754.475
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	12

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	681.721.711	174.723.803
Chi phí nhân công	4.114.060.085	4.392.597.264
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	216.160.988	53.867.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.576.903	598.762.781
Thuế, phí và lệ phí	2.304.106.622	2.945.051.066
Chi phí dự phòng	(675.424.206)	(341.085.331)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.165.875.008	4.577.166.419
Chi phí khác bằng tiền	1.339.170.204	1.313.877.809
	10.328.247.315	13.714.961.078

26 THÔNG TIN KHÁC

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả về các khoản chậm nộp thuế, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận. Kết quả của các vụ kiện này như sau:

- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty CP Thái Sơn E&C đã có quyết định bản án số 42/2023/KDTM ngày 25/04/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty CP Thái Sơn E&C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền là 36,52 tỷ VND trong đó nợ gốc là 21,75 tỷ VND và nợ lãi là 14,76 tỷ VND. Đến thời điểm hiện tại Công ty CP Thái Sơn E&C vẫn chưa thi hành án;
- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình phải thu của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã có quyết định bản án sơ thẩm số 36/2022/QĐ-SCBS ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh: chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty buộc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải trả cho Công ty tổng số tiền là 46,8 tỷ VND trong đó nợ gốc là 26,09 tỷ VND; số tiền nợ lãi là 20,78 tỷ VND. Đến thời điểm hiện tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn vẫn chưa thi hành án;
- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế số 41-CĐ/2014/HĐKT-CNDD về việc cung cấp thiết bị máy phát điện cho Trung tâm dự án phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện dầu khí với Công ty CP Cokyvina đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1166/QĐ-CCTHADS ngày 13/02/2020: Công ty có trách nhiệm thanh toán số tiền 2,23 tỷ VND. Công ty đã thanh toán dần hàng năm đối với kết quả của vụ kiện này;

- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty CP Eurowindow đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 988/QĐ-CCTHADS ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP Eurowindow số tiền là 1,4 tỷ VND. Công ty đã thanh toán dần hằng năm đối với kết quả của vụ kiện này;
- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty CP Vật liệu xây dựng Thế giới Nhà đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 908/QĐ-CCTHADS ngày 20/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP Vật liệu xây dựng Thế giới Nhà số tiền là 1,57 tỷ VND. Công ty đã thanh toán dần hằng năm đối với kết quả của vụ kiện này;
- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty CP Xây lắp dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 644/QĐ-CCTHADS ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVC-TH số tiền nợ gốc là 8,6 tỷ VND và nợ lãi là 1,7 tỷ VND. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa ghi nhận khoản nợ lãi nêu trên.

27 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

28 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	Cùng tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	Cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Cùng tập đoàn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	Cùng tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.886.682.485	930.646.327
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	903.845.978


Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch HĐQT	215.024.043	271.052.727
Bà Lê Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	34.650.000	42.000.000
Ông Trần Sỹ Huấn	Thành viên độc lập	34.650.000	42.000.000
Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	197.469.242	271.052.727
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	196.364.896	226.941.818
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	195.133.465	251.438.182
Bà Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	29.700.000	36.000.000
Bà Ngô Thị Trúc Vy	Thành viên BKS	108.172.182	24.000.000
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên BKS	122.379.818	130.647.273


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

29 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 16 tháng 03 năm 2026



No: 89 /CNDD-TCKT

Ho Chi Minh, 16 March 2026

V/v: Explanation of Certain Matters in the Independent
Auditor's Report on the Financial Statements for
the Fiscal Year Ended December 31, 2025.

To: - State Securities Commission of Vietnam (SSC)
- Hanoi Stock Exchange (HNX)

First of all, PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC) would like to extend its respectful greetings to the State Securities Commission of Vietnam and the Hanoi Stock Exchange.

In order to clarify certain matters stated in the Independent Auditor's Report on the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2025, in which the profit after tax differs by more than 10% compared with that of 2024, PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") would like to provide the following explanations:

I. Basis for Disclaimer of Opinion:

1. Included in the balance of construction in progress of the Company is the work-in-progress value relating to the Commercial – Service – Office and Apartment Complex Project located at No. 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria – Vung Tau Province (now No. 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City), amounting to VND 32.99 billion (Note 09). This project was completed and put into operation in 2018; however, as of the date of preparation of these financial statements, the Company has not yet obtained approval for the final settlement of the project.

The Company's explanation: As at the date of preparation of the 2025 financial statements, the balance of construction in progress relating to the Commercial – Service – Office and Apartment Complex Project located at No. 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria – Vung Tau Province (now No. 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City) amounted to VND 32.99 billion. This amount represents the construction cost of 123 car parking spaces located on Basement Level B2, which are owned by the project developer. Currently, the Company has engaged an independent auditor to audit the project's investment capital. Upon obtaining the approved final settlement of the investment capital, the Company will record the remaining construction-in-progress costs accordingly.

2. Also included in the balance of construction in progress, the Company has not yet determined the net realizable value of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project, with carrying amounts of VND 81.45 billion and VND 40.85 billion, respectively (Note 09).

The Company's explanation: As at the date of preparation of the 2025 financial statements, the balances of construction in progress relating to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project had carrying amounts of VND 81.45 billion and VND 40.85 billion, respectively. As of the reporting date, certain completed work volumes have not yet been accepted for payment by the project owners. Therefore, the Company has not been able to determine the final settlement value of these two projects. Upon completion and approval of the



project final settlement, the Company will record the remaining construction-in-progress costs accordingly.

3. The land plot located at No. 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria – Vung Tau Province (now No. 35D, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City) was revoked in accordance with Decision No. 3339/QD-UBND dated October 28, 2022 issued by the People’s Committee of Ba Ria – Vung Tau Province. However, the Company has not yet handed over the land plot to the local authority and has not determined the treatment of the value of the assets located on the land.

The Company’s explanation: Following Decision No. 3339/QD-UBND dated October 28, 2022 issued by the People’s Committee of Ba Ria – Vung Tau Province, the Company has carried out procedures to hand over the land plot located at No. 35, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria – Vung Tau Province to the Ba Ria – Vung Tau Land Development Center. However, due to certain assets on the land that have not yet been dismantled, the handover has not been completed. Therefore, the Company is currently continuing to use this land area as its office headquarters and is paying annual land rental fees in accordance with regulations.

4. The Company has not performed an assessment of the recoverability of the long-term receivable relating to the cooperation in the Long Son Riverside Apartment Project amounting to VND 12.89 billion (Note 07), which was completed in 2019.

The Company’s explanation: Currently, the project is in the process of completing its legal documentation and carrying out procedures for the audit of the project’s investment capital. Therefore, the Company has not yet assessed the effectiveness of its capital contribution to this project.

5. In addition, we have not been able to obtain sufficient supporting documents relating to the balances as at December 31, 2024 and December 31, 2025 of certain receivables amounting to VND 4.21 billion and VND 3.29 billion, respectively, and certain payables amounting to VND 21.27 billion and VND 18.78 billion, respectively. Based on the review procedures performed, we were still unable to obtain sufficient appropriate information regarding the carrying amounts of these unconfirmed balances.

The Company’s explanation: As at the date of preparation of the 2025 financial statements, the Company had substantially completed the confirmation procedures for receivables and payables relating to trade receivables, other short-term receivables, short-term trade payables and other short-term payables. However, as of the date of issuance of the report, a small number of customers have not yet returned the debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to obtain full confirmations of the outstanding balances.

II. Explanation for the variance in profit after tax exceeding 10%:

* Total revenue and income in 2025 increased by VND 7,944,366,638 compared with 2024, representing an increase of 52.03%, as detailed below:

- Total revenue and income in 2025 increased by VND 7,944,366,638 compared with 2024, representing an increase of 52.03%, as detailed below:

- Financial income increased by VND 405,476,041, representing an increase of 26.00%
- Other income decreased by VND 2,365,427,985, representing a decrease of 25.99%

* Total expenses in 2025 increased by VND 8,187,204,831 compared with 2024, representing an increase of 60.43%, as detailed below:

- Cost of sales increased by VND 10,106,761,400, representing an increase of 270.40%
- Administrative expenses decreased by VND 1,027,268,446, representing a decrease of 13.50%



FINANCIAL STATEMENTS

**PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

For the fiscal year ended as at 31 December 2025

(Audited)



CONTENTS

	Page
Report of the Board of Management	02 - 03
Independent Auditors' Report	04 - 05
Audited Financial Statements	06 - 33
Statement of Financial position	06 - 07
Statement of Income	08
Statement of Cash flows	09
Notes to the Financial Statements	10 - 33

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company ("the Company") presents its report and the Company's Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2025.

COMPANY

Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company was established and operates under the Enterprise Registration Certificate No. 3500832971, first issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on 26 November 2009 and amended for the 8th time on 17 June 2025.

The Company's head office, as stated in the Business Registration Certificate under the latest amendment, is located at 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province. This address has now been changed to 35D, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Ngo Bui Ngoc	Chairman
Mrs. Le Thi Thu Huyen	Member
Mr. Tran Sy Huan	Independent Member

BOARD OF MANAGEMENT

Members of the Board of Management during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Le Minh Hai	Director
Mr. Pham Manh Cuong	Deputy Director
Mr. Nguyen Van Hoanh	Deputy Director

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of these Financial Statements is Mr. Le Minh Hai – Director.

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision are:

Ms. Ngo Thi Thu Hoai	Head of the Board
Ms. Ngo Thi Truc Vy	Member
Mr. Phan Van Hung	Member

AUDITORS

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Financial Statements for the Company.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Company, its operating results and its cash flows for the year. In preparing those Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Directors and Board of Management to ensure the preparation and presentation of Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;


- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at any time and to ensure that the Financial Statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 31 December 2025, its operation results and cash flows in the year 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Company complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of the Board of Management 



Le Minh Hai

Director

Ho Chi Minh City, 16 March 2026



No: 160326.004/BCTC.KT5

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: Shareholders, Board of Directors and Board of Management
Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company**

We have audited the accompanying financial statements of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company ("the Company") prepared on 16 March 2026, from pages 06 to 33, including: Statement of Financial Position as at 31 December 2025, Statement of Income, Statement of Cash Flows for the fiscal year ended on the same date and Notes to Financial Statements.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management of Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company is responsible for the preparation of interim financial statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of interim financial statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. However, due to the matter described in the paragraph "Basis for Disclaimer of Opinion," we were unable to obtain sufficient and appropriate audit evidence to provide a basis for an audit opinion.

Basis for Disclaimer of Opinion

The balance of the Company's work-in-progress costs includes the unfinished value of the Commercial - Service - Office and Apartment Complex Project at 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province (currently No. 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City) with a recorded value of VND 32.99 billion (Note 09). This project was completed and put into operation in 2018; however, as at the date of these Financial statements, the Company has not yet obtained approval for the project final settlement.

Also included in the work-in-progress balance are the projects Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project with carrying amounts of VND 81.45 billion and VND 40.85 billion, respectively (Note 09). The Company has not determined the net realizable value of these projects as at the reporting date.

The land lot located at No. 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province (currently No. 35D, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City) was revoked under Decision No. 3339/QĐ-UBND dated 28 October 2022 issued by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau Province. However, the Company has not yet handed over the land lot to the local authorities and has not dealt with the value of the assets attached to the land.

The Company has not yet assessed the recoverability of the long-term receivable relating to the cooperation in the Long Son Riverside Apartment Project, amounting to VND 12.89 billion (Note 07), which was completed in 2019.

We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence to assess the impact of the above matters on the accompanying Financial statements.

In addition, we were unable to obtain sufficient supporting documentation relating to certain balances as at 31 December 2024 and 31 December 2025, including receivables amounting to

and VND 18.78 billion, respectively. Based on the audit procedures performed, we were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the carrying amounts of these unconfirmed balances.

Disclaimer of Opinion

Because of the significance of the matters described in the "Basis for Disclaimer of Opinion" paragraph, we have not been able to obtain sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for an audit opinion on the accompanying Financial Statements. Accordingly, we do not express an opinion on these Financial Statements.

Emphasis of Matter

We draw attention to Note 26 to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025, which describes several legal cases that are currently under enforcement proceedings.

The Company's financial statements reflect the following matters:

- Accumulated losses as at 31 December 2025 (Code 421) amounting to VND 177.55 billion, equivalent to 59% of the owner's contributed capital (Code 411),
- Overdue payables amounting to VND 53.90 billion; overdue tax liabilities amounting to VND 29.93 billion;
- The Company is subject to tax enforcement measures until 25 December 2026.

These events, along with the matters disclosed in Note 1, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the financial statements have been prepared on a going concern basis.

Our disclaimer of opinion is not modified with respect to this matter.



AASC Auditing Firm Company Limited

Phạm Anh Tuan
Deputy General Director
Registered Auditor No.: 0777-2023-002-1
Hanoi, 16 March 2026

Ta Minh Chau
Auditor
Registered Auditor No.: 6033-2023-002-1

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025

Code	ASSETS	Note	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. CURRENT ASSETS		277,249,233,265	300,454,540,059
110	I. Cash and cash equivalents	3	1,796,870,075	257,882,027
111	1. Cash		1,296,870,075	257,882,027
112	2. Cash equivalents		500,000,000	-
120	II. Short-term investments	4	45,316,000,000	45,316,000,000
123	1. Held-to-maturity investments		45,316,000,000	45,316,000,000
130	III. Short-term receivables		70,496,742,942	85,484,166,110
131	1. Short-term trade receivables	5	109,432,745,228	125,682,089,591
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	2,113,809,917	2,117,086,965
136	3. Other short-term receivables	7	29,854,932,534	29,265,158,497
137	4. Provision for short-term doubtful debts		(70,904,744,737)	(71,580,168,943)
140	IV. Inventories	9	156,925,570,520	167,022,607,429
141	1. Inventories		157,207,055,950	167,304,092,859
149	2. Provision for devaluation of inventories		(281,485,430)	(281,485,430)
150	V. Other short-term assets		2,714,049,728	2,373,884,493
152	1. Deductible VAT		2,714,049,728	2,373,884,493
200	B. NON-CURRENT ASSETS		14,687,521,806	14,870,098,709
210	I. Long-term receivables		12,897,200,000	12,897,200,000
216	1. Other long-term receivables	7	12,897,200,000	12,897,200,000
220	II. Fixed assets		22,620,000	205,196,903
221	1. Tangible fixed assets	10	22,620,000	205,196,903
222	- Historical cost		49,829,876,885	56,248,486,430
223	- Accumulated depreciation		(49,807,256,885)	(56,043,289,527)
250	III. Long-term investments	4	1,767,701,806	1,767,701,806
253	1. Equity investments in other entities		2,940,000,000	2,940,000,000
254	2. Provision for devaluation of long-term investments		(1,172,298,194)	(1,172,298,194)
270	TOTAL ASSETS		291,936,755,071	315,324,638,768

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025
(Continued)


Code	CAPITAL	Note	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. LIABILITIES		154,968,461,752	178,859,878,922
310	I. Current liabilities		154,968,461,752	173,992,964,878
311	1. Short-term trade payables	11	64,700,310,830	70,047,680,996
312	2. Short-term prepayments from customers	12	20,869,020,165	18,874,297,405
313	3. Taxes and other payables to State budget	13	32,017,228,520	44,993,258,416
314	4. Payables to employees		241,576,000	-
315	5. Short-term accrued expenses	14	22,034,509,642	21,873,132,369
319	6. Other short-term payables	15	15,102,968,601	18,201,747,698
322	7. Bonus and welfare fund		2,847,994	2,847,994
330	II. Non-current liabilities		-	4,866,914,044
342	1. Provisions for long-term payables		-	4,866,914,044
400	D. OWNER'S EQUITY		136,968,293,319	136,464,759,846
410	I. Owner's equity	16	136,968,293,319	136,464,759,846
411	1. Contributed capital		300,000,000,000	300,000,000,000
411a	- Ordinary shares with voting rights		300,000,000,000	300,000,000,000
418	2. Development and investment funds		14,519,193,263	14,519,193,263
421	3. Retained earnings		(177,550,899,944)	(178,054,433,417)
421a	- Retained earnings accumulated to previous year		(178,054,433,417)	(178,424,187,892)
421b	- Retained earnings of the current year		503,533,473	369,754,475
440	TOTAL CAPITAL		291,936,755,071	315,324,638,768



Nguyen Thi Nga
Preparer



Le Ngoc Hoang
Chief Accountant



Le Minh Hai
Director
Ho Chi Minh City, 16 March 2026



STATEMENT OF INCOME
Year 2025

Code	ITEMS	Note	Year 2025	Year 2024
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	17	14,512,340,983	4,608,022,401
10	2. Net revenue from sales of goods and rendering of services		14,512,340,983	4,608,022,401
11	3. Cost of goods sold and services rendered	18	13,844,453,503	3,737,692,103
20	4. Gross profit from sales of goods and rendering of services		667,887,480	870,330,298
21	5. Financial income	19	1,964,876,236	1,559,400,195
22	6. Financial expense		7,636,363	7,636,363
26	7. General and administrative expenses	20	6,580,830,721	7,608,099,167
30	8. Net profit from operating activities		(3,955,703,368)	(5,186,005,037)
31	9. Other income	21	6,735,837,712	9,101,265,697
32	10. Other expenses	22	1,303,218,062	2,195,506,185
40	11. Other profit		5,432,619,650	6,905,759,512
50	12. Total net profit before tax		1,476,916,282	1,719,754,475
51	13. Current corporate income tax expense	23	973,382,809	1,350,000,000
60	14. Profit after corporate income tax		<u>503,533,473</u>	<u>369,754,475</u>
70	15. Basic earnings per share	24	17	12

NTN

Nguyen Thi Nga
Preparer

LNH

Le Ngoc Hoang
Chief Accountant



LH

Le Minh Hai
Director

Ho Chi Minh City, 16 March 2026

STATEMENT OF CASH FLOWS
Year 2025
(Indirect method)

Code ITEMS	Note	Year 2025	Year 2024
		VND	VND
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax	1,476,916,282	1,719,754,475
	2. Adjustment for		
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	182,576,903	598,762,781
03	- Provisions	(5,542,338,250)	(8,079,874,847)
05	- Gains / losses from investment activities	(2,812,176,690)	(2,101,530,361)
08	3. Operating profit before changes in working capital	(6,695,021,755)	(7,862,887,952)
09	- Increase / decrease in receivables	15,289,911,157	10,439,194,509
10	- Increase / decrease in inventories	10,097,036,909	(2,369,169,808)
11	- Increase / decrease in payables	(19,997,885,935)	(7,673,317,133)
14	- Interest paid	-	(53,953,131)
15	- Corporate income tax paid	-	(497,536,232)
17	- Other payments on operating activities	-	(4,200,000)
20	Net cash flow from operating activities	(1,305,959,624)	(8,021,869,747)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
22	1. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	847,300,454	1,110,954,681
27	2. Interest and dividend received	1,997,647,218	2,378,400,040
30	Net cash flow from investing activities	2,844,947,672	3,489,354,721
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
34	1. Repayment of principal	-	(217,079,697)
40	Net cash flow from financing activities	-	(217,079,697)
50	Net cash flows in the year	1,538,988,048	(4,749,594,723)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year	257,882,027	5,007,476,750
70	Cash and cash equivalents at the end of the year	3 1,796,870,075	257,882,027

Handwritten signature of Nguyen Thi Nga

Nguyen Thi Nga
Preparer

Handwritten signature of Le Ngoc Hoang

Le Ngoc Hoang
Chief Accountant



Le Minh Hai
Director

Ho Chi Minh City, 16 March 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS
Year 2025

1 GENERAL INFORMATION

Form of ownership

Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company was established and operates under the Enterprise Registration Certificate No. 3500832971, first issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on 26 November 2009 and amended for the 8th time on 17 June 2025.

According to the latest amended Enterprise Registration Certificate, the Company's head office was located at No. 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province. Currently, this address has been changed to No. 35D, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City.

The charter capital of the Company is VND 300,000,000,000 equivalent to 30,000,000 shares, par value per share: VND 10,000 per share.

The number of employees of the Company as at 31 December 2025 was 21 people (as at 01 January 2025 was 20 people).

Business field: Construction

Business activities

Main business activities of the Company are:

- Construction and installation of industrial and civil works;
- Real estate business;
- Properties leasing.

The Company's operation in the year that affects the Financial Statements

Revenue in 2025 increased significantly compared to the previous year, mainly attributable to construction revenue, including the final settlement and payment for completed work volumes under payment batches No. 45, 46 and 47 pursuant to Contract No. 21/2014/HĐKT PVC-PVCIC dated 15 April 2014 relating to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project, with a total value of VND 10,886,682,485. In addition, the Company maintained stable revenue from service activities and the leasing of assets compared to the previous year.

Going concern assumption

The Company's Financial statements reflect accumulated losses as at 31 December 2025 amounting to VND 177.55 billion, equivalent to 59% of the owners' contributed capital. Trade receivables amount to VND 113.49 billion (Note 5), which is 7.5 times higher than the net revenue for the year. Overdue payables total VND 53.90 billion (Notes 11, 12 and 15), while overdue tax liabilities amount to VND 29.93 billion (Note 13). In addition, the net realizable value of work in progress has not yet been determined. These conditions indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern.

However, the Company is still in the process of implementing several major contracts, particularly those relating to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project with the EPC contractor – the Corporation (which is currently in the final settlement stage). In addition, the Company continues to generate revenue from service activities, including the leasing of kiosks, machinery, equipment and other assets. The Company is also actively implementing measures to recover outstanding receivables and negotiating with creditors to extend the repayment terms of certain overdue liabilities.

Based on the measures currently being implemented, the Board of Management believes that the Company will have sufficient cash resources to settle its liabilities as they fall due for at least 12 months from the end of the financial year. Accordingly, the Financial statements for the year ended 31 December 2025 have been prepared on a going concern basis.

2 ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).

2.2 Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

On October 27, 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC providing guidance on the corporate accounting regime, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 on the corporate accounting regime; Circular No. 75/2015/TT-BTC dated May 18, 2015 amending and supplementing Article 128 of Circular No. 200/2014/TT-BTC; and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016 amending and supplementing several articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC. The provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC will be applied by the Company from the effective date of the Circular, i.e., January 1, 2026, and will apply to financial years beginning on or after January 1, 2026.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 Accounting estimates

The preparation of Interim Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Interim financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting period.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Interim Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.4 Cash and Cash equivalents

Cash comprises cash on hand and demand deposits at banks.

Cash equivalents are short-term investments with original maturities of no more than three months from the date of acquisition, which are highly liquid, readily convertible to known amounts of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value.

2.5 Financial investments

Investments held to maturity comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the year as follows:

- Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.6 Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.7 Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the year: The value of work in progress is recorded for each construction project which is incomplete or revenue is unrecognised, corresponding to the amount of work in progress at the end of the year.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.8 Fixed assets

Tangible fixed assets are initially stated at the historical cost. During the using time, tangible fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the year in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful life as follows:

- Buildings, structures	10 - 12 years
- Machinery, equipment	03 - 15 years
- Vehicles, Transportation equipment	04 - 15 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years

2.9 Business Cooperation Contract (BCC)

Business Cooperation Contract (BCC) is a contractual agreement between two or more venturers with the objectives of cooperating to carry out specific business activities without constitution of a new legal entity. This operation may be jointly controlled by venturers under BCC or controlled by one of them.

In case of contributing money or assets to BCC, they should be recorded as receivables. During the process of operating BCC, depending on the form of BCC, the accounting methods are adopted as follows:

BCC in the form of jointly controlled assets

All parties in the joint venture shall simultaneously do the bookkeeping in their own accounting system and present in its Financial Statements with the following items:

- Its share of the jointly controlled assets, classified according to the nature of the assets;
- Liabilities incurred directly by each party;
- Its share of joint liabilities relating to the operation of joint venture;
- Its share of income from the sale or use of the joint venture's output, together with its share of expenses incurred by the joint venture;
- Expenses incurred directly in respect of its joint venture.

For fixed assets or investment properties contributed to BCC without transferring ownership from the contributor to the joint venture, the receiver shall record them as assets held under trust without recording any increase in assets or owner's equity; the contributor shall not recognize a decrease in assets in the accounting system but shall record the location of assets.

For fixed assets or investment properties contributed to BCC and transferred from the sole ownership of contributor to the joint ownership, during the construction of jointly controlled assets, the contributor shall record a decrease in assets and a corresponding increase in construction in progress in the accounting system. After putting jointly controlled assets into operation, each party shall record an increase in their assets in accordance with their purposes of use and corresponding to their shares in assets. The excess of the fair value of shared assets and the construction expense is recorded as other income (if profit) or other costs (if loss).

Accordingly, when the jointly controlled assets come into operation, BCC shall turn into the form of jointly controlled operations. Each party may take a share of the output or revenue from the use of jointly controlled assets and may bear a share of expenses incurred in accordance with the contract's agreement.

2.10 Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.11 Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as provision for estimated project cost of goods sold, provision for late tax payment which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the year shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the year. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.12 Provision for payables

Provision for payables is only recognized when meeting all of the following conditions:

- The Company has a present debt obligation (legal obligation or joint obligation) as a result of past events;
- It is probable that the decrease in economic benefits may lead to the requirement for debt settlement;
- Debt obligation can be estimated reliably.

Value recorded as a provision for payables is the most reasonably estimated amount required to settle the current debt obligation at the end of the accounting year.

Only expenses related to the previously recorded provision for payables shall be offset by that provision for payables.

Provisions for payables are recorded as operating expenses of the accounting year. In case provision made for the previous accounting year but not used up exceeds the one made for the current accounting year, the difference is recorded as a decrease in operating expenses. The excess of the provision for payables relating to construction warranty is recorded as other income in the fiscal year.

2.13 Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Company.

2.14 Revenue

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns.

The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The Company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods;

Revenue from rendering of services

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably;

Revenue from construction contract

Revenue and costs related to the contract are recognized based on the portion of work completed and confirmed by the customer during the year, as reflected in the issued invoices.

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the Company shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

2.15 Cost of goods sold and services rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.16 Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Borrowing costs;
- Provision for losses from investment in other entities,...

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.17 General and administrative expenses

General and administrative expenses reflect the Company's overall management costs, primarily including salaries of management personnel, social insurance, health insurance, trade union fees, unemployment insurance for management staff, provisions for doubtful debts, outsourced service costs, and other related expenses.

2.18 Corporate income tax

Current corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

Current corporate income tax rate

The fiscal year ended as at 31 December 2025, the Company applies the corporate income tax of 20% for the operating activities which has taxable income.

2.19 Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the period attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period.

2.20 Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Interim Financial Statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.21 Segment information

During the year, the Company primarily operated in the field of manufacturing and trading sanitary ceramic products and accompanying accessories in the territory of Vietnam. Therefore, the Company does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash on hand	38,034,403	36,854,751
Demand deposits	1,258,835,672	221,027,276
Cash equivalents (i)	500,000,000	-
	<u>1,796,870,075</u>	<u>257,882,027</u>

- (i) As at 31 December 2025, cash equivalents consisted of a 1-month term deposit of VND 500,000,000 placed at Bac A Commercial Joint Stock Bank – Vung Tau Branch, bearing an annual interest rate of 4.55%.

4 FINANCIAL INVESTMENTS

a) Held to maturity investments

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Term deposits				
- Military Commercial Joint Stock Bank (i)	45,316,000,000	-	45,316,000,000	-
	45,316,000,000	-	45,316,000,000	-

(i) As at 31 December 2025, held-to-maturity investments represent a 12-month term deposit amounting to VND 45,316,000,000 placed at Ocean Bank – Vung Tau Branch (currently Modern Bank of Vietnam Limited). The deposit has now been transferred to Military Commercial Joint Stock Bank with an interest rate of 4.12% per annum. The Company is currently unable to utilize the above-mentioned deposit as Ocean Bank (currently Modern Bank of Vietnam Limited) is under special control by the State Bank of Vietnam.

b) Equity investments in other entities

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Vietnam Petroleum Pipe Manufacturing JSC	50,000,000	-	50,000,000	-
- Nhon Trach Petroleum Shipbuilding and Repair JSC	2,890,000,000	(1,172,298,194)	2,890,000,000	(1,172,298,194)
	2,940,000,000	(1,172,298,194)	2,940,000,000	(1,172,298,194)

The Company has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System has not provided any detailed guidance on the determination of the fair value.

Detailed information about the investee entities as of 31 December 2025 is as follows:

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Operating status	Principal activities
Investment in other entities					
Vietnam Petroleum Pipe Manufacturing JSC	Tien Giang (now Dong Thap)	0.003%	0.003%	Operating	Industrial production
Nhon Trach Petroleum Shipbuilding and Repair JSC	Dong Nai	1.43%	1.00%	Operating	Shipbuilding and floating structures

5 SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
Related parties	65,024,793,508	(28,235,959,033)	80,502,864,193	(28,235,959,033)
Vietnam Gas Corporation - JSC	71,488,482	(71,488,482)	71,488,482	(71,488,482)
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	34,419,871,078	-	49,792,947,309	-
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC	26,096,125,925	(26,096,125,925)	26,096,125,925	(26,096,125,925)
Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC	2,368,963,397	-	2,473,957,851	-
Petroleum Interior and Exterior Equipment JSC	2,068,344,626	(2,068,344,626)	2,068,344,626	(2,068,344,626)
Others	44,407,951,720	(32,012,945,369)	45,179,225,398	(32,688,369,575)
Thai Son E&C JSC	21,519,494,013	(21,519,494,013)	21,759,494,013	(21,759,494,013)
Huy Thanh Investment JSC	9,700,000,000	-	9,700,000,000	-
Other customers	13,188,457,707	(10,493,451,356)	13,719,731,385	(10,928,875,562)
	109,432,745,228	(60,248,904,402)	125,682,089,591	(60,924,328,608)

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
Related parties	9,040,000	-	-	-
Petro Vietnam Construction Joint Stock Corporation	9,040,000	-	-	-
Others	2,104,769,917	(1,403,404,965)	2,117,086,965	(1,403,404,965)
Hieu Liem Co., Ltd	675,218,967	(675,218,967)	675,218,967	(675,218,967)
Green Architecture Design Co., Ltd	240,000,000	-	260,000,000	-
Thao Truyen Co., Ltd	250,000,000	(250,000,000)	250,000,000	(250,000,000)
Others	939,550,950	(478,185,998)	931,867,998	(478,185,998)
	2,113,809,917	(1,403,404,965)	2,117,086,965	(1,403,404,965)

7 OTHER RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
Receivables from interest on deposits	-	-	32,770,982	-
Receivables from employees	88,667,168	-	-	-
Receivables from advances	1,793,798,632	(868,569,802)	1,554,442,235	(868,569,802)
Vung Tau Tourism and Nursing JSC	3,268,873,511	(3,268,873,511)	3,268,873,511	(3,268,873,511)
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	379,178,000	-	379,178,000	-
Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC	1,422,592,030	-	1,183,629,345	-
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC (i)	21,447,520,000	(3,716,247,633)	21,447,520,000	(3,716,247,633)
Other receivables	1,454,303,193	(1,398,744,424)	1,398,744,424	(1,398,744,424)
	29,854,932,534	(9,252,435,370)	29,265,158,497	(9,252,435,370)
b) Long-term				
Cooperation: Long Son Riverside Apartment Project (ii)	12,897,200,000	-	12,897,200,000	-
	12,897,200,000	-	12,897,200,000	-
c) In which: Other payables from related parties				
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	379,178,000	-	379,178,000	-
Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC	1,422,592,030	-	1,183,629,345	-
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC (i)	21,447,520,000	(3,716,247,633)	21,447,520,000	(3,716,247,633)
	23,249,290,030	(3,716,247,633)	23,010,327,345	(3,716,247,633)

(i) Other receivables from Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company (PVC-SG) amount to VND 21,447,520,000, pursuant to the Minutes of Negotiation on Contract Appendix No. 17 dated 26 June 2023 between the Company and Vietnam Oil and Gas Construction Joint Stock Corporation (PetroCons) regarding the negotiation, amendment and supplementation of certain terms of the Turnkey Contract for the Investment and Construction Project "Laboratory Analysis Center and Office of Vietnam Petroleum Institute in Ho Chi Minh City" under Contract No. 101/HDXD/PVC-PVC IC/2013 dated 30 May 2013. Accordingly, the advance payment receivable from PVC-SG corresponding to the above amount will be taken over by the Company from PetroCons. At the same time, the Company will be responsible for settling the value of work performed by PVC-SG for this project amounting to VND 17,731,272,367 (Note 14), based on the Debt Transfer Minutes No. 1240/BB-VDKVN dated 22

May 2013 among the Vietnam Petroleum Institute, PetroCons and PVC-SG. As at 31 December 2025, the Company has recognized a provision for doubtful debts relating to PVC-SG amounting to VND 3,716,247,633, representing the difference between the receivable balance and the payable amount for the settlement of the work performed by PVC-SG for this project.

- (ii) Business Cooperation Contract No. 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND dated 8 June 2010.
- Parties, capital contribution ratios, form and schedule of capital contribution: Long Son Petroleum Industrial Zone Investment Joint Stock Company (IDICO Long Son); Khang Thong Construction Trading and Services Joint Stock Company (Khang Thong); and Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC), with capital contribution ratios of 85%, 5%, and 10%, respectively.
 - Purpose of the business cooperation: To jointly develop and operate the co-controlled asset project "Long Son Riverside Apartment" located at No. 1351 Huynh Tan Phat Street, Phu Thuan Ward, District 7, Ho Chi Minh City.
 - Scope of cooperation: Business activities relating to apartment units, the commercial center and other assets formed during the investment, development and operation of the project.
 - Profit and loss sharing arrangement: The participating parties are entitled to profits and shall bear losses or other business risks based on the operating results reported by the project operator (IDICO Long Son) and in proportion to their respective capital contribution ratios.
 - As at 31 December 2025, the project has been completed, with apartment units and commercial floor areas already offered for sale and commercial operation. However, due to pending legal procedures relating to the conversion of land use purpose to long-term residential land, the Company has not yet received any profit distribution from this contract.

8 DOUBTFUL DEBTS

Receivables that are overdue or not yet overdue but difficult to recover:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
a) Trade receivables	60,248,904,402	-	60,924,328,608	-
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC	26,096,125,925	-	26,096,125,925	-
Thai Son E&C JSC	21,519,494,013	-	21,759,494,013	-
Others	12,633,284,464	-	13,068,708,670	-
b) Prepayments to suppliers	1,403,404,965	-	1,403,404,965	-
Hieu Liem Co., Ltd	675,218,967	-	675,218,967	-
Thao Truyen Co., Ltd	250,000,000	-	250,000,000	-
Thai Long Mechanical - Trading Co., Ltd	160,650,000	-	160,650,000	-
Others	317,535,998	-	317,535,998	-
c) Other receivables	9,252,435,370	-	9,252,435,370	-
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC	3,716,247,633	-	3,716,247,633	-
Vung Tau Tourism and Nursing JSC	3,268,873,511	-	3,268,873,511	-
Others	2,267,314,226	-	2,267,314,226	-
	70,904,744,737	-	71,580,168,943	-

9 INVENTORIES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
Raw materials	281,485,430	(281,485,430)	281,485,430	(281,485,430)
Work in progress (i)	156,925,570,520	-	167,022,607,429	-
	157,207,055,950	(281,485,430)	167,304,092,859	(281,485,430)

(i) Detailed information of work in progress is as follows:

	31/12/25 VND	01/01/2025 VND
Apartment Building Project No. 33A, 30/4 Street (1)	32,986,594,500	32,986,594,500
Construction of Certain Items of Song Hau 1 Thermal Power Plant (2)	40,854,373,555	40,802,565,226
Construction of Certain Items of Thai Binh 2 Thermal Power Plant (3)	81,451,172,409	91,342,828,483
Petroleum Institute Project - Phase 2	-	1,890,619,220
Long Phu 1 Thermal Power Plant Project.	1,633,430,056	-
	156,925,570,520	167,022,607,429

(1) This represents the remaining work-in-progress balance relating to the Commercial - Service - Office - Apartment Complex Project at 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province (now No. 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City). The project was completed and put into operation in 2018; however, the final project settlement has not yet been approved.

(2) This relates to the construction of certain components of the Song Hau 1 Thermal Power Plant, where the Company executed the construction of the main plant structures, ash disposal sites, port systems, and part of the coal storage area from axis 01 to 14 of the Song Hau Thermal Power Plant. However, as the project was carried out under an EPC contract signed with the parent company PetroCons, the unit prices have not yet been agreed upon, and to the reporting date, the final settlement has not yet been completed.

(3) The Company is currently executing construction works for certain components of the main plant area of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project, under contract No. 26/8/2014-21/2014/HDKT/PVC-PVCIC, dated 26 August 2014.

10 TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Office equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost					
Beginning balance	18,094,843,621	31,637,931,530	6,245,428,000	270,283,279	56,248,486,430
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	-	(39,706,000)	(6,418,609,545)
Ending balance of the year	18,094,843,621	25,259,027,985	6,245,428,000	230,577,279	49,829,876,885
Accumulated depreciation					
Beginning balance	18,094,843,621	31,432,734,627	6,245,428,000	270,283,279	56,043,289,527
Depreciation in the year	-	182,576,903	-	-	182,576,903
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	-	(39,706,000)	(6,418,609,545)
Ending balance of the year	18,094,843,621	25,236,407,985	6,245,428,000	230,577,279	49,807,256,885
Net carrying amount					
Beginning balance	-	205,196,903	-	-	205,196,903
Ending balance	-	22,620,000	-	-	22,620,000

Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use as at 31 December 2025 was VND 46,006,740,199 (as at 01 January 2025 was VND 52,425,349,744).

11 SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
Related parties	19,081,910,390	19,081,910,390	20,174,090,758	20,174,090,758
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	2,421,062,839	2,421,062,839	2,793,084,781	2,793,084,781
Petroleum Design Consulting Corporation - JSC	259,778,108	259,778,108	259,778,108	259,778,108
Thanh Hoa Petroleum Investment and Construction JSC	5,653,184,859	5,653,184,859	6,273,343,285	6,273,343,285
Petroleum Mechanical Construction and Installation JSC	2,675,388,658	2,675,388,658	2,775,388,658	2,775,388,658
Nghe An Petroleum Construction Corporation - JSC	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522
Northern Branch - Vietnam Petroleum Construction JSC	5,719,125,171	5,719,125,171	5,719,125,171	5,719,125,171
Petroleum Service Port Company	247,321,233	247,321,233	247,321,233	247,321,233
Others	45,618,400,440	45,618,400,440	49,873,590,238	49,873,590,238
Thanh Nam Concrete Joint Stock Company	6,650,312,248	6,650,312,248	6,650,312,248	6,650,312,248
Hoang Dat Construction and Trading Co., Ltd	4,200,393,762	4,200,393,762	4,230,393,762	4,230,393,762
Other suppliers	34,767,694,430	34,767,694,430	38,992,884,228	38,992,884,228
	64,700,310,830	64,700,310,830	70,047,680,996	70,047,680,996
Unpaid overdue payables				
Thanh Hoa Petroleum Investment and Construction JSC	5,653,184,859	5,653,184,859	6,273,343,285	6,273,343,285
Petroleum Mechanical Construction and Installation JSC	2,675,388,658	2,675,388,658	2,775,388,658	2,775,388,658
Nghe An Petroleum Construction Corporation - JSC	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522
Northern Branch - Vietnam Petroleum Construction JSC	5,719,125,171	5,719,125,171	5,719,125,171	5,719,125,171
Other suppliers	16,065,454,847	16,065,454,847	19,004,466,695	19,004,466,695
	32,219,203,057	32,219,203,057	35,878,373,331	35,878,373,331

12 SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Related parties	18,458,040,405	18,458,040,405
Petro Vietnam Construction Joint Stock Corporation	1,849,430,030	-
Project Management Board of Vietnam Petroleum Institute (i)	17,612,939,300	17,612,939,300
PetroVietnam Power Corporation	845,101,105	845,101,105
Others	561,549,730	416,257,000
Others	561,549,730	416,257,000
	<u>20,869,020,165</u>	<u>18,874,297,405</u>
Unpaid overdue payables		
Project Management Board of Vietnam Petroleum Institute (i)	17,612,939,300	17,612,939,300
PetroVietnam Power Corporation	845,101,105	845,101,105
	<u>18,458,040,405</u>	<u>18,458,040,405</u>

(i) The advance from the Project Management Board of Vietnam Petroleum University represents advance payments received under Contract No. 39/2014/HĐ-DADH dated 29 December 2014 for the construction of office buildings, classrooms, staff housing, and student dormitories for the Petroleum Vocational College.

13 TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Tax payable at the beginning of year	Tax payable in the year	Tax paid in the year	Tax payable at the end of the year
	VND	VND	VND	VND
Value-added tax	2,895,606,078	1,294,415,169	3,459,166,670	730,854,577
Corporate income tax	1,350,000,000	973,382,809	-	2,323,382,809
Personal income tax	290,956,611	69,767,644	70,144,553	290,579,702
Land tax and land rental	15,629,890,104	2,575,903,908	12,272,430,627	5,933,363,385
Other taxes	24,826,805,623	940,729,021	3,028,486,597	22,739,048,047
Fees, charges and	-	3,000,000	3,000,000	-
	<u>44,993,258,416</u>	<u>5,857,198,551</u>	<u>18,833,228,447</u>	<u>32,017,228,520</u>

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

As at 31 December 2025, the amount of taxes and other payables to the State that were overdue amounted to VND 29,934,762,527. The Company is subject to tax enforcement measures in accordance with Decision No. 7496/QĐ-HCM-KDT dated 25 December 2025 issued by the Tax Department of Ho Chi Minh City.

14 SHORT TERM ACCRUED EXPENSES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Provisionally Accrued Cost of Goods Sold for Petroleum Institute Project Phase 1	21,292,646,006	21,509,496,006
Other accrued expenses	741,863,636	363,636,363
	<u>22,034,509,642</u>	<u>21,873,132,369</u>
b) In which: Accrued expenses from related parties		
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC (i)	17,731,272,367	17,731,272,367
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock	3,466,673,639	3,361,373,639
	<u>21,197,946,006</u>	<u>21,092,646,006</u>

(i) This is the provisionally accrued cost of goods sold for the project "Laboratory Analysis Center and Office of the Vietnam Petroleum Institute in Ho Chi Minh City" (detailed in Note 07).

15 OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Short-term		
Trade union fee	477,104,955	455,911,215
Social insurance, health insurance, unemployment	-	44,286,402
Interest expense	1,246,252,165	1,246,252,165
Maintenance Fee for Apartment Building 33A (i)	9,305,914,075	9,671,814,075
Others	4,073,697,406	6,783,483,841
	<u>15,102,968,601</u>	<u>18,201,747,698</u>
Unpaid overdue payables		
Interest expense	1,246,252,165	1,246,252,165
Others	1,986,271,865	2,108,341,139
	<u>3,232,524,030</u>	<u>3,354,593,304</u>

(i) This represents the apartment maintenance fund of the building located at 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province (now 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City), which is required to be handed over to the Management Board of the PVC-IC Diamond apartment building. The balance decreased during the year as the Company offset receivables from car parking charges against payables for apartment maintenance fees. Currently, the Company is in the process of handing over repair documentation and the value of maintenance works performed in order to refund this maintenance fund.

16 OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Development and investment funds	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year	300,000,000,000	14,519,193,263	(178,424,187,892)	136,095,005,371
Profit/(loss) for previous year	-	-	369,754,475	369,754,475
Ending balance of previous year	300,000,000,000	14,519,193,263	(178,054,433,417)	136,464,759,846
Beginning balance of current year	300,000,000,000	14,519,193,263	(178,054,433,417)	136,464,759,846
Profit/(loss) for this year	-	-	503,533,473	503,533,473
Ending balance of this year	300,000,000,000	14,519,193,263	(177,550,899,944)	136,968,293,319

b) Details of Contributed capital

	31/12/2025	Rate	01/01/2025	Rate
	VND	%	VND	%
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	153,000,000,000	51	153,000,000,000	51
Other shareholders	147,000,000,000	49	147,000,000,000	49
	300,000,000,000	100	300,000,000,000	100

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital		
- At the beginning of the year	300,000,000,000	300,000,000,000
- At the end of the year	300,000,000,000	300,000,000,000

d) Share

	31/12/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	30,000,000	30,000,000
Quantity of issued shares	30,000,000	30,000,000
- <i>Common shares</i>	30,000,000	30,000,000
Quantity of outstanding shares in circulation	30,000,000	30,000,000
- <i>Common shares</i>	30,000,000	30,000,000
Par value per share: VND 10,000/ share		

e) Company's reserves

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Development and investment funds	14,519,193,263	14,519,193,263
	<u>14,519,193,263</u>	<u>14,519,193,263</u>

17 TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Revenue from rendering of services	3,625,658,498	3,193,171,950
Revenue from construction contracts	10,886,682,485	1,414,850,451
	<u>14,512,340,983</u>	<u>4,608,022,401</u>
In which: Revenue from related parties (Detailed in Note 28)	10,886,682,485	930,646,327

18 COST OF GOODS SOLD

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Cost of services rendered	708,634,682	583,974,946
Cost of construction contracts	13,135,818,821	3,153,717,157
	<u>13,844,453,503</u>	<u>3,737,692,103</u>
In which: Purchase from related parties Total purchase value: (Detailed in Note 28)	-	903,845,978

19 FINANCIAL INCOME

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Interest income	1,964,876,236	1,559,400,195
	<u>1,964,876,236</u>	<u>1,559,400,195</u>

20 GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSE

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Labour expenses	3,311,582,421	3,274,296,445
Tools, instruments and supplies expenses	84,655,695	43,017,267
Tax, Charge, Fee	2,304,106,622	2,945,051,066
Provision expenses/ (Reversal) of provision expenses	(675,424,206)	(341,085,331)
Expenses of outsourcing services	610,250,926	654,755,751
Other expenses in cash	945,659,263	1,032,063,969
	<u>6,580,830,721</u>	<u>7,608,099,167</u>

21 OTHER INCOME

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Gain from liquidation, disposal of fixed assets	847,300,454	542,130,166
Collected fines	4,866,914,044	6,750,000,000
Others	1,021,623,214	1,809,135,531
	<u>6,735,837,712</u>	<u>9,101,265,697</u>

22 OTHER EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest on late payment of tax	645,873,674	2,176,318,752
Others	657,344,388	19,187,433
	<u>1,303,218,062</u>	<u>2,195,506,185</u>

23 CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
<i>Corporate income tax from main business activities</i>		
Total profit before tax	(3,389,997,762)	(5,030,245,525)
Increase	1,303,218,062	2,195,506,185
- <i>Ineligible expenses</i>	1,303,218,062	2,195,506,185
Taxable income	(2,086,779,700)	(2,834,739,340)
Current CIT expense (tax rate 20%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Tax payable at the beginning of the year	-	497,536,232
Tax paid in the year	-	(497,536,232)
Corporate income tax payable at the end of the year from main business activities	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Corporate income tax from real estate activities</i>		
Total profit from real estate activities	4,866,914,044	6,750,000,000
Taxable income	4,866,914,044	6,750,000,000
Current CIT expense (tax rate 20%)	<u>973,382,809</u>	<u>1,350,000,000</u>
Tax payable at the beginning of the year	1,350,000,000	-
Tax paid in the year	-	-
Corporate income tax payable at the end of the year from real estate activities	<u>2,323,382,809</u>	<u>1,350,000,000</u>
Corporate income tax payable at the end of the year	<u>2,323,382,809</u>	<u>1,350,000,000</u>

24 BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the Company are calculated as follows:

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Net profit after tax	503,533,473	369,754,475
Profit distributed to common shares	503,533,473	369,754,475
Average number of outstanding common shares in circulation	30,000,000	30,000,000
Basic earnings per share	17	12

The Company has not planned to appropriate the Bonus and Welfare Fund and the Executive Board Bonus Fund from Profit after Tax as at the dates of preparation of the financial statements.

As of December 31, 2025, the Company had no shares with potential dilutive effects on earnings per share.

25 BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Raw materials	681,721,711	174,723,803
Labour expenses	4,114,060,085	4,392,597,264
Tools, instruments and supplies	216,160,988	53,867,267
Depreciation expenses	182,576,903	598,762,781
Taxes, fees and charges	2,304,106,622	2,945,051,066
Provisions	(675,424,206)	(341,085,331)
Expenses of outsourcing services	2,165,875,008	4,577,166,419
Other expenses in cash	1,339,170,204	1,313,877,809
	10,328,247,315	13,714,961,078

26 OTHER INFORMATION

As at the date of these Financial statements, the Company is involved in several legal proceedings related to receivables and payables, including late tax payments, and penalty interest corresponding to recognized revenue without issued invoices. The status of these lawsuits is as follows:

- Regarding the dispute over a construction contract with Thai Son E&C Joint Stock Company: Judgment No. 42/2023/KDTM dated 25 April 2023 issued by the People's Court of District 1, Ho Chi Minh City recognized the agreement between the parties; under which Thai Son E&C Joint Stock Company is required to pay the Company VND 36.52 billion; including principal of VND 21.75 billion and interest of VND 14.76 billion. As at the date of these Financial statements, Thai Son E&C Joint Stock Company has not yet executed the judgment;
- Regarding the dispute over a construction contract receivable from Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company: First-instance Judgment No. 36/2022/QĐ-SCBS dated 24 October 2022 issued by the People's Court of District 3, Ho Chi Minh City accepted all claims of the plaintiff; requiring Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company to pay the Company a total amount of VND 46.8 billion, including principal of VND 26.09 billion and interest of VND 20.78 billion. As at the date of these Financial statements, Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company has not yet executed the judgment;
- Regarding the dispute over Economic Contract No. 41-CD/2014/HĐKT-CNDD relating to the supply of generator equipment for the Laboratory Analysis Center and Office Project of the

Vietnam Petroleum Institute with Cokyvina Joint Stock Company: Enforcement Decision No. 1166/QĐ-CCTHADS dated 13 February 2020 was issued. Accordingly the Company is required to pay VND 2.23 billion. The Company has been making annual installment payments in accordance with the enforcement decision.

- Regarding the dispute over a construction contract with Eurowindow Joint Stock Company: Enforcement Decision No. 988/QĐ-CCTHADS dated 3 January 2020 issued by the Civil Judgment Enforcement Sub-department of Vung Tau City requires the Company to pay Eurowindow Joint Stock Company an amount of VND 1.4 billion. The Company has been making annual installment payments in accordance with the enforcement decision;
- Regarding the dispute over a construction contract with The Gioi Nha Building Materials Joint Stock Company: Enforcement Decision No. 908/QĐ-CCTHADS dated 20 July 2020 issued by the Civil Judgment Enforcement Sub-department of Vung Tau City requires the Company to pay The Gioi Nha Building Materials Joint Stock Company an amount of VND 1.57 billion. The Company has been making annual installment payments in accordance with the enforcement decision;
- Regarding the dispute over a construction contract with Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company (PVC-TH): Enforcement Decision No. 644/QĐ-CCTHADS dated 24 November 2020 issued by the Civil Judgment Enforcement Sub-department of Vung Tau City requires the Company to pay PVC-TH principal of VND 8.6 billion and interest of VND 1.7 billion. As at 31 December 2025, the Company has not recognized the above-mentioned interest payable.

27 SUBSEQUENT EVENTS

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the financial statements.

28 TRANSACTIONS AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

List and relations between related parties and the Company are as follows:

Related parties	Relation
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	Parent Company
Petroleum Service Port Company	Fellow subsidiary
Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company	Fellow subsidiary
Northern Branch-Vietnam Petroleum Construction JSC	Fellow subsidiary
Petroleum Interior and Exterior Equipment Joint Stock Company	Fellow subsidiary
Saigon Petroleum Investment and Construction JSC	Fellow subsidiary
Thanh Hoa Petroleum Investment and Construction JSC	Fellow subsidiary
Nghe An Petroleum Construction Corporation - JSC	Fellow subsidiary
Petroleum Mechanical Construction and Installation JSC	Fellow subsidiary
Vietnam Gas Corporation - JSC	Fellow subsidiary
Petroleum Design Consulting Corporation - JSC	Fellow subsidiary
Project Management Board of Vietnam Petroleum Institute	Fellow subsidiary
PetroVietnam Power Corporation	Fellow subsidiary
Members of the Board of Directors, Board of Management, Supervisory Board, and other managers of the Company	Key management personnel

In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the year, the Company has transactions with related parties as follows:

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Sales of goods and rendering of services		
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	10,886,682,485	930,646,327
Purchase of goods and services		
Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation	-	903,845,978

Remuneration, salaries and other income of members of the Board of Directors, General Director, Supervisory Board and other managers are as follows:

	Position	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Mr. Ngo Bui Ngoc	Chairman	215,024,043	271,052,727
Ms. Le Thi Thu Huyen	Member of the Board of Directors	34,650,000	42,000,000
Mr. Tran Sy Huan	Independent member of the Board of Directors	34,650,000	42,000,000
Mr. Le Minh Hai	Director	197,469,242	271,052,727
Mr. Nguyen Van Hoanh	Deputy Director	196,364,896	226,941,818
Mr. Pham Manh Cuong	Deputy Director	195,133,465	251,438,182
Ms. Ngo Thi Thu Hoai	Head of the Board of Supervision	29,700,000	36,000,000
Ms. Ngo Thi Truc Vy	Member of the Board of Supervision	108,172,182	24,000,000
Mr. Phan Van Hung	Member of the Board of Supervision	122,379,818	130,647,273

In addition to the above related parties' transactions, other related parties did not have any transactions during the year and have no balance at the end of the fiscal year with the Company.

29 COMPARATIVE FIGURES


The comparative figures are figures in the Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited.



Nguyen Thi Nga
 Preparer



Le Ngoc Hoang
 Chief Accountant



Le Minh Hai
 Director
 Ho Chi Minh City, 16 March 2026

